

Tác giả: Paul Bernier, sss

**TÁM BÁNH
ĐƯỢC BỀ RA VÀ CHIA SẺ**

Mở rộng Tâm nhìn về Phép Thánh Thể

Lm. Giuse Trần Đình Long, sss
chuyển ngữ 2012

NHỮNG ANH CHỊ EM CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Trong Giáo hội Đông phương, khi một đứa trẻ được thanh tẩy, cháu bé không chỉ được hoàn toàn ngâm mình vào dòng nước của sự sống, mà còn được ban vài giọt máu cực châu báu nữa. Ngày lãnh phép Thanh tẩy cũng chính là ngày Rước lễ Lần đầu. Đối với Giáo hội Tây phương, mặc dù chúng ta dễ dàng hiểu được biểu tượng và nét đẹp của cách sử dụng việc nhận chìm trong nước, thay vì chỉ đổ vài giọt nước trên trán, nhưng chúng ta vẫn chưa được chuẩn bị đủ để nhận thấy một đứa bé có thể và nên Rước lễ như thế nào.

Tuy nhiên, Giáo hội Đông phương chưa bao giờ thay đổi việc liên kết các bí tích với nhau, cả trong lý thuyết lẫn thực hành. Phép Thanh tẩy, Phép Thêm Sức, và Phép Thánh Thể vẫn luôn luôn được hiểu như là lối mở vào đời sống Ki-tô hữu. Do đó, các bí tích này không

thể tách rời nhau. Vậy có thể hữu ích khi bắt đầu thảo luận về Phép Thánh Thể, với vài tư tưởng cơ bản về bản chất đích thực của phép Thanh tẩy Ki-tô giáo. Trên thực tế, chúng ta không thể đánh giá đúng Phép Thánh Thể, trừ khi chúng ta hiểu được phép Thanh tẩy một cách thích đáng.

Tại sao lại thanh tẩy?

Trong số tất cả các câu trả lời được đưa ra đối với câu hỏi này, câu trả lời phổ biến nhất là phép Thanh tẩy cần thiết cho ơn cứu độ. Phép Thanh tẩy đạt được ơn này bằng cách loại bỏ tội nguyên tổ và những hậu quả của nó trong đời sống chúng ta. Quá trình này cũng làm cho người nhận được ơn này trở thành nghĩa tử của Thiên Chúa, nhờ đó, cho họ được vào nước trời như là một phần trong quyền thừa kế của họ. Với tư cách bí tích đầu tiên, phép Thanh tẩy là một việc mở đầu cần thiết, để chúng ta có thể nhận được Phép Thánh Thể qua việc Rước lễ. Phép Thanh tẩy vẫn luôn luôn được coi như chủ yếu.

Thật vậy, hầu hết chúng ta đều xúc động trước những câu chuyện về các vị thánh cao cả, những vị đứng là đã hiến cả cuộc đời các ngài để rao giảng sứ điệp của Đức Giê-su. Để rao giảng Tin Mừng, các tu sĩ Dòng Tên đã từng làm tương tự như vậy tại Miền Bắc Mỹ, liềm mình chấp nhận cuộc tử đạo đặc biệt khủng khiếp dưới tay của những Thổ dân. Và chắc hẳn hầu hết các bậc cha mẹ Công Giáo đều tìm cách cho con họ được lãnh phép Thanh tẩy càng sớm càng tốt, hầu đảm bảo cho chúng một chỗ trong vương quốc của Đức Giê-su.

Một vấn đề có thể ẩn giấu ở đây. Có thể chúng ta đi đến chỗ coi phép Thanh tẩy chủ yếu như một thứ giấy phép tự động, cần thiết để đưa chúng ta vào nước trời

(miễn là chúng ta không làm bất cứ điều gì tội lỗi đủ để đánh mất giấy phép đó). Tuy nhiên, việc tập trung vào những ơn ích nhận được lại là một thú tiêu khiển khá thụ động. Đây hoàn toàn là một đặc ân, không phải một tác phẩm của con người. Phải chăng đây là ngôn ngữ và lối suy nghĩ của Giáo hội tiên khởi?

Thực sự không phải như vậy.

Chẳng hạn, Tin Mừng theo Thánh Mác-cô, cuốn Tin Mừng đầu tiên được viết ra, hiếm khi đề cập rõ đến phép Thanh tẩy. Nhưng Tin Mừng thứ nhất hàm ý về bí tích này xuyên suốt. Thật vậy, chúng ta có thể đọc Tin Mừng này như một giáo huấn kéo dài về mục đích và những hiệu quả của phép Thanh tẩy. Chắc hẳn Thánh Mác-cô kể lại cho chúng ta câu chuyện về Đức Giê-su, nhưng ngài làm như vậy để chúng ta, những kẻ chia sẻ cuộc sống của Người qua phép Thanh tẩy, có thể hiểu rõ hơn việc trở thành một kẻ theo Đức Giê-su có nghĩa là gì.

Một phân tích nhanh về Tin Mừng theo nghĩa đen cho thấy Tin Mừng được cấu trúc để trả lời hai câu hỏi cơ bản: Đức Giê-su là ai? Môn đệ của Người là ai? Chúng ta có một phần câu trả lời trong chương 8, khi cuối cùng chúng ta đi tới lời xưng thú của thánh Phê-rô (và của chúng ta?) về nhân dạng đích thực của Đức Giê-su: Người chính là Đấng Mê-si-a. Nhưng sự nhận biết này chỉ đến sau cuộc đấu tranh từ sự hiểu lầm này đến sự hiểu lầm khác. Tuy nhiên, ngay cả khả năng tuyên bố rằng Đức Giê-su là Đấng Mê-si-a chỉ mới đạt được phân nửa cuộc đấu tranh. Việc nhận biết Đức Giê-su là *loại* Mê-si-a nào cũng thực sự là điều cần thiết.

Đối với toàn bộ điều này, điều đáng ngạc nhiên là dường như Đức Giê-su đã bị hiểu lầm bởi chính những kẻ

đáng lẽ nên đánh giá đúng về Người nhất: người Pha-ri-sêu, những kẻ rất trung thành với Lễ luật; gia tộc và quê nhà Người; ngay cả các môn đệ của Người. Dường như những kẻ duy nhất biết được Đức Giê-su là ai lại chính là dân ngoại, mà Người đã tác động đến cuộc sống của họ, như người đàn ông từ Ghê-ra-sa đã được giải thoát khỏi thần ô uế và nài xin để trở thành môn đệ Người, và người phụ nữ gốc Phê-ni-xi thuộc xứ Xy-ri-a rõ ràng tin tưởng vào Người, và kết quả là con gái bà đã được chữa lành.

Một trong những lý do cơ bản của sự hiểu lầm này là không thể nói rằng Đức Giê-su là ai, mà lại không đồng thời khẳng định người Ki-tô hữu là ai. Không thể tách rời Ki-tô-học đích thực khỏi những kết quả ảnh hưởng đến đời sống riêng và hành động của chúng ta. Ngay cả việc chúng ta cùng với thánh Phê-rô nói rằng Đức Giê-su là Đấng Mê-si-a vẫn để lại những cách thức rất đích thực mà trong đó, chúng ta cần phải thanh lọc lại sự hiểu biết của mình về tư cách của Đấng Mê-si-a có nghĩa là gì, và chính Đức Giê-su đã phải sống vai trò đó như thế nào. Chính gương mẫu của Người là tiêu chuẩn đối với chúng ta.

Do đó, phân nửa thứ hai của cuốn Tin Mừng này tìm cách thanh lọc sự hiểu biết của các môn đệ. Đức Giê-su bắt đầu giải thích rõ Người được sai đến để trở thành loại Mê-si-a nào, và điều này gợi ý gì đối với những kẻ theo Người. Đường lối của Đức Giê-su không đưa đến chiến tranh và vinh quang trần thế. Người không đến để dẫn đầu những đội quân chiến thắng chống lại đế quốc Rô-ma và lập ra một vương quốc trần thế mà Người sẽ cai trị. Thay vào đó, Đức Giê-su sẽ trải qua những đau khổ lớn lao, bị khước từ và bị giết chết. Điều này là mong đợi hầu như không phổ biến về Đấng Mê-si-a.

Dường như Đức Giê-su chưa bao giờ thành công rõ rệt lắm trong việc làm cho những kẻ theo Người hiểu được điều này. Trên thực tế, mỗi khi Người tiên báo về cuộc thương khó và sự chết không thể tránh khỏi, thì các môn đệ thân thiết nhất của Người vẫn không hiểu nổi Người. Thánh Mác-cô đưa ra cho chúng ta ba sự kiện như vậy. Thậm chí trong Bữa tiệc Ly, mặc dù thánh Phê-rô và các môn đệ đều thề hứa sẵn sàng chết vì Đức Giê-su, nếu cần, nhưng chúng ta vẫn được nghe nói rằng chỉ vài giờ sau, “các môn đệ đều bỏ Người và chạy trốn hết”. Đây là tội đing của những năm tháng thiếu hiểu biết.

Thánh Mác-cô ghi chép nhiều sự kiện đáng buồn hơn trong cuộc đời Đức Giê-su. Nói đúng hơn, ngài muốn chúng ta hiểu rằng sự thiếu hiểu biết về ý nghĩa của việc theo Đức Giê-su là một vấn đề vẫn tái diễn trong cộng đoàn Ki-tô hữu. Đối với chúng ta ngày nay, chúng ta còn dễ dàng hơn trong việc tập trung vào những ơn ích cá nhân của phép Thanh tẩy, trong khi chúng ta lại phớt lờ những trách nhiệm mà Phép Bí tích này bao hàm. Hãy ghi chú điều gì xảy ra, nếu chúng ta tự đặt mình vào vị trí của các môn đệ, khi Đức Giê-su tiên báo về cuộc thương khó của Người, và quan sát kỹ những phản ứng của các ông như một giáo huấn mở rộng về bản chất của phép Thanh tẩy.

Trước lời tiên báo của Đức Giê-su rằng Người phải chịu nhiều đau khổ, khi phản ứng đầu tiên của ông Phê-rô là kéo riêng Người ra và bắt đầu trách Người (Mc 8:32), thì Đức Giê-su cũng khiển trách ông. Đức Giê-su đặc biệt bận tâm rằng tâm gương của ông Phê-rô sẽ gây ảnh hưởng xấu đến các môn đệ khác, nên Người nhìn các ông và trách ông Phê-rô: “Tu tưởng của anh không phải là

tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người". Đức Giê-su ý muốn nói với ông: Anh đang quyến rũ những kẻ khác suy nghĩ giống như vậy – vai trò của Satan. "Phê-rô, hãy theo Ta, chứ không phải theo sự khôn ngoan của thế gian". Nhân thế, đây là cách chúng ta nên hiểu thế nào về cụm từ "Lui lại đằng sau Thầy". Vì Thánh Mác-cô sử dụng chính xác cùng những từ này trong câu kế tiếp, khi Đức Giê-su gọi cả đám đông cùng với các môn đệ lại, và đưa ra một lời mời gọi và một nguyên tắc tổng quát: "Ai muốn theo Tôi, phải từ bỏ chính mình và vác thập giá mình mà theo" (Mc 8:34). Tất cả chúng ta đều được mời gọi để "ở đằng sau Đức Giê-su" và theo Người không chỉ trên một phần con đường, nhưng toàn bộ con đường, ngay cả cho đến chết. Phép Thanh tẩy là một lời mời gọi đi theo Đức Ki-tô trên toàn bộ con đường, để sống và chết như Người đã làm.

Lời tiên báo thứ hai cũng rõ rệt về điểm này (Mc 9:31-37). Các môn đệ không chỉ không hiểu được những lời của Đức Giê-su, Thánh Mác-cô nói với chúng ta rằng thậm chí các ông còn e ngại không dám hỏi Người. Tuy nhiên, lối cư xử của các ông còn cho thấy rằng các ông đã hoàn toàn thiếu quan điểm. Chẳng bao lâu sau khi Đức Giê-su đề cập đến việc Người phải chịu đau khổ, các ông đã suy nghĩ trong tâm trí và dành cả đoạn đường còn lại để bàn bạc xem ai trong các ông là kẻ lớn nhất. Sự kiên nhẫn của Đức Giê-su đối với các ông thật đáng kinh ngạc. Người ngồi xuống và gọi nhóm 12 đến với Người và giải thích lại rằng bất cứ ai trong các ông muốn trở thành kẻ lớn nhất, thì người đó sẽ phải trở thành kẻ cuối cùng, bằng cách phục vụ tất cả mọi người.

Đây là đường lối mà chính Đức Giê-su đã chọn. Sự cao cả của Người không phát xuất từ khả năng của Người để rồi sai khiến những kẻ khác, nhưng đến từ việc trở thành tôi tớ phục vụ tất cả mọi người. Đối với sự cao cả hoặc thành công, môn đệ không thể hy vọng vào bất cứ đường lối nào khác. Đường lối của những kẻ theo Đức Kitô phải là đường lối mà chính Người đã giải thích. Phép Thanh tẩy là một thực tại lôi kéo chúng ta theo Đức Giê-su và trở nên cao cả theo cùng đường lối mà chính Người đã trở nên cao cả: bằng cách trội vượt trong sự phục vụ những kẻ khác.

Lời tiên báo cuối cùng về cuộc thương khó cho thấy rõ ý định của Thánh Mác-cô. Một lần nữa, Đức Giê-su mô tả bằng chi tiết sinh động những việc sẽ xảy ra với Người là gì (Mc 10:33-45). Và như có thể dự báo, tâm trí của các môn đệ vẫn để ở đâu đó, với những suy nghĩ về vinh quang và thanh thế. Thật vậy, hai ông Gia-cô-bê và Gio-an tiếp xúc với Đức Giê-su trước các môn đệ khác, để hỏi xin Người hai công việc tốt nhất trong vương quốc mới mà các ông vẫn mong đợi Đức Giê-su khai mở. Ở điểm này, Đức Giê-su đã bộc lộ thẳng và nói với các ông rằng các ông không biết mình đang xin gì. Người hỏi: "Các anh có uống nổi chén Thầy sắp uống, hoặc chịu được phép rửa Thầy sắp chịu không?". Ở đây, có sự liên kết rõ rệt giữa phép Thanh tẩy với cuộc thương khó và sự chết.

Trong phần này của Tin Mừng, điều khôi hài là các môn đệ khác đều bực tức với hai ông Gia-cô-bê và Gio-an. Nhưng không phải vì họ hăm hở trong việc chấn chỉnh lại tình trạng thiếu nhạy cảm đáng chê trách của hai ông. Họ muốn vị trí hàng đầu cho bản thân họ! Tuy nhiên, một lần nữa, Đức Giê-su lại củng cố bài học. Bất cứ ai muốn

làm lớn thì phải phục vụ kẻ khác, và bất cứ ai muốn làm đầu thì phải làm đầy tớ mọi người. Tại sao thế? Vì chính Đức Giê-su đã làm gương và vạch ra đường lối: “Vì Con người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ và hiến mạng sống làm giá cứu chuộc muôn người” (Mc 10:45).

Cho đến đây, chúng ta quen thuộc với quan điểm mà Thánh Mác-cô nhấn mạnh: Những ai tự cam kết theo Đức Ki-tô đều phải hoàn toàn làm như vậy, họ phải được chuẩn bị để dấn thân trên cùng con đường mà Đức Giê-su đã đi, và không lùi bước khi nghĩ đến đau khổ. Điều này dường như đủ rõ rệt. Tuy nhiên, có lẽ chúng ta chưa bao giờ nhận ra tất cả những hàm ý của thần học này. Thật là không đủ khi chỉ coi đó như một lời cổ vũ để dâng hiến những nỗ lực đôn đốc và khổ tâm của cuộc đời theo gương Đức Giê-su. Sự tiến xa hơn và nói rằng chúng ta nên chấp nhận toàn bộ những hậu quả của tình trạng con người như Đức Giê-su đã từng chấp nhận mặc dù thật quan trọng, nhưng vẫn còn quá yếu.

Việc liên kết phép Thanh tẩy với cuộc thương khó của Đức Giê-su thúc đẩy chúng ta hỏi lại một lần nữa rằng tại sao Đức Giê-su đã chịu đau khổ và chết. Nền thần học Ki-tô giáo luôn luôn trả lời câu hỏi này theo cùng cách thức: Đức Giê-su chết không phải vì tội lỗi của Người – vì Người vốn vô tội; nói đúng hơn, Đức Giê-su chết chính vì tội lỗi chúng ta. Người đã sống và chết không vì bản thân Người, nhưng vì những kẻ khác. Chính xác sự “vì những kẻ khác” này tạo nên sự cao cả của Người. Bây giờ, nếu phép Thanh tẩy liên kết chúng ta với khía cạnh này của cuộc đời Đức Giê-su, thì chúng ta được dạy rằng điều này là cho những kẻ đã được thanh tẩy trong Đức Ki-tô, cuộc

sống chỉ có thể bao gồm trong sự sống – và chết – cho những kẻ khác. Phép Thanh tẩy là một lời cam đoan liên kết trong lối sống cứu độ của Đức Giê-su và dâng hiến mạng sống của chúng ta để cứu chuộc thế giới.

Học thuyết này của Đức Giê-su như là kiểu mẫu của Ki-tô hữu đã được thanh tẩy xuyên suốt Kinh Thánh. Trong phép Thanh tẩy, chúng ta thường nghe bản văn của thánh Phao-lô gửi các tín hữu thành Rô-ma: “Anh em không biết rằng: khi chúng ta được chìm vào nước thanh tẩy, để thuộc về Đức Giê-su Ki-tô, là chúng ta được chìm vào trong sự chết của Người sao? Vì được chìm vào trong sự chết của Người, chúng ta đã cùng được mai táng với Người. Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới” (Rm 6:3-4). Đường lối mới này hoàn toàn kết hợp chúng ta với mục đích-sống của chính Đức Ki-tô, đến nỗi chúng ta không còn sống cho bản thân nữa, nhưng sống vì những kẻ khác. Bằng cách đó, chúng ta có thể “mang lấy vào thân cho đủ mức đối với những gian nan thử thách mà Đức Ki-tô còn phải chịu, vì lợi ích cho thân thể Người là Hội Thánh” (Cl 1:24).

Nếu chúng ta trở lại với Thánh Mác-cô, chúng ta có thể nhận thấy ngài đang đưa ra cho mỗi người chúng ta một thách đố: Khi chúng ta được yêu cầu thực sự sống trọn vẹn cuộc đời của Đức Ki-tô, phải chăng chúng ta sẽ quyết định rằng cái giá này quá cao, và chúng ta từ bỏ cam kết của mình? Hoặc phải chăng chúng ta sẽ rao giảng Tin Mừng chiến thắng của Đức Ki-tô qua chính sự chết, một chiến thắng chỉ có thể được thực hiện bằng cách không sợ hãi hoặc tránh né cuộc thử nghiệm cuối cùng?

Khi cảnh tượng cuối của cuộc đời Đức Giê-su bắt đầu, thì những kẻ theo Người đều đang ở với Người trong vườn Ghết-sê-ma-ni. Giả thử các ông đã được huấn luyện đầy đủ, và cam kết với Người; thì các ông đều sẵn sàng cho cuộc thử thách cuối cùng. Tuy nhiên, khi Giu-đa và đám đông đến bắt giữ Đức Giê-su, thì tất cả các môn đệ bỏ Người và chạy trốn hết. Mặc dù trong vườn có một chàng thanh niên bí ẩn – và tiếng Hy Lạp cho thấy rằng anh chàng này mới lớn, một người chỉ vừa mới chịu trách nhiệm của người lớn. Ngoài ra, anh chàng này còn ở đó, mình khoác vồn vện một tấm vải gai; cậu ta mặc cùng tấm vải mà Đức Giê-su được mai táng. Rất có thể chúng ta hỏi rằng một người đang đi các bước đầu tiên của người lớn làm gì trong vườn ban đêm, không mặc gì ngoài một tấm vải gai. Tại sao Thánh Mác-cô, vốn thường rất ít lời, lại giới thiệu một mẫu thông tin dường như không hề liên quan này trong phần quan trọng nhất của Tin Mừng?

Thánh Mác-cô nói về nhân vật vô danh này, vì cậu ta quan trọng đối với lý thuyết của ngài về phép Thanh tẩy. Chắc hẳn cậu thuộc loại người mà rất nhiều Ki-tô hữu vô danh khác đã tự nhận lấy những trách nhiệm của phép rửa. Cậu ở đó như một người mới lãnh phép rửa, vẫn còn mặc chiếc áo rửa tội (tượng trưng cho việc được mai táng với Đức Ki-tô giống như đối với sự chết của Người), và đã cam kết theo Đức Giê-su, nên cậu vẫn ở đó cùng với Người trong vườn. Cậu nhìn thấy Đức Giê-su bị bắt giữ; nhưng khi người ta đến cũng để bắt giữ cậu, khi cậu đối diện với đầy đủ những yêu cầu của phép rửa đối với mình, là chịu đau khổ và chết giống như Đức Giê-su, thì cậu mất hết can đảm, từ bỏ những cam kết của phép rửa và chạy trốn. Cậu bỏ lại cái áo, dấu hiệu của sự sẵn sàng dâng hiến cuộc đời mình cùng với Đức Giê-su để cứu độ

thế gian, rồi chạy mất, để lại tâm vủ duy nhất đồng hóa cậu với Người và từ bỏ mục đích đối với cuộc đời mình.

Chúng ta sẽ được thừa hưởng nước trời theo cùng cách thức mà Đức Giê-su đã thừa hưởng, như một phần thưởng của một cuộc đời hoàn toàn sống vì những kẻ khác. Sự sống lại là triều thiên cho cuộc thương khó và sự chết của Người. Món quà tặng này của chính mình Người vì sự sống của thế gian chính là điều mà chúng ta tưởng niệm trong Phép Thánh Thể. Phép Thanh tẩy là bước khởi đầu để đi vào mầu nhiệm này. Việc sống theo Phép Thánh Thể hoàn toàn bao hàm rằng chúng ta thay đổi trọng tâm ban đầu từ bản thân mình sang những kẻ khác. Nếu cuộc đời không có mục đích gì ngoài việc “cứu thoát linh hồn chúng ta”, thì chúng ta sẽ không bao giờ có can đảm để theo Đức Giê-su trên suốt con đường thập giá. Chúng ta sẽ giống như chàng thanh niên trong vườn – sẵn sàng theo Người, miễn là không đòi hỏi quá nhiều, tuy nhiên, lại không có khả năng hoàn toàn hy sinh bản thân mình.

Chúng ta có thể làm thế nào để đảm bảo rằng mình không lập lại sai lỗi của cậu ta? Thật may mắn cho chúng ta, chàng thanh niên này có thể chứng minh cho bản thân mình về mặt này. Cậu vẫn ngồi đó trong mộ, lại khoác áo, có thể nói với người phụ nữ đến đây vào Chúa nhật Phục sinh, rằng Đức Giê-su đã thực sự sống lại. Đây là công việc hàng ngày của từng môn đệ đích thực – rao giảng sứ điệp Đức Ki-tô thực sự sống lại – nhân đây, sứ điệp này phải vượt khỏi ngôn ngữ. Không phải bằng cách nói rằng Đức Ki-tô đã sống lại, mà chúng ta sẽ đổ tràn niềm tin trên người ta. Chính lối sống một cuộc đời chỉ có thể được nhờ niềm tin của chúng ta nơi sự sống lại của

Đức Ki-tô mới tạo ra sự khác biệt. Vì niềm tin này là điều làm cho chúng ta có thể chấp nhận nỗi đau khổ, với sự hiểu biết rằng khi nỗi đau khổ mang tính cứu chuộc, thì nó không vô ích. Chúng ta nói với mọi người rằng Đức Giê-su sống lại, khi cuộc sống của chính chúng ta đã được biến đổi nhờ quyền năng sống lại của Người, và giống như Đức Giê-su, chúng ta có thể sống và chết một cách vui vẻ vì ơn Cứu độ đối với mọi người.

Thánh Thể là một bí tích duy trì khía cạnh này của cuộc đời Đức Giê-su, và ban cho chúng ta sức mạnh để lấy cuộc đời của Người làm kiểu mẫu cho cuộc đời chúng ta. Thánh Thể nuôi dưỡng sự sống đã bắt đầu từ trong phép Thanh tẩy. Không lạ gì khi Giáo hội Đông phương cho Rước lễ cùng với phép Thanh tẩy!

KHÁM PHÁ PHÉP THÁNH THỂ TRONG TÂN ƯỚC

Thoạt nhìn, dường như tựa đề của chương này có thể hứa hẹn ít điều thú vị. Xét cho cùng, việc khám phá Phép Thánh Thể trong Tân Ước có khó khăn gì? Tất cả những gì chúng ta phải làm là chuyển sang bản mô tả về Bữa tiệc Ly, trong đó, chúng ta học hỏi được tất cả về Thánh Lễ đầu tiên.

Tuy nhiên, một điều kỳ lạ xảy ra khi chúng ta mở đến đó. Điều đầu tiên đánh động chúng ta là cả bốn trình thuật mà hiện nay chúng ta có đều khác nhau trong cách kể chuyện. Thứ hai, chúng ta nhận thấy Thánh Gio-an có thể dành ra ba chương cho Bữa tiệc Ly, nhưng ngài lại không bao giờ đề cập đến việc lập Phép Thánh Thể như chúng ta vẫn tưởng tượng. Những nỗ lực của chúng ta dường như buộc phải thất bại một cách kỳ lạ, trong việc phê bình lịch sử nhằm khám phá chính xác những điều Đức Giê-su đã nói và làm trong buổi tối cuối cùng đó của cuộc đời Người.

Sau đó, chúng ta còn bị đánh động với nhận thức rõ thêm rằng: Cả bốn trình thuật về Phép Thánh Thể mà hiện nay chúng ta có đều được viết ra trước hết không phải để dạy cho chúng ta về Phép Thánh Thể! Nói đúng hơn, các tác giả sử dụng một truyền thống phụng vụ đã được chấp nhận – quen thuộc đối với các độc giả của các ngài – như một phương tiện để triển khai một chân lý xa hơn.

Chẳng hạn, thánh Phao-lô là người đầu tiên thích thú phụng vụ theo kiểu này. Chương 11 trong lá thư đầu tiên của ngài gửi các tín hữu Cô-rin-tô, được viết khoảng năm 57, cho thấy thánh Phao-lô đã rất không hài lòng với lối cư xử của họ. Thời đó, ít nhất trong các giáo hội An-ti-ô-ki-a, Phép Thánh Thể vẫn được cử hành như một phần của bữa ăn đầy đủ. Các ngày Chúa nhật cung cấp cơ hội, khi các Ki-tô hữu sẽ quy tụ và chia sẻ bữa ăn, trong sự liên tục ý thức rằng Đức Giê-su sống giữa họ. Họ đến với nhau nhân danh Người, và nhắc lại lệnh truyền mà Người đã để lại cho họ trong đêm trước khi Người chịu chết: “Hãy làm việc này để nhớ đến Thầy”. Vì thế lúc đó, việc phấn đấu để bắt chước mỗi quan tâm của Người dành cho những kẻ khác, và toàn bộ món quà tặng là chính bản thân Người chỉ là điều hoàn toàn tự nhiên đối với họ. Qua các cuộc quy tụ hàng tuần này, họ quan tâm đến những nhu cầu về cộng đoàn. Thậm chí các tín hữu mang theo đủ thực phẩm sẽ được chia sẻ chung, sao cho các thành viên nghèo hơn trong cộng đoàn đều có đầy đủ. Đó là một bữa tiệc Ki-tô giáo thực sự có gì ăn nấy.

Trên lý thuyết, cách này có hiệu quả, và nó đã có hiệu quả suốt một thập niên hoặc khoảng chừng ấy. Nhưng khi thánh Phao-lô viết thư cho các tín hữu Cô-rin-

tô, thì các sự việc bắt đầu rạn nứt. Các bè phái bắt đầu phát triển, và các băng nhóm vẫn hình thành, ngay cả khi họ quy tụ để cử hành Bữa tiệc của Chúa. Những kẻ giàu sang đều mang theo thức ăn ngon, và họ tự ăn uống cùng với các bạn bè của họ. Hầu như đây không phải là kiểu mẫu của mối quan tâm đối với cộng đoàn mà Đức Giê-su đã chứng tỏ.

Thánh Phao-lô đã làm thế nào để chấn chỉnh tình trạng này? Bằng cách khản khoản kêu cầu đến chính Phép Thánh Thể! (1 Cr 11:23-27). Ngài nhắc nhở họ về những điều họ đã được dạy dỗ, và cho thấy lối cư xử của họ hoàn toàn mâu thuẫn như thế nào với điều mà họ cho là mình đang cử hành. Đến mức độ họ không còn cử hành Bữa tiệc của Chúa nữa, nhưng là thói ích kỷ và tự cho mình là trung tâm của họ. Thánh Phao-lô nói về Phép Thánh Thể như một thực tại mà tất cả mọi người đều biết và có thể đồng ý, nhằm đưa ra một lời phát biểu về phẩm chất đời sống Ki-tô hữu của các tín hữu Cô-rin-tô. Điều chủ yếu mà thánh Phao-lô quan tâm là lối sống như những anh chị em của Đức Giê-su có nghĩa là gì.

Nếu chúng ta trở lại với ba trình thuật khác về Phép Thánh Thể trong các sách Tin Mừng nhất lãm (Mt 26:26-29; Mc 14:22-35; Lc 22:17-20), thì ngay lập tức chúng ta cảm thấy rằng mối quan tâm của họ khá khác biệt với của thánh Phao-lô. Họ cũng thích phụng vụ và trích dẫn các bản văn phụng vụ mà tất cả họ đều quen thuộc. Thời đó, họ không cố gắng đưa ra giới hạn đối với quá nhiều lối cư xử của Ki-tô hữu. Nói đúng hơn, mối quan tâm của họ là sử dụng Phép Thánh Thể để làm sáng tỏ ý nghĩa cuộc thương khó và sự chết của Đức Giê-su,

bằng cách đặt các bản văn này ở vị trí trung tâm trong những ngày cuối cùng của Đức Giê-su.

Ngày nay, hầu như chúng ta không suy nghĩ nhiều về cú sốc do cuộc thương khó của Đức Giê-su gây ra. Chúng ta treo thánh giá trong nhà mình và các nhà thờ, như thể sự kiện Con Thiên Chúa chết chỉ là một điều tự nhiên. Tuy nhiên, việc đóng đinh Đức Giê-su lại là cú đòn chí tử đối với những kẻ theo Người. Những niềm hy vọng của các môn đệ không chỉ tan tành, nhưng họ còn cần đến một nỗ lực đau đớn để hiểu được kế hoạch của Thiên Chúa. Thậm chí càng khó khăn hơn khi giải thích kế hoạch này cho những kẻ mà chúng ta muốn chia sẻ Tin Mừng. Cho dù cử tọa là người Do Thái, Rô-ma hay Hy Lạp, thì việc trình bày một nạn nhân của án tử hình là Đấng Mê-si-a, hoặc Con Thiên Chúa, quả thật là một việc khó khăn.

Tuy nhiên, để thực hiện việc này, Phép Thánh Thể lại là phương tiện truyền bá phù hợp một cách tuyệt diệu. Phép Thánh Thể, với rất nhiều chủ đề Kinh Thánh của bí tích này, đã chiếu tỏa ánh sáng không chỉ trên ý nghĩa cuộc đời Đức Ki-tô, mà còn trên sự chết của Người nữa. Bằng cách chiêm ngắm cuộc thương khó và sự chết của Người dưới ánh sáng những hành động của Thiên Chúa trong quá khứ, chúng ta có thể cảm thấy ý nghĩa của toàn bộ điều này. Do đó, máu của giao ước mới không chỉ báo hiệu sáng kiến và sự bảo vệ đặc biệt của Thiên Chúa, mà còn gọi nhớ lời tiên báo của ngôn sứ Giê-rê-mi-a về một giao ước (Gr 31:31-34), trong đó, tội lỗi sẽ được tha thứ. Và chủ đề hy lễ Vượt qua, với máu của con chiên là sự cứu chuộc dân Do Thái, cũng gọi nhớ tầm nhìn của ngôn sứ I-sa-i-a về nỗi đau khổ của người tội tớ đau khổ tình

nguyện dâng hiến cuộc đời của Người để cứu độ những kẻ khác (Is 42:1-9; 49:1-6; 50:4-11; 52:13-53; 53:12). Điều này cũng mang lại ý nghĩa và mục đích đối với sự chết của Đức Ki-tô. Lại nữa, việc nhắc lại Bữa tiệc của Chúa là một phương tiện truyền bá thích hợp, để làm sáng tỏ sự hiểu biết về toàn bộ cuộc đời và cái chết của Đức Giê-su.

Vậy nếu chúng ta không thể tìm được giáo huấn tiên khởi về Phép Thánh Thể trong các trình thuật về Bữa tiệc của Chúa, thì chúng ta nên tìm kiếm ở nơi nào khác? Trước khi chúng ta thử trả lời, có hai nhận xét theo thứ tự:

Trước hết, thực sự không có điều gì giống như vậy, với tư cách là một nền thần học Tân Ước về Phép Thánh Thể. Có vài nền thần học về Phép Thánh Thể. Chúng ta đã đi tới một tổng hợp tuyệt diệu về những điều được tìm thấy rải rác trong suốt Tân Ước, vì chúng ta đều quen thuộc với toàn bộ Tân Ước. Chúng ta sử dụng một cuốn Tin Mừng để điền vào một cuốn khác, và rút ra giáo huấn của các thánh thư theo cùng cách thức. Nhưng Giáo hội tiên khởi đã không được ban cho tầm nhìn này, cũng như sức sống và cách thực hành, chẳng hạn như tại các cộng đoàn Giê-ru-sa-lem, An-ti-ô-ki-a hoặc cộng đoàn của thánh Gio-an. Các cộng đoàn này là những trung tâm độc lập trong sự phát triển và hiểu biết. Do đó, từ nơi này đến nơi khác, chúng ta đều nhận thấy phần nào những nét đại cương về sự hiểu biết đặc trưng của một cộng đoàn. Chúng ta là những người đang cố gắng sắp xếp toàn bộ điều này lại với nhau, thành một tổng thể nào đó có thể quản lý được.

Nhận xét thứ hai phần nào có liên quan. Hiện nay, chúng ta vô tư nói về Phép Thánh Thể, một thuật ngữ

không được tìm thấy ở đâu trong Tân Ước (thuật ngữ này phát xuất từ chữ *Didache* vào cuối thế kỷ 1). Tuy nhiên, thuật ngữ này vẫn được gắn vào một sự phong phú về thần học. Cách sử dụng từ "Thánh Thể" có ý nghĩa rộng khác hẳn với từ *Thánh Lễ*, hoặc *Bí tích Cực Thánh* hoặc *phụng vụ*. Mỗi thuật ngữ đều nhấn mạnh đến khía cạnh này hoặc khía cạnh khác của mầu nhiệm vượt khỏi ngôn ngữ. Và chúng ta có cả 2000 năm thực hành và suy nghĩ xem thuật ngữ nào có ảnh hưởng hơn đối với sự hiểu biết của chúng ta. Ít nhất chúng ta không cần phải nghĩ ra chính ngôn ngữ mà chúng ta vẫn sử dụng!

Vấn đề Tân Ước độc nhất: tìm kiếm những từ ngữ nào diễn tả kinh nghiệm cùng đến với nhau với tư cách cộng đoàn, để chia sẻ một bữa ăn mà Đức Ki-tô vừa là người tham dự, vừa là người nuôi dưỡng. Trong việc đấu tranh để sử dụng đúng những từ ngữ xoay quanh thực tại này, nhằm mang lại cho các thành viên trong cộng đoàn toàn bộ lý do để có mặt, thì họ phải dò dẫm và phát triển trong sự đánh giá đúng những điều mà có thể họ bị cám dỗ để coi như điều tự nhiên.

Điều này có ý nói rằng sau đây là vài gợi ý để đọc Tân Ước từ một quan điểm mới. Hãy ghi chú rằng điều này hoàn toàn không có nghĩa là nói rằng chúng ta đang tìm kiếm các đoạn văn nào trực tiếp liên quan đến Thánh Thể. Điều này hệ tại ở giả thiết rằng tốt nhất nên bắt đầu giống như thánh Phao-lô và các thánh sử khác, và chất lọc toàn bộ Tân Ước thông qua lăng kính Thánh Thể, vì Thánh Thể chính là trung tâm đối với thực tại là Giáo hội.

Chắc hẳn chúng ta nên bắt đầu bằng các lá thư của thánh Phao-lô, vì đây là những cơ sở đầu tiên của Tân

Ước đã được viết ra. Từ thời Công đồng Vatican II, nhiều người nhận thấy rằng những cách chào đón, cảm tạ và chúc lành hình thành phần nào các nghi thức đã được chấn chỉnh lại đều thường được lấy toàn bộ từ các thánh thư. Chúng ta vui mừng rằng nhiều đoạn Kinh Thánh hơn đang được đưa vào phụng vụ. Tuy nhiên, dường như phụng vụ vẫn ở chỗ đầu tiên phát xuất các đoạn Kinh Thánh. Thánh Phao-lô đã sử dụng những cách diễn tả phụng vụ này, và đưa chúng vào các lá thư của ngài, vì ngài biết rằng chúng đều được đọc trong phụng vụ. Do đó, trong sứ điệp của thánh Phao-lô, ngài đã kết hợp những từ ngữ và cách diễn tả về cộng đoàn cầu nguyện đã được hiến thánh. Điều tương tự như vậy cũng có thật trong nhiều đoạn văn thánh thư khác, không chỉ đối với những cách chào đón hoặc chúc lành. Tất cả các thánh ca hoặc những lời phát biểu mang tính cách tuyên xưng (cũng được tìm thấy trong sách Công vụ Tông đồ) đều bắt nguồn từ cuộc quy tụ Thánh Thể. Và thánh Phao-lô thực hiện một công việc tốt đẹp là liên kết chúng lại để củng cố sứ điệp của ngài.

Phải chăng ngài muốn nói về sự quan tâm đến những kẻ khác và phản đối thói ganh tị và tự hào? Ngài có thể sử dụng đến một bài ca thật hay (Pl 2:5-11), và nói với chúng ta rằng chúng ta nên để cho mỗi quan hệ đối với nhau phát xuất từ cuộc sống của chúng ta trong Đức Ki-tô, Đấng "vốn dĩ là Thiên Chúa, mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ". Có nhiều ví dụ như vậy, và một số bản dịch Tân Ước (đặc biệt bản dịch Giê-ru-sa-lem và các cuốn Kinh Thánh Mới của Mỹ) giúp chúng ta dễ dàng nhận ra hơn, bằng

cách đặt các bản văn này ra khỏi hình thức thể thơ của nó, hoặc nói với chúng ta trong các ghi chú.

Như vậy, chúng ta nhận thấy thánh Phao-lô cố tình đưa các thể thức phụng vụ vào các lá thư của ngài. Đây là mối liên kết trực tiếp của Giáo hội tiên khởi với đời sống Thánh Thể. Chúng ta cũng nên nhớ thánh Phao-lô đã viết các lá thư của ngài khi biết rằng chúng sẽ được đọc trong các buổi phụng vụ của cộng đoàn. Theo ý nghĩa này, thì tất cả chúng đều xử lý các tình huống phát sinh trong các cuộc quy tụ Thánh Thể, và mang lại cho chúng ta sự thấu hiểu bổ sung vào những điều mà cộng đoàn nên và có thể là.

Chúng ta có thể sử dụng cùng nguyên tắc này đối với các bản văn Tin Mừng. Thánh Gio-an đã nói rõ với chúng ta rằng ngài không hề cố gắng ghi chép tất cả mọi điều mà Đức Giê-su đã nói và làm. Điều này để lại cho chúng ta câu hỏi cơ bản về nguyên nhân tại sao bất cứ thánh sử nào đều chọn lọc những điều các ngài viết, để bổ sung vào câu chuyện cuộc đời của Người. Câu trả lời rõ rệt nhất là những sự kiện và giáo huấn nào đó được ghi nhớ, vì chúng đáp ứng một nhu cầu đặc trưng trong cộng đoàn. Đó là khả năng áp dụng cuộc đời và giáo huấn của Đức Giê-su vào các tình huống và những nhu cầu cụ thể của Giáo hội, trong bất cứ thời đại nhất định nào đảm bảo cho sự sống còn của họ. Ở bất cứ mức độ nào, không khó khăn gì để hình dung các Ki-tô hữu tiên khởi đến với nhau để cố gắng giải quyết các vấn đề, như quy mô của lòng thương xót và tha thứ, phạm vi của việc tông đồ, mối quan hệ với Dân ngoại, chấp nhận bị nhìn nhận như “những kẻ tội lỗi” trong cộng đoàn, và hàng loạt các vấn đề tương tự, và nhìn vào cuộc đời Đức Giê-su để tìm kiếm

một manh mối đối với giải pháp. Sự kiện là đặc biệt mỗi khi quy tụ tại bàn tiệc của Chúa, thì các câu hỏi này đều được thảo luận và giải quyết, mang lại cho nhiều bản văn Tin Mừng một chiều kích Thánh Thể.

Chắc hẳn có các bản văn Tin Mừng xử lý vấn đề Thánh Thể một cách trực tiếp hơn. Đó là các trình thuật về phép lạ hóa bánh nuôi rất nhiều người, được tìm thấy trong cả bốn cuốn Tin Mừng (Mc 6:34-44; 8:1-9; Mt 14:13-21; 15: 32-38; Lc 9:10-17; Ga 6:1-15). Những hàm ý về Phép Thánh Thể trong sự kiện này tác động mạnh trên chúng ta, đặc biệt bởi vì Thánh Gio-an sử dụng nó để đưa ra giáo huấn rõ rệt nhất của ngài về Phép Thánh Thể. Chính Đức Giê-su vẫn tuyên bố điều này, bất kể sự kiện nhiều người không thể hoặc không sẵn sàng chấp nhận giáo huấn của Người, rằng chúng ta sẽ không có sự sống nơi mình, trừ khi chúng ta ăn thịt và uống máu Người (Ga 6:53). Ngoài lời tuyên bố này, còn có sự kiện rõ rệt rằng cả bốn thánh sử đều kể lại câu chuyện phép lạ này bằng những thuật ngữ Thánh Thể. Thậm chí hai thánh Mát-thêu và Mác-cô còn nêu lên hai lần, khi thuật lại câu chuyện này cho cả người Do Thái lẫn dân ngoại. Sự thật là khi mô tả biến cố này, nó được kể lại bằng những thuật ngữ phụng vụ rõ rệt. Cả bốn hành động cao cả thuộc về Thánh Thể đều có trong tất cả các trình thuật về Bữa tiệc Ly – cầm lấy, chúc lành, bẻ ra và trao cho – được tìm thấy trong từng trình thuật về phép lạ hóa bánh thật đáng kinh ngạc. Chính Đức Giê-su *cầm lấy* tám bánh, *chúc lành* và *bẻ ra*, rồi *trao cho* các môn đệ để phân chia nhau. Điều này nghe như chúng ta đang ở trong một bữa tiệc Thánh Thể.

Thật ra, biến cố đặc biệt này trong đời sống của Đức Ki-tô đã cung cấp tài liệu cho Giáo hội tiên khởi, đối với suy tư thần học sớm nhất về Phép Thánh Thể. Dường như thể trong khi các Ki-tô hữu tiên khởi cố gắng tìm hiểu kinh nghiệm riêng của họ về các bữa ăn với Đức Ki-tô sống lại, họ nhìn lại cuộc đời của Đức Giê-su lịch sử trong những lúc nào khác, sẽ giúp họ hiểu được ý nghĩa các bữa tiệc Thánh Thể của họ. Biến cố đã không chỉ cung cấp tính liên tục đối với cuộc đời Đức Giê-su, mà còn cung cấp cách đánh giá đúng ý nghĩa của việc chia sẻ bữa ăn của Chúa, đó là phép lạ hóa bánh nuôi rất nhiều người (Sau này, chúng ta sẽ nói về phép lạ đó nhiều hơn).

Qua đó, do được tiên báo về tầm quan trọng trong các bữa ăn của Chúa, chúng ta bắt đầu nhận ra rằng lương thực thường xuyên đi vào các trình thuật Tin Mừng như thế nào. Hơn 40 trình thuật về việc Đức Giê-su ăn uống hoặc nói chuyện về lương thực đã được tìm thấy. Gần như có nhiều trình thuật về lương thực hơn so với các phép lạ. Một điều đáng ngạc nhiên khác về các bữa ăn của Đức Giê-su là hầu hết chúng đều có thể gây tranh cãi. Người ta phản đối những kẻ cùng ăn uống với Đức Giê-su. Hoặc họ nhận thấy giáo huấn của Người có vấn đề. Tuy nhiên, có cả một sứ vụ về bữa ăn của Đức Giê-su cung cấp cho chúng ta những câu chuyện quý giá khác, có thể đào sâu sự hiểu biết của chúng ta về Phép Thánh Thể. Nguyên tắc chung có thể là: Tất cả các bữa ăn trong Tân Ước đều mặc khải cho chúng ta điều gì đó về sứ vụ của Đức Giê-su, và cung cấp một mối liên kết quan trọng với bữa ăn cuối cùng, mà chính Đức Giê-su đã cử hành cùng với các bạn hữu thân thiết nhất của Người. Chắc hẳn các tác giả Tân Ước và các Ki-tô hữu tiên khởi đều hiểu chúng theo cách này, và chúng ta cũng nên như vậy.

Như vậy, khám phá về Phép Thánh Thể trong Tân Ước là một quá trình vừa phức tạp hơn, vừa thú vị hơn là chúng ta có thể tưởng tượng lúc đầu. Khám phá này phức tạp hơn, vì nếu chúng ta chỉ tập trung (hoặc *chủ yếu*) vào Ga 6 và bốn trình thuật về việc lập Phép Thánh Thể mà chúng ta có được, thì chúng ta đang bỏ qua một số lượng lớn các bản văn có thể bổ sung cho phong phú thêm đối với bức tranh mà chúng ta đang tìm kiếm. Trong chương này, chúng tôi cố gắng cho thấy rằng tầm nhìn của chúng ta có thể được mở rộng, khi nhận biết khá rõ ràng có thể sự hiểu biết của chúng ta sẽ vẫn còn không đầy đủ. Tuy nhiên, nguy cơ luôn luôn là thỏa mãn với chỉ một phần tầm nhìn; vẻ rạng ngời trọn vẹn của chân lý có thể khiến chúng ta lóa mắt, và giúp chúng ta nhận ra rằng Thánh Thể là một mẫu nhiệm vượt quá nét đẹp và sự cao cả tới mức độ nào. Chúng ta tự giới hạn trong Bữa tiệc Ly, vì muốn dành hết bản thân mình để thực hiện trong từng ngày Chúa nhật (hoặc mỗi ngày đối với những ai mong muốn) điều gì đó mà chính Đức Giê-su đã làm chỉ một lần duy nhất trong cả cuộc đời Người. Chắc chắn còn hơn thế nữa.

Việc khám phá rằng *còn hơn thế nữa* là điều làm cho cuộc tìm kiếm trở nên thú vị. Bởi vì các bản văn Kinh Thánh bắt đầu tự mở ra cho chúng ta, nên chúng ta bắt đầu nhận thấy những kiểu mẫu và các mối quan hệ mới. Đặc biệt nếu chúng ta xem các bản văn Kinh Thánh với đôi mắt Thánh Thể, thì sự thấu hiểu-đức tin của chúng ta sẽ mở ra vô số cách thức, mà trong đó, lịch sử ngày nay vẫn còn nói cho chúng ta biết về ý nghĩa của việc quy tụ trong bữa tiệc nhân danh Đức Ki-tô, mà chính Người đã chuẩn bị cho chúng ta.

III

ĐỨC GIÊ-SU TRONG CUỘC ĐỜI CHÚNG TA

Đức Giê-su không dành cho các Ki-tô hữu một phương pháp hoặc phụng tự mới nào về cách tôn thờ. Khi chúng ta hoàn toàn đến với việc thờ phượng, bản thân chúng ta không có khả năng dành cho Thiên Chúa sự tôn thờ đích thực. Trên thực tế, tính chất mới lạ của mặc khải Ki-tô giáo là Thiên Chúa đã trở thành người không phải để được chúng ta tôn thờ, nhưng thay vào đó, chính là để phục vụ chúng ta. Trong bài giảng của thánh Phao-lô tại A-ten, ngài đặt Thiên Chúa thực sự tương phản với các vị thần mà dân ngoại tôn thờ, và ngài còn tuyên bố rằng sự cao cả của Thiên Chúa mà ngài rao giảng là ở chỗ, không giống như bất cứ điều gì được tưởng tượng trước đây, Người không ngự trong các đền thờ do con người làm ra, Người cũng không cần đến hoặc mong muốn sự phục vụ nào từ bàn tay chúng ta, Người chính là Thiên Chúa, Đấng ban phát tất cả mọi sự cho các tạo vật của Người (Cv 17:22-31).

Trong phụng tự của dân ngoại, và ngay cả trong Cựu Ước, người ta vẫn có sự sùng bái và tôn thờ. Những của lễ hy sinh được hiến dâng đều dựa trên ý tưởng thay thế; việc giết chết các thú vật tiêu biểu cho chúng ta bằng cách này hay cách khác. Việc giết thịt chúng tượng trưng cho những điều chúng ta xứng đáng, và máu thú vật được dâng lên Thiên Chúa thay cho chính chúng ta, để làm cho Người nguôi cơn giận. Điều này hoàn toàn không phải là hình ảnh của Thiên Chúa mà chúng ta có được trong Tân Ước. Không chỉ là cách thức chúng ta liên hệ với Người đã thay đổi, nhưng việc Thiên Chúa tiếp cận chúng ta là điều gì đó đòi hỏi sự chấp nhận từ phía chúng ta. Chúng ta được mời gọi để nhận ra mối quan hệ yêu thương cá nhân với chính Thiên Chúa.

Dường như có thể gây sốc khi nghĩ rằng quả thật chúng ta không thể làm gì cho Thiên Chúa, không có cách nào để làm nguôi cơn giận của Người mỗi khi chúng ta phạm tội, không có cách nào để đạt được ơn Cứu độ nhờ những hành động của chúng ta. Thư gửi các tín hữu Do Thái cố gắng diễn tả thực tại này cho những kẻ vẫn còn quen với lối thờ phượng của Do Thái. Lá thư này tuyên bố, phần nào sống sượng, rằng chúng ta không được đặt cơ sở đức tin của chúng ta nơi Thiên Chúa trong những nghi thức hoặc của lễ hy sinh thanh sạch; chúng ta cần có một tầm nhìn trưởng thành hơn (Dt 6:1-3). Sự thật là Thiên Chúa đến như Đấng ứng nghiệm với Thánh vịnh 40, điều này cho thấy Thiên Chúa không muốn hoặc cần đến những của lễ hy sinh hoặc lễ tế. Nói đúng hơn, Người tìm kiếm một tâm hồn và tinh thần cởi mở; Người tìm kiếm sự vâng phục đối với thánh ý Người. Đây là điều mà chính Đức Giê-su đã thực hiện rất rõ rệt và rất trọn vẹn, đến nỗi tất cả chúng ta đều được sắp xếp một con đường

mới đề đến với Thiên Chúa: “Vậy thưa anh em, nhờ máu Đức Ki-tô đã đổ ra, chúng ta được mạnh dạn bước vào cung thánh. Người đã mở cho chúng ta một con đường mới và sống động qua bức màn, tức là chính thân xác của Người ...” (Dt 10:19-20).

Trong giao ước mới, lời “sùng bái” duy nhất, vốn là cách thờ phượng đích thực, chính là thực hành cùng cung cách phục vụ mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta trong Đức Ki-tô. Điều kỳ lạ của mặc khải là Thiên Chúa không bỏ mặc chúng ta tự khám phá điều gì đó về Người. Đây là số phận của dân ngoại. Thay vào đó, Người đã nói với chúng ta về chính Người. Thiên Chúa đã chia sẻ những bí mật về sự hiện hữu của Người; Thiên Chúa còn làm cho chúng ta nhận biết những luật lệ của Người, cũng như tình yêu cao cả và mong muốn của Người trong việc liên kết chúng ta với chính Người. Và như lá thư gửi các tín hữu Do Thái bắt đầu bằng cách nhắc nhở chúng ta rằng ngay cả sự cao cả của Cựu Ước vẫn mờ nhạt, so với những điều mà chính Đức Ki-tô đã mang lại: “Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua thánh tử... Người là phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa” (Dt 1:1-3). Do đó, chỉ thông qua Đức Ki-tô, chúng ta mới có thể biết hoặc hiểu được Chúa Cha thực sự mong ước kiểu phục vụ nào.

Chúng ta nhận thấy gì nơi Đức Giê-su? Trước hết, chúng ta nhận thấy Người là một thường dân. Người không thuộc về gia đình tư tế, và bản thân Người không bao giờ dâng hiến bất cứ của lễ hy sinh đặc biệt nào ở Đền thờ. Thư gửi các tín hữu Do Thái, lá thư duy nhất gọi Đức

Giê-su là Thượng tế, nhấn mạnh đến sự khác biệt chủ yếu giữa chức vụ tư tế của Người và bất cứ chức vụ nào trước đây: “Thật ra, những điều nói trên nhắm đến một người thuộc một chi tộc khác, chi tộc này chưa hề có ai đã phục vụ bàn thờ. Hiển nhiên là Chúa chúng ta xuất thân từ chi tộc Giu-đa, một chi tộc không được ông Mô-sê nói gì đến, khi bàn về các tư tế” (Dt 7:13-14). Dù sao, chức vụ tư tế theo phẩm trật Lê-vi hoặc A-a-ron đã bị bãi bỏ trong Đức Ki-tô, vì sự yếu kém và vô ích của nó. Do đó, “chức vụ tư tế” của Đức Giê-su thuộc loại khác hẳn, vĩnh cửu, và hoàn toàn có hiệu quả, vì chức vụ này dâng hiến một cuộc đời trọn vẹn cho những kẻ khác. Đây là chức vụ mà tác giả của lá thư gửi các tín hữu Do Thái gọi là chức vụ tư tế theo phẩm trật Men-ki-xê-đê.

Bản chất chức vụ tư tế của Đức Giê-su nằm trong sự chấp nhận hoàn toàn và triệt để tình trạng nhân loại của Người; hơn nữa, Người lại còn chọn sống cuộc đời của mình cho những kẻ khác như một tội tở, vì đây là thánh ý Chúa Cha. Sự hiến thân mà Đức Giê-su dâng lên Chúa Cha vì chúng ta lên đến cực điểm trong sự chết của Người trên thánh giá. Tính cách “vì-kẻ khác” cũng rõ rệt trong sứ vụ trần thế của Người. Chúng ta đều biết rằng cuộc đời của Người là một cuộc đời của lòng thương xót đối với những kẻ nghèo khổ, vô gia cư, tội lỗi. Chúng ta nhận thức rằng giáo huấn của Người xoay quanh sự cởi mở đối với Thiên Chúa, hiểu biết những đòi hỏi cơ bản của lề luật, và khả năng vượt khỏi thói vụ luật, để phân biệt và sống theo mục đích của toàn bộ lề luật. Việc Đức Giê-su hoàn toàn dồn hết tâm trí cho nhân loại khiến Người bị tố cáo là có lối sống buông thả; những người tốt lành được cho là không liên kết với những kẻ tội lỗi. Tuy nhiên, Đức Giê-su vẫn không bị ảnh hưởng. Người biết rằng sự thờ

phượng đích thực trong tinh thần và chân lý nghĩa là tất cả những thể thức trần thế đều sẽ bị thay thế bởi chính Người và những ai mang Thần Khí của Người.

Do đó, Đức Giê-su không chỉ là mặc khải của Thiên Chúa, mà còn là Đấng thờ phượng tối cao của Chúa Cha. Người là hiện thực tối thượng của mọi tôn giáo. Trong Đức Giê-su, không chỉ tình yêu của Chúa Cha đối với nhân loại được mặc khải, nhưng trong Người, Thiên Chúa còn cho chúng ta thấy việc tự cam kết đối với Chúa Cha có ý nghĩa gì đối với chúng ta. Trong và thông qua sự phục vụ và lòng trung thành mang tinh thần tôn giáo của Đức Giê-su, Thiên Chúa đã mặc khải chính Người. Đức Giê-su là hiện thân của chính tôn giáo. Đây là chính Đức Giê-su, mà cuộc đời của Người là hình ảnh thu nhỏ và bao bọc trong Thánh Thể. Bởi vì trong đó, chúng ta có được toàn bộ ân huệ là sự hiến thân mà Người dâng lên Chúa Cha và dành cho chúng ta.

Như vậy, theo văn cảnh này, nét đẹp đích thực của Thánh Thể hệ tại ở những điều mà Thánh Thể dạy cho chúng ta về lối sống của chính Thiên Chúa và món quà tặng tình yêu mà Người dành cho chúng ta trong Đức Giê-su. Ngay cả lối đọc Kinh Thánh quen thuộc qua loa vẫn cho chúng ta thấy rằng chính chúng ta, chứ không phải Thiên Chúa, là những kẻ được nhiều ơn ích đầu tiên đối với ân huệ này. Trong lời tiên báo sau cùng về cuộc thương khó mà chúng ta đọc trong Tin Mừng theo Thánh Mác-cô (10:32-45), Đức Giê-su nói rất rõ về cái chết sắp xảy đến với Người. Như thường lệ, các môn đệ đang suy nghĩ về những điều khác. Nhưng khi cần cho hai ông Giacô-bê và Gio-an nhận thấy rằng những yêu cầu của hai ông về vinh quang và vị trí đặc biệt trong vương quốc của

Đức Giê-su là hoàn toàn vi phạm ý nghĩa cuộc đời của Người, thì Đức Giê-su đơn giản hỏi các ông: “Các anh có uống được chén mà Thầy sắp uống không?” – một lời ám chỉ rõ rệt về Thánh Thể, sẽ trân trọng cất giữ ân huệ-hiến thân của Người. Tất cả chúng ta đều muốn uống chén này và dâng hiến cuộc đời mình để cứu chuộc những kẻ khác.

Đức Giê-su tiếp tục nhấn mạnh vào bài học. Người kiên quyết rằng bất cứ ai khao khát sự cao cả đều phải phục vụ những người còn lại: “Ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ phục vụ mọi người”. Tại sao lại thế? Vì chính Đức Giê-su đã “đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người”.

Thánh Gio-an nhấn mạnh cùng chủ đề này, khi Đức Giê-su quy tụ các bạn hữu thân thiết nhất của Người trong Bữa tiệc Ly. Trước sự ngạc nhiên của họ, Đức Giê-su bắt đầu rửa chân cho họ (Ga 13:1-15). Một lần nữa, Đức Giê-su đang đưa ra một bài học khách quan đối với mọi thời: “VẬY nếu thầy là Chúa, là Thầy, mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em”. Chính qua việc phục vụ nhau trong yêu thương, mà chúng ta tự chứng tỏ mình là những môn đệ đích thực, chúng ta mới thực sự uống chén mà bản thân Đức Giê-su đã uống.

Thánh Thể là sự tưởng niệm, không chỉ cuộc thương khó và sự chết mang tính cứu chuộc của Đức Giê-su, mà còn toàn bộ lối sống trong sự vâng phục và tự trút bỏ chính mình của Người. Ngay từ đầu cuộc đời công khai, Đức Giê-su đã thực hiện một chọn lựa ý thức về vai trò tôi tớ. Thay vì làm theo ý riêng mình, Người đã chấp

nhận chén mà Chúa Cha đã dành cho Người phải uống. Thánh Thể tóm tắt tất cả những quyết định và hành động đã hình thành cuộc sống công khai của Đức Giê-su. Cuộc đời Người là sự thật đích thực. Khi Thiên Chúa chọn đến sống giữa nhân loại với tư cách con người, Thiên Chúa đã không hề chọn con đường vinh quang, cũng không phải là say sưa với vị trí đứng đầu để trở thành một vị vua-Mê-si-a chiến thắng. Nói đúng hơn, Đức Giê-su đã chọn tình trạng nhân loại đầy đủ của một con người không hề phòng thủ, mà tình yêu thương đối với những kẻ khác chính là động cơ thúc đẩy cuộc đời của Người.

Thánh Gio-an đã tóm tắt điều này cho chúng ta một cách khá súc tích: “Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta được biểu lộ như thế này: Thiên Chúa đã sai Con Một đến thế gian, để nhờ Con Một của Người, mà chúng ta được sống. Tình yêu cốt ở điều này: Không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Người đã yêu thương chúng ta, và sai Con của Người đến làm của lễ đền tội chúng ta” (1 Ga 4:9-10).

Tầm nhìn này về Thiên Chúa thật tuyệt vời, nhưng cũng phần nào gây bối rối. Tuy nhiên, điều tồi tệ hơn là hầu hết mọi người thà không có một Thiên Chúa thì hơn, Đáng mà tình thương của Người – giống như cơn mưa – đổ xuống cả người công chính lẫn kẻ bất chính. Mặc dù chúng ta không xứng đáng với tình yêu của Thiên Chúa: “Thế mà Đức Ki-tô đã chết vì chúng ta, ngay khi chúng ta còn là những kẻ tội lỗi; đó là bằng chứng Thiên Chúa yêu thương chúng ta” (Rm 5:8). Tuy nhiên, điều này có nghĩa là chúng ta không hề có chức danh gì đối với Thiên Chúa. Chúng ta không thể có quyền hành đối với Người nhờ

những hành động của mình. Chúng ta không thể xứng đáng với tình yêu của Người; đó chỉ là một ân huệ.

Khi chúng ta cho đi, thì thường với những điều kiện ràng buộc kèm theo. Chúng ta muốn và mong đợi được nhận biết. Nếu người ta không gửi cho chúng ta những tấm séc Giáng Sinh để đáp lại, thì chẳng bao lâu sau, chúng ta sẽ gạch tên họ khỏi danh sách của mình. Nếu những món quà tặng không được trao đổi lẫn nhau, thì chúng kết thúc trong thời gian ngắn. Chúng ta có thể kiểm soát các mối quan hệ của mình theo cách này. Nhưng Thiên Chúa lại đi vào cuộc đời chúng ta dù Người không được mời. Người xung phong rửa chân cho chúng ta không phải vì chúng ta xứng đáng, nhưng vì chúng ta cần. Thiên Chúa là một người yêu kiên trì, Đáng có thể không bao giờ được đền đáp. Có thể chúng ta không bao giờ đáp lại Người.

Một nguyên nhân khác khiến tại sao quan điểm này gây bối rối, đó là nó đưa tôn giáo ra khỏi thánh điện, nhà thờ và đi vào nơi họp chợ. Chúng ta thích giới hạn tôn giáo ở nhà thờ hơn nhiều; nếu không, tôn giáo có thể trở nên thiếu tiện nghi. Nếu tôn giáo là một loại sinh hoạt ngày Chúa nhật, hoặc nếu tôn giáo chỉ chiếm một góc trong cuộc đời chúng ta thì lại càng dễ dàng hơn. Việc nhìn nhận Thánh Thể như là một tóm tắt đối với toàn bộ cuộc sống công khai của Đức Giê-su, chấp nhận Thánh Thể như là tiêu biểu cho cuộc đời trần thế thực sự của Thiên Chúa, đó là nhận ra rằng Thánh Thể cần phải kết tục và ảnh hưởng đến toàn bộ cuộc sống chúng ta. Những chọn lựa của cuộc đời chúng ta, các hệ thống giá trị, những hành động của chúng ta không hoàn toàn mang tính cách Ki-tô hữu, trừ khi tất cả chúng đều được thấm

nhuần một ý thức về Thánh Thể. Bởi vì Thánh Thể không chỉ là hành động theo nghi thức nào đó mà chúng ta dâng lên Thiên Chúa; nhưng Thánh Thể chính là cuộc đời của Đức Ki-tô, mà chính Thiên Chúa ban tặng chúng ta.

Những hàm ý về Thánh Thể thật vĩ đại. Trước hết, Thánh Thể nói với chúng ta điều gì đó về Thiên Chúa. Chúng ta đến để nhìn nhận Người như một Đấng yêu thương và ân cần. Chúng ta không bao giờ cần phải sợ hãi Người. Chúng ta coi Thiên Chúa như Đấng quan tâm đến hạnh phúc và việc cứu độ chúng ta, nhiều hơn cả chính bản thân chúng ta. Chúng ta đến để hiểu rằng Thiên Chúa trở thành con người không phải để tuyên bố rằng chúng ta đáng kính trọng, phục tùng và phục vụ, nhưng để ban tặng và sử dụng chính bản thân Người dành cho chúng ta. Đây là một điều hoàn toàn đảo ngược với những mong đợi và ưu tiên của chúng ta.

Tầm quan trọng thứ hai là sự thờ phượng không phải là điều gì đó mà chúng ta trao tặng *cho* Thiên Chúa, cho bằng là điều gì đó chúng ta nhận được *từ* Người. Các lễ vật bánh và rượu mà chúng ta dâng lên trong Thánh Lễ được biến đổi thành sự hiện diện ban-sức sống của Đức Giê-su, và được trao lại cho chúng ta như ân huệ tối thượng của Thiên Chúa. Chúng ta chính là những kẻ được nhiều ơn ích.

Ngày nay, khi Thánh Lễ được cử hành, ân huệ đến qua hai phần: Ân huệ thứ nhất nằm trong phần Phụng vụ Lời Chúa. Đây là lúc chúng ta có thể trầm ngâm suy nghĩ với những thấu hiểu kinh điển về lịch sử cứu độ. Chúng ta đến để xem lòng nhân từ của Thiên Chúa được mặc khải đặc biệt trong cuộc đời Con Thiên Chúa, và có thể đo

lượng cuộc sống của bản thân mình, dựa trên lòng thương xót và quảng đại mà chính Đức Giê-su đã bộc lộ. Do đó, ân huệ Thánh Thể được trình bày trong phần thứ hai của phụng vụ tiếp theo những thể thức và sự phong phú mãi mãi mới mẻ, vì sự hiểu biết của chúng ta về con người Đức Giê-su vẫn phát triển và hoàn thiện. Chúng ta là những kẻ được dành ra để thay đổi nhờ phụng vụ. Việc thờ phượng của chúng ta đơn giản là sự đón nhận những ân huệ của Thiên Chúa.

Tâm quan trọng thứ ba là Phụng vụ Thánh Thể, Thánh Lễ, trở thành bản tóm tắt toàn bộ cuộc sống Ki-tô hữu. Chúng ta là một phần của hành động. Khi chúng ta gặp gỡ Đức Ki-tô tại bàn và thưa "A-men" đối với thân thể của Người được ban tặng cho chúng ta, thì theo lời của Thánh Âu-tinh, chúng ta thưa A-men đối với chính con người của mình. Chúng ta gặp gỡ Đức Giê-su tại bàn với thực tại đầy đủ của con người chúng ta. Nỗ lực để chứng tỏ xứng đáng với ân huệ của Đức Ki-tô là chính bản thân Người sẽ biến đổi chúng ta, chỉ khi chúng ta rất được tình yêu của Người tác động một cách cá nhân, đến nỗi chúng ta được kích động để yêu mến Người và phó dâng chính mình chúng ta để đáp lại. Việc sống một cuộc đời Ki-tô hữu không phải là đi theo một bộ luật bên ngoài. Điều này còn hơn cả tiêu chuẩn được xác định trước nào đó về sự hoàn thiện. Đây là một tình yêu hoàn toàn tự do và tự nguyện, dẫn dắt chúng ta để làm cho cuộc sống chúng ta bắt chước Đấng đã rất sẵn sàng hiến thân cho chúng ta. Điều này kích động chúng ta để trở thành một Ki-tô đối với những kẻ khác.

Tuy nhiên, tâm quan trọng thứ bốn là lời nguyện phụng vụ dạy cho chúng ta rằng chúng ta nên luôn luôn

cầu nguyện như thế nào. Lời cầu nguyện không phải là điều gì đó mà chúng ta dành cho Thiên Chúa để hoàn toàn làm vui lòng Người, sao cho Người sẽ ban cho chúng ta những điều chúng ta mong ước. Lối cầu nguyện nhằm thay đổi tâm trí Thiên Chúa đúng là theo kiểu dân ngoại, như thể Người không yêu thương chúng ta đủ, để rồi phải ban cho chúng ta những điều chúng ta cần, cho đến khi chúng ta van nài Người bằng nghi thức, những lời cầu xin hoặc sự kiên trì của chúng ta. Khi cầu nguyện, các Ki-tô hữu đều biết rằng Thiên Chúa đã ban cho chúng ta tất cả mọi sự mà Người có thể ban trong Con của Người. Như vậy, lời cầu nguyện trở thành một cách rèn luyện để thay đổi bản thân chúng ta, chứ không phải Thiên Chúa. Chúng ta đến để nhận biết rõ hơn thánh ý của Người, để nhận thấy những điều gì tốt đẹp cho chúng ta, và để trở nên nên giống Đức Ki-tô hơn, Đấng hiến thân mình.

Thánh Lễ là kiểu mẫu hoàn hảo của cách cầu nguyện này. Vì Thánh Lễ không chỉ trình bày cho chúng ta mặc khải của Thiên Chúa về chính Người trong phần Phụng vụ Lời Chúa, nhưng toàn bộ Kinh nguyện Thánh Thể còn là một bài ca tạ ơn và chúc tụng Thiên Chúa vì lòng nhân lành đầy yêu thương của Người đối với chúng ta trong Đức Ki-tô. Thánh Lễ đặt chúng ta vào quan điểm thích đáng của những con người có cuộc sống được tình yêu của Chúa Cha có thể ban cho mọi ân huệ tốt lành. Tinh thần tạ ơn và ca tụng nên trở thành đặc điểm chi phối lời cầu nguyện của chúng ta, vì tinh thần này là nguồn gốc và nền tảng cho phép chúng ta dâng lên chính cuộc sống của mình, như một sự cứu chuộc đối với nhiều người, và để nài xin bằng chính máu của chúng ta vì ơn Cứu độ cho cả nhân loại. Bằng cách này, chúng ta tránh được lối cầu nguyện thuần túy riêng tư, vì chúng ta ý thức

và nghĩ đến tất cả các anh chị em của chúng ta, những kẻ mà Đức Giê-su đã sống và chết thay cho, và những kẻ mà chúng ta cũng phấn đấu để sống vì họ.

Tâm quan trọng cuối cùng là trong Thánh Lễ, chúng ta dành cho Thiên Chúa kiêu phục vụ mà Người thực sự mong muốn, bằng cách tự mở lòng ra với Người. Vì Thiên Chúa mong ước cứu độ thế gian, Người muốn ôm lấy tất cả mọi người trong tình yêu thương của Người. Chúng ta tự cam kết thực hiện phần việc của mình, để tiếp tục sứ mạng của Người trên trái đất, bằng cách liên kết trong Thánh Thể của Con Thiên Chúa. Chính khi chúng ta chấp nhận vai trò và ơn gọi của mình trong cuộc sống, như bản thân Đức Giê-su đã từng làm, bằng cách sống cuộc đời phục vụ những kẻ khác, mà chúng ta bắt đầu đánh giá đúng về Thánh Thể. Sau đó, chúng ta làm vui lòng Thiên Chúa, bằng cách dành cho những kẻ khác cùng cách phục vụ mà chính Người đã dành cho chúng ta trước hết, và tiếp tục làm như vậy mỗi khi chúng ta quy tụ quanh bàn tiệc của Chúa.

IV

THỐNG NHẤT TÂM NHÌN CỦA CHÚNG TA

Tất cả các Tin Mừng Nhất Lãm đều nói về một sự kiện trong cuộc đời Đức Giê-su, khi Người được yêu cầu xác định giới răn nào lớn nhất trong Lê luật. Trước lời yêu cầu này, câu hỏi hoàn toàn gây nhầm lẫn. Nhưng khi chúng ta nhận ra rằng trong thời của Đức Giê-su, các giáo sĩ Do Thái đã xác định khoảng 613 giới răn phải tuân theo trong Cựu Ước, thì việc tìm được một thứ bậc cho tất cả các giới răn quả thật là một công trình. Thậm chí điều này lại càng khó khăn hơn đối với những người bình thường, vì hầu hết họ đều không có cuốn giấy riêng, và số người biết đọc biết viết không hề phổ biến.

Tuy nhiên, Đức Giê-su vẫn đủ khả năng hoàn tất công việc này. Người chọn hai giới răn đi đôi với nhau. Giới răn thứ nhất là một chọn lựa rõ rệt; nó tóm tắt các giới răn mà ông Mô-sê đã đưa ra (Mt 22:34-40; Mc 12:28-31; Lc 10:25-28): “Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người”. Giới răn này trực tiếp phát xuất từ Sách Đệ Nhị Luật (6:5), và không có gì lạ. Điều đáng ngạc nhiên là Đức Giê-su lại bổ sung thêm vào đó một giới răn khác bị quên lãng trong sách Lê-vi (19:18): “Người phải yêu đồng loại như chính mình”. Trong một câu trả lời, Đức Giê-su đã thống nhất giáo huấn của toàn bộ Cựu Ước.

Có lẽ chúng ta có thể sử dụng vài điều thuộc cùng tầm nhìn đó trong cuộc đời mình. Từ Công đồng Vatican II, rất nhiều điều đã thay đổi một cách quá nhanh chóng, đến nỗi chúng ta rất cần đến một nguyên tắc thống nhất bền vững. Hầu hết các quy luật trong phụng vụ đều thay đổi. Chúng ta hoàn toàn không chắc chắn rằng điều gì thuộc các quy luật trong bộ giáo luật vẫn được áp dụng. Thậm chí chúng ta còn không chắc chắn phải đề cập đến điều gì khi xưng tội; rất nhiều điều dường như không còn là tội nữa! Hình như nhiều người cũng không chắc chắn về giáo huấn cơ bản của Giáo hội. Hệ thống luật rõ rệt mà chúng ta đã từng có không đủ để đáp ứng. Người ta bắt đầu mong muốn rằng phải chi người Do Thái chỉ có 613 giới răn để bận tâm đến mà thôi.

Tuy nhiên, chúng ta không cần quá phức tạp hóa đời sống Ki-tô hữu đến thế. Những điều chúng ta tin tưởng, cách thức chúng ta phải cầu nguyện, các giá trị tinh thần tiêu biểu cho chúng ta không hề tùy tiện hoặc độc lập đối với nhau. Toàn bộ chúng đều liên kết với nhau

trong con người Đức Giê-su, và con người đó vẫn còn đang sống động và hướng dẫn Giáo hội của Người. Thánh Lễ là sự kéo dài việc Nhập thể, và Thánh Lễ mang lại cho chúng ta một trọng tâm mà tất cả mọi sự đều có thể và nên liên quan đến.

Đối với việc đổi mới trong Giáo hội theo Kinh Thánh từ thời Công đồng Vatican II, một trong những ích lợi là cách thức làm phong phú hóa sự hiểu biết của chúng ta về Thánh Lễ. Trong suốt 400 năm, toàn bộ giáo huấn về Thánh Lễ đều hoàn toàn dựa trên Công đồng Tren-ti-nô. Nhưng giáo huấn đó nhất thiết hướng tới việc bảo vệ những khía cạnh nào của giáo lý Công Giáo, đã bị những người Tin Lành phủ nhận, nghĩa là Thánh Lễ thực sự là một cuộc hy tế, và Đức Giê-su thực sự hiện diện trong Thánh Thể. Sự biến thể cũng được bảo vệ như một cách thức tốt nhất (cho đến nay), để giải thích thực trạng về sự hiện diện của Đức Giê-su trong Thánh Thể, mặc dù chúng ta vẫn không thay đổi từ năm 1960. Quả thật ít có sự phát triển từ thời Công đồng Tren-ti-nô, và không có mong ước thực sự nào để mở rộng nền thần học về Thánh Thể vượt khỏi những điều mà Công Đồng này đã thực hiện. Hiện nay, rất nhiều khía cạnh của mầu nhiệm về Phép Thánh Thể có thể được hiểu rõ hơn, khi chúng ta trở nên ý thức được tất cả các chủ đề Kinh Thánh và truyền thống cùng hội tụ trong đó. Một số chủ đề Cựu Ước trở nên rõ rệt hơn là về Con chiên Vượt qua, với cách trình bày phong phú về sự tự-hiến thân; có ý niệm Kinh Thánh về sự tưởng niệm, nhắc nhở chúng ta rằng mỗi khi chúng ta “làm việc này để nhớ đến” Đức Giê-su, thì chúng ta đều thực sự đưa bản thân mình vào những hành động cứu độ liên tục của Thiên Chúa trong đời sống chúng ta; chúng ta cũng có cả ý tưởng về giao ước.

Giao ước là một khái niệm hoàn toàn bao quát, đến nỗi giao ước có thể cung cấp cho chúng ta một ví dụ tốt về việc làm thế nào để có thể thống nhất và đơn giản hóa cuộc sống Ki-tô hữu, nếu chúng ta nhìn nhận tất cả mọi sự trong quan điểm giao ước. Chúng ta được nhắc nhở về thực tại giao ước mỗi khi trong Kinh nguyện Thánh Thể, vị linh mục cầm lấy chén và nói: “Đây là chén máu Thầy, máu của giao ước mới và vĩnh cửu”. Như vậy, giao ước hoàn toàn nói về điều gì?

Trước hết, ý tưởng về giao ước là một chủ đề cơ bản và tái diễn trong Cựu Ước. Đó là nền tảng mối quan hệ của Ít-ra-en với Thiên Chúa, cũng như động cơ được thúc đẩy dựa trên đó để tuân theo Ngũ Thư. Đây là động cơ tối cao cho toàn bộ lối cư xử của Thiên Chúa đối với dân Người. Mặc dù chúng ta có thể phân biệt nhiều giao ước trong Cựu Ước, nhưng giao ước của ông Mô-sê là giao ước cuối cùng và quan trọng nhất. Khi những cuốn sách trong Cựu Ước được viết ra dưới hình thức sau cùng của chúng, thì giao ước này thường được phỏng đoán thậm chí nhiều năm trước khi nó diễn ra.

Ý tưởng về giao ước không phải là một ý tưởng dành riêng cho tôn giáo. Các vua chúa vẫn thực hiện những giao ước với các nước họ chinh phục, và dân chúng thực hiện giao ước với nhau. Khi khái niệm giao ước được đưa vào lãnh vực tôn giáo, thì kiểu mẫu rõ rệt nhất là các hiệp ước về quyền bá chủ của lịch sử chính trị. Các giao ước hoặc liên minh này đều thực sự khá đơn giản. Cấp trên đưa ra đề nghị thực hiện một liên minh hoặc hiệp ước với người nào đó; họ đặt ra những điều kiện; khi được chấp nhận, thì mối quan hệ nào đó giữa các bên được thiết lập; bản chất ràng buộc của mối quan hệ này thường

được tượng trưng bằng máu và một dấu hiệu thường được đưa ra để nhắc nhở những các bên tham gia về thỏa thuận của họ.

Trong giao ước của ông Mô-sê, chúng ta có thể nhận thấy tất cả những yếu tố này. Trước hết, sáng kiến rõ ràng từ phía Thiên Chúa. Người là Đấng đã chọn ông Mô-sê để dẫn dắt dân của Người ra khỏi Ai Cập và hướng dẫn họ đi lang thang trong sa mạc. Một thời gian ngắn sau vụ họ thoát khỏi cảnh nô lệ, Chúa đã kêu gọi ông Mô-sê đến với Người, và đưa ra cho các chi tộc một đề nghị mà quả thật họ không thể từ chối. Dân tộc này được biết rằng nếu họ tuân theo các giới răn mà Thiên Chúa lập ra cho họ, thì họ sẽ trở thành một dân riêng đặc biệt của Người trong số tất cả các dân tộc. Người sẽ chăm sóc họ, bảo vệ họ khỏi các kẻ thù và ban cho họ một vùng đất riêng, một vùng đất chảy sữa và mật ong. Khi dân chúng nhận ra những điều tốt đẹp nếu họ nghe theo, thì họ đã đồng ý và nói rằng họ sẽ trung thành với bất cứ điều gì Thiên Chúa yêu cầu nơi họ. Sau đó, ông Mô-sê đưa cho họ các giới răn, lấy máu bò và dê đổ phân nửa trên bàn thờ, và rảy phần còn lại trên dân chúng, tượng trưng cuộc sống chung bây giờ thuộc về họ. Dấu hiệu cơ bản trong giao ước của ông Mô-sê là sự tuân giữ ngày sa-bát, như việc cắt bì đối với ông Áp-ra-ham, và cầu vòng đối với ông Nô-ê.

Rõ ràng khi đọc sách Xuất Hành hoặc Đệ Nhị Luật, nhiều bàn tay và vài truyền thống đã ảnh hưởng lớn đến việc kể chuyện. Toàn bộ lối giải thích lại này mang lại bằng chứng cho phần cốt lõi mà giao ước hoạt động trong lịch sử Ít-ra-en. Các ngôn sứ đều nhìn thấy toàn bộ tình trạng khổ cực theo sau những thất bại trong cuộc chiến đấu, cảnh lưu đày và tàn phá đất nước, gây ra do thái độ

bất trung của dân chúng đối với giao ước. Họ đã từ bỏ Thiên Chúa, và Người để mặc cho những kẻ thù định đoạt số phận của họ. Tất cả mọi nỗ lực trong việc nội tâm hóa đều nhắm đến việc phục hồi các giá trị sống động và các nguyên tắc của giao ước mà Thiên Chúa đã thực hiện với dân Người. Các thánh vịnh đều được đánh dấu sâu xa trong sự nhận biết mối quan hệ đặc biệt với Thiên Chúa. Giao ước đánh dấu sâu xa lịch sử của dân tộc Do Thái.

Tinh thần giao ước đánh dấu sâu xa cuộc sống của tất cả mọi người. Chẳng hạn, trong câu chuyện của vua Đa-vít và Bathseba, một trong những điều đáng ngạc nhiên là câu chuyện này thậm chí đã được đề cập đến cả trong Kinh Thánh. Các vua chúa khác của phương Đông có thể cưới bất cứ phụ nữ nào trong vương quốc mà không hề bị trừng phạt; tất cả họ đều thuộc về vua chúa. Tuy nhiên, các vua Ít-ra-en đều phục tùng giao ước, nên vua Đa-vít biết rằng ông đã phạm tội.

Điều chủ yếu đối với giao ước thánh thiêng này, là ngôn sứ Giê-rê-mi-a đã tiên liệu rằng nó sẽ được thay thế: "Này sẽ đến những ngày Ta lập với nhà Ít-ra-en (và nhà Giu-đá) một giao ước mới, không giống với giao ước Ta đã lập với cha ông chúng, khi Ta cầm tay dẫn họ ra khỏi đất Ai Cập" (Dt 31:31-34). Không giống như giao ước cũ, giao ước mới "sẽ được khắc vào tâm khảm chúng"; luật lệ của Thiên Chúa sẽ được ghi vào lòng dạ, thay vì trên những phiến đá.

Thánh Lễ đáp ứng đầy đủ thực tại này một cách rất hoàn hảo. Tất cả các bản văn trong thư của thánh Phao-lô và các sách Nhất Lãm đều nói về máu của giao ước, hoặc giao ước bằng máu của Đức Ki-tô. Một lần nữa, chúng ta chứng kiến việc khai mở một dân tộc mới.

Giống như giao ước của ông Mô-sê, cũng có một lề luật, nhưng đây là một lề luật dễ gây nhầm lẫn: “Thầy ban cho anh em một điều răn mới: đó là anh em hãy yêu thương nhau; anh em hãy yêu thương nhau như chính Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 13:34-35). Chúng ta được cho biết rằng nếu chúng ta có tình yêu này giữa chúng ta, thì tất cả mọi người sẽ nhận ra chúng ta như những môn đệ của Người. Chương 15 lập lại thông điệp này thậm chí lại càng nhấn mạnh hơn, và chỉ rõ quy mô tình thương của Đức Giê-su đối với chúng ta: ban tặng chính cuộc đời của Người. Không ai có tình yêu nào lớn lao hơn tình yêu này.

Chúng ta phải chấp nhận luật lệ này. Đó là ý nghĩa của lời thưa “A-men” cuối Kinh nguyện Thánh Thể và trước khi Rước lễ. Chúng ta tự thề hứa sống điều răn mà Đức Giê-su đã ban cho chúng ta, và để đáp lại, Người ban cho chúng ta ân huệ về sự hiện diện của Người.

Ngoài ra, giao ước mới này còn được đóng ấn bằng máu – chính máu Đức Ki-tô đã đổ ra vì chúng ta và vì những sự xúc phạm của chúng ta. Trên thánh giá, khi máu Đức Ki-tô đổ xuống mặt đất khô nẻ, vì chúng ta, Người đã dâng hiến chính cuộc đời và tình yêu của Người lên Chúa Cha.

Dấu hiệu của giao ước mới là chính cộng đoàn Ki-tô hữu, nhưng chỉ khi nào đó là một cộng đoàn yêu thương đích thực. Tất cả mọi người đều sẽ nhận ra chúng ta là những kẻ theo Người, nếu chúng ta thực sự yêu thương nhau; điều này có nghĩa là *không ai* sẽ nhận ra chúng ta thuộc về Người, trừ khi chúng ta có tình yêu hy sinh đối với nhau. Giới răn yêu thương chính là giới răn duy nhất khiến chúng ta khác hẳn bất cứ người nào khác.

Hãy ghi chú tâm quan trọng của giới răn này. Chỉ vì một điều: nó đưa vào và mang lại động lực cơ bản đối với tất cả mọi việc chúng ta nên làm. Bất cứ giới răn nào khác rốt cuộc đều quy về giới răn này. Do đó, giới răn này giúp chúng ta cắt đứt thái độ vụ luật và thói quen hay hỏi: “Nếu tôi làm điều này, thì liệu có phải là một tội không?”. Thái độ như vậy bộc lộ một phương pháp đặt lẽ luật làm trung tâm đối với cuộc đời. Chúng ta tuân theo các lẽ luật, chấp nhận những điều chúng ta có thể chấp nhận, và đặc biệt cẩn thận đối với những quy định bắt buộc nghiêm trọng (trong khi phần nào bỏ qua những quy định khác). Điều này cũng tránh được khuynh hướng của những kẻ chẳng hạn xưng tội rằng họ đã bỏ Lễ Chúa nhật, ngay cho dù có thể lúc đó họ mắc bệnh. Nỗi sợ hãi đã vi phạm một trong những lẽ luật là một tên bạo chúa tồi tệ; và nó không có chỗ trong Giáo hội của Đức Ki-tô.

Nói đúng hơn, nếu chúng ta thực sự sống theo đạo đức yêu thương của Đức Giê-su, thì tất cả những hành động của chúng ta đều có thể trở thành những phương cách bày tỏ lòng biết ơn đối với những gì Người đã làm cho chúng ta. Vì khi chúng ta quan tâm đến lòng yêu mến con người, thì việc chỉ đi theo luật lệ hoặc quy tắc bên ngoài không còn là vấn đề nữa. Như ngôn sứ Giê-rê-mi-a đã tiên liệu, luật lệ được thực sự viết trong tâm hồn chúng ta, vì nó đã được cái nhìn của Đức Ki-tô trên thánh giá đốt cháy ở đó, tạo thuận lợi cho sự đáp lại bằng lời cảm tạ và ngợi khen trong tất cả mọi điều chúng ta nói và làm. Như vậy, động cơ được xây dựng từ bên trong. Đây không phải là nỗi sợ hãi; nó còn hơn cả sự vâng phục hiển nhiên; nó vượt quá mong muốn nên trọn lành. Đây là cách thức duy nhất mà chúng ta có, để chúng tỏ với Đức Giê-su và

thế gian rằng chúng ta thực sự là những kẻ đi theo Người. Không gì khác sẽ làm cho chúng ta trở nên khác thường.

Luật lệ của Đức Ki-tô, với sức mạnh giao ước đầy đủ của nó, hàm ý rằng chúng ta loại bỏ tất cả những điều nhỏ nhặt nhất, chúng ta không còn nhìn vào những quy tắc bên ngoài để biện minh, nhưng chỉ nhìn vào ân huệ của Thiên Chúa mà thôi. Việc áp đặt một tiêu chuẩn bên ngoài lên tất cả mọi người có thể cần thiết đối với trật tự chung, nhưng nó không nói lên điều gì thuộc về công đức hoặc ân huệ. Và nó kiểm chế tất cả mọi người - trẻ hoặc già, đã tiến xa hoặc chỉ mới bắt đầu, tàn tật hoặc mạnh khỏe - trong cùng quy tắc. Tinh thần giao ước đòi hỏi chúng ta nhận ra rằng nếu chúng ta đã được ban nhiều ơn hơn, thì chúng ta sẽ bị đòi hỏi nhiều hơn. Khi tình yêu của chúng ta phát triển, thì những đòi hỏi mà chúng ta sẵn sàng thực hiện trên bản thân mình cũng sẽ như vậy. Không ai có tình yêu nào lớn hơn ...

Cuối cùng, hãy ghi chú rằng chúng ta không trực tiếp bày tỏ tình yêu của chúng ta với Đức Ki-tô, nhưng bằng cách chúng ta yêu thương những người đồng loại. Thánh Gio-an diễn tả điều này thật đơn giản: "Nếu ai nói: 'Tôi yêu mến Thiên Chúa', mà lại ghét anh em mình, thì người ấy là kẻ nói dối" (1 Ga 4:20). Giới răn của Đức Giê-su hàm ý rằng các mối quan hệ của chúng ta với người lân cận không còn dựa trên động cơ cá nhân hoặc tính tư lợi nữa ("yêu mến người lân cận như chính mình"), nhưng dựa trên những điều mà cá nhân chúng ta đã nhận được từ Thiên Chúa ("yêu mến như Thầy đã yêu mến anh em"). Do đó, lời thưa "A-men" với Đức Ki-tô trong Thánh Lễ, sự chấp nhận giao ước, đó là chấp nhận người lân cận như một phần của cùng mối quan hệ. Khi gương mẫu của

Đức Ki-tô càng rèn luyện cho chúng ta thuần thực hơn trong cách tiếp xúc với những kẻ khác, thì chúng ta càng có thể nói rằng chúng ta thực sự yêu mến Người hơn. Rồi người ta sẽ lại nói rằng: "Hãy xem họ yêu thương nhau đến thế nào".

Những chân lý cơ bản của đức tin, những niềm tin chủ yếu của chúng ta mà ơn Cứu độ dựa vào đó, tất cả đều được tìm thấy trong mầu nhiệm giao ước: Thiên Chúa là Cha yêu thương chúng ta đến mức ban chính Con của Người, Đấng đã đổ máu ra, với tư cách là nhân vật trung gian của giao ước mới giữa Thiên Chúa và các tạo vật. Mối quan hệ giữa Ba Ngôi Thiên Chúa, vai trò của Đức Ki-tô trong việc cứu độ, và vai trò của Chúa Thánh Thần trong việc hướng dẫn Giáo hội, tất cả đều bao hàm trong đó. Bất cứ chân lý nào mà Giáo hội giảng dạy, kinh tin kính, tất cả đều là một phần trong mầu nhiệm này về việc cứu độ chúng ta, gắn liền với sáng kiến của Thiên Chúa, hoặc với cách đáp lại của chúng ta.

Cũng vậy, bất kể biết bao thay đổi có thể xảy ra trong cách thực hành phụng vụ, trong việc nhấn mạnh vào giáo huấn, hoặc trong cách giải thích luân lý Ki-tô giáo, không gì can thiệp hoặc làm suy yếu mối quan hệ của chúng ta với Đức Giê-su, và với Chúa Cha thông qua Người. Đây là một sự ràng buộc giao ước, được đóng ấn trong máu Đức Giê-su và vững vàng như cây thập giá mà trên đó Người đã chết. Chúng ta không còn phải phân biệt giữa nền thần học "luân lý" (đối với những người bình thường) và nền thần học "thiên thiêng" (đối với những người hoàn hảo hơn)! Nói đúng hơn, mọi việc chúng ta làm đều nên diễn tả lòng yêu mến đối với người lân cận. Điều này thúc đẩy chúng ta nhìn nhận cuộc sống của

mình về mặt tích cực thực hiện điều gì đó để rao giảng tình yêu của Đức Ki-tô trong thế giới chúng ta. Thật không đủ khi đơn giản không làm điều gì sai trái; chúng ta có bốn phận phải hành động đúng đắn. Tình yêu là một thực tại tích cực.

Thánh Phao-lô giải thích điều này rất rõ, khi ngài nói với chúng ta rằng cho dù chúng ta ăn hoặc uống bất cứ thứ gì, hoặc làm bất cứ việc gì, tất cả đều nên vì vinh quang Thiên Chúa (1 Cr 10:31). Trong quá khứ, chúng ta dễ dàng sống cùng với hai ngăn trong cuộc đời: một ngăn dành cho những hoạt động tôn giáo và những lời cầu nguyện, còn ngăn kia dành cho tất cả những hoạt động khác trong đời sống hàng ngày của mình. Chúng ta không thể phân chia mối quan hệ giao ước thành những ngăn như vậy. Bất cứ việc gì chúng ta làm đều đưa chúng ta đến gần hơn với Đức Ki-tô, hoặc làm cho chúng ta cách xa Người hơn. Toàn bộ cuộc đời chúng ta đều liên quan đến lời "A-men" mà chúng ta bày tỏ để kết thúc Kinh nguyện Thánh Thể, và cùng với lời thưa đó, chúng ta đón rước Mình Thánh Đức Ki-tô. Bởi vì chúng ta thưa "A-men" đối với chính Đấng đã đổ máu ra, để làm cho mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa và với nhau có thể trở nên hoàn toàn mới. Bất cứ điều gì giúp chúng ta hiểu rõ hơn về Thiên Chúa, Đấng đã làm cho toàn bộ điều này trở nên khả thi, hoặc những cách thức mà qua đó, Người mong muốn chúng ta bày tỏ tình yêu chân thành của chúng ta đối với nhau, đều vẫn còn là một phúc lành khác của giao ước mới và vĩnh cửu.

**ĐƯỢC CÙNG NHAU MỜI GỌI
TRONG ĐỨC KI-TÔ**

Trong lá thư đầu tiên gửi các tín hữu Cô-rin-tô, thánh Phao-lô có một lời phát biểu thật khủng khiếp. Ngài ám chỉ cách cử hành Thánh Lễ của họ và nói với họ rằng việc mà họ đang cử hành thực sự không phải là Thánh Lễ (1 Cr 11:20). Sự thiếu sót không phải là điều gì đó tầm thường như bánh hoặc rượu thích hợp, hoặc những từ ngữ hoặc quy định trong Kinh nguyện Thánh Thể. Sự thiếu sót còn trầm trọng hơn nhiều, và tiến thẳng vào cốt lõi của ý tưởng mà phụng vụ của chúng ta hoàn toàn nói về: Họ không đối xử như những thành viên trong cùng một cộng đoàn. Vì lối cư xử của họ mâu thuẫn với cách cử hành phụng vụ, nên tự thân Thánh Lễ hóa ra vô ích – trống rỗng và vô giá trị.

Nếu chúng ta thừa nhận là hiện nay vẫn có thể xảy ra cùng tình trạng này, thì chúng ta đang nói rằng chúng ta có thể hoàn toàn sửa đổi phụng vụ, và chúng ta vẫn còn có những Thánh Lễ vô nghĩa và không có kết quả.

Chúng ta có thể tiếp tục theo cách này suốt nhiều năm và không bao giờ phát triển được; thật vậy, chúng ta có thể hối tiếc vì gương mù mà chúng ta gây ra, hoặc vì lối sống của chúng ta không làm chúng cho thực tại về tình yêu và ân sủng của Đức Ki-tô. Thay vì cử hành cuộc sống trong Đức Ki-tô, Thánh Lễ có thể biến thành một hoạt cảnh vô ích, càng củng cố chúng ta trong thói ích kỷ và tội lỗi cá nhân.

Chúng ta đều biết rằng Thánh Lễ luôn luôn tiêu biểu cho cộng đoàn Ki-tô hữu suốt từ khi Đức Giê-su yêu cầu chúng ta hãy "làm việc này để tưởng nhớ" Người. Qua bao thế kỷ, những kẻ theo Đức Giê-su vẫn gặp gỡ nhau nhân danh Người. Thánh Lễ vẫn tồn tại và được cử hành ở khắp nơi trên thế giới. Hàng triệu người quy tụ nhau mỗi tuần để chia sẻ Bữa tiệc của Chúa. Nguy cơ vẫn bộc lộ qua nhiều thời đại là, thay vì những điều chúng ta cử hành định hướng và hình thành nên Thánh Lễ, thì chúng ta lại thành công trong việc thuần hóa Thánh Lễ, sao cho Thánh Lễ không gây rắc rối cho cuộc sống tội lỗi và ích kỷ của chúng ta. Nhiều người vẫn nghĩ về Thánh Lễ như vậy.

Thế giới phương Tây đang bị những anh em thuộc Thế giới Thứ Ba tố cáo rằng họ quá siêu nhiên hóa hoặc thiêng liêng hóa Thánh Lễ, sao cho Thánh Lễ có thể thực dân hóa và thống trị các dân tộc trên khắp thế giới, trong khi họ cử hành Thánh Lễ trên số lượng lớn các nước bị xâm chiếm và đàn áp. Những kẻ bóc lột có thể gặp gỡ

nhau một cách đạo đức, trong cảnh huy hoàng và đúng đắn của phụng vụ, và để lại ngôi nhà thờ hầu tiếp tục cuộc xâm lăng. Thông qua toàn bộ tình trạng này, tự thân Thánh Lễ hiếm khi thúc đẩy chúng ta tự hỏi về những giá trị của mình. Thay vì việc thờ phượng chính thức kêu gọi tất cả mọi người đi vào một sự tự do mới trong Đức Kitô, thì nó lại đưa vào một vai trò hỗ trợ thật yếu kém, chỉ càng củng cố hiện trạng mà thôi.

Có lẽ chúng ta nên bắt đầu xét xem bữa ăn hy tế của Đức Giê-su lại có thể bị sử dụng sai như thế nào, thậm chí ngay từ đầu của Kitô giáo. Vấn đề trong giáo hội Công-rin-tô mang tính cách quyết định và cung cấp thông tin cho mọi thời đại. Nếu chúng ta hiểu biết những gì nằm ở căn nguyên tình trạng của họ, thì chúng ta có thể tự tránh được những sai lầm tương tự.

Trước hết, chúng ta hãy ghi chú rằng trong vài thập niên đầu tiên sau khi Đức Giê-su sống lại, Thánh Lễ không phải là thực tại tượng trưng mà ngày nay chúng ta biết. Nói đúng hơn, Thánh Lễ được cử hành như là một phần, hoặc liên kết với một bữa ăn đầy đủ mà mọi người đều chia sẻ chung. Mọi người đều phải mang đến đầy đủ, sao cho tất cả đều có thể chia sẻ. Việc này được thực hiện trong sự liên tục có ý thức về cách thực hành của chính Đức Giê-su trong suốt cuộc đời Người, và đặc biệt để tưởng nhớ bữa ăn sau cùng mà Người đã cử hành với các môn đệ của Người buổi tối trước khi Người chịu chết. Việc tưởng niệm bữa ăn này chính là lúc chúng ta tưởng nhớ sự kiện liên tục thuộc về việc cứu độ chúng ta, vì tại đó, sự giải thoát mang tính Mê-si-a (thiên sai) của Đức Giê-su được hiện thực hóa. Trong Bữa tiệc của Chúa, tất cả mọi người đều chia sẻ một tấm bánh của Đức Kitô, làm cho

những người tham dự trở thành một thân thể, một cộng đoàn của tình yêu thương và cứu độ.

Đó là lý thuyết. Thư của thánh Phao-lô (1 Cr 11:17-34) nói rõ rằng một số sự lạm dụng đã len lỏi vào, trong số đó có thói phàm ăn và say xin. Tuy nhiên, đây không phải là điều gây tức giận nhất đối với thánh Phao-lô. Ngài đặc biệt chỉ trích thói lãnh đạm ích kỷ của các cá nhân và nhóm, đối với những nhu cầu và hoàn cảnh của người nghèo. Tình trạng này đánh thẳng vào cốt lõi của những điều mà Thánh Lễ hoàn toàn nói về. Tình trạng phân chia thành các bè phái có nghĩa là không coi giáo hội như cách diễn tả một gia đình mới, được cùng nhau mời gọi trong Đức Ki-tô. Điều này biểu lộ sự coi thường bản chất cộng đoàn của Ki-tô giáo. Thánh Phao-lô không ngần ngại nói rằng khi cư xử theo cách này, là người ta không chỉ phạm tội, mà còn thực sự coi thường giáo hội của Thiên Chúa. Tình trạng họ thiếu yêu thương và quan tâm đến những kẻ khác vừa đánh vào nguồn gốc của giáo hội, vừa đe dọa thực tại của Thánh Lễ.

Mặc dù toàn bộ sự kiện này để lại bài học về việc chúng ta có thể bị thất bại một cách rất dễ dàng như thế nào, đối với việc sống đúng những điều mà chúng ta cử hành, chúng ta hãy tách biệt ba nguyên tắc mà thánh Phao-lô sử dụng. Nguyên tắc cơ bản nhất và cũng đơn giản nhất là: Bữa tiệc của Chúa không được thực hiện nếu thiếu chiều kích cộng đoàn. Chúng ta có thể bổ sung rằng tới mức độ khía cạnh cộng đoàn bị thiếu đi, thì Thánh Lễ không mang lại kết quả. Thánh Phao-lô không khiển trách những bộn người về thói làm nhục hoặc lạm dụng dân nghèo, nhưng về thói coi thường giáo hội. Theo định nghĩa, giáo hội là toàn bộ số lượng lớn những kẻ tin, được

liên kết với nhau qua Đức Ki-tô. Tình trạng thiếu quan tâm đặc biệt mang tính cách phá hoại, vì nó ngăn cản không để cho giáo hội được nhìn nhận như cộng đoàn, mà giáo hội vốn nên là như vậy. Sự phớt lờ chính bản chất của giáo hội chính là coi thường Đấng đã lập ra giáo hội. Thánh Lễ cử hành căn tính của giáo hội; có thể Thánh Lễ không bao giờ trở thành một thực tại riêng tư.

Nguyên tắc thứ hai mà dựa trên đó thánh Phao-lô đặt lý luận của ngài là: Đức tin phải được diễn tả qua việc phục vụ những kẻ khác, vì chỉ bằng cách này, chúng ta mới có thể phục vụ Thiên Chúa. Thánh Phao-lô không quan tâm đến việc chỉ làm cho các tín hữu Cô-rin-tô cư xử sao cho tốt hơn. Ngài còn muốn họ nhận biết nguyên nhân tại sao lỗi cư xử nào đó thích đáng hoặc không. Khi nhắc lại bản chất của Thánh Lễ, thánh Phao-lô nhắc nhở họ rằng chén mà Đức Ki-tô đã trao cho họ chính là giao ước mới trong máu của Người. Ngay lập tức, chúng ta lưu ý đến lời tiên báo của ngôn sứ Giê-rê-mi-a liên quan đến giao ước này (31:31-34), trong đó, giao ước biểu thị như được viết trong tâm hồn. Sức mạnh bên trong mà tấm gương hoàn toàn hiến thân của Đức Giê-su cung cấp nên làm cho chúng ta lưu ý đến các mối quan hệ mới tồn tại giữa Thiên Chúa và tạo vật của Người, và giữa nhân loại đối với nhau. Tình trạng lạm dụng tại Cô-rin-tô ngăn cản chén của Đức Ki-tô mang hiệu quả thông thường của nó – giải thoát những người nhận khỏi thói ích kỷ và tội lỗi cá nhân.

Nguyên tắc thứ ba một lần nữa nhấn mạnh đến tầm quan trọng của cộng đoàn: Bất cứ ai ăn và uống mà không phân biệt được thân thể Chúa, là ăn và uống chính án phạt mình. Điều này vượt quá việc đòi hỏi

chúng ta phải nhìn nhận rằng Đức Ki-tô thực sự hiện diện trong Thánh Thể; điều này đòi hỏi chúng ta phải nhìn nhận Người thực sự hiện diện trong cộng đoàn. Chúng ta chỉ tự kết án bản thân mình, trừ khi chúng ta nhìn nhận và cử hành Thánh Lễ dựa trên thực tại về sự hiện diện của Đức Ki-tô trong mỗi anh chị em của Người. Lý do của điều này thật đơn giản: nếu cái chết của Đức Ki-tô mang tính cứu chuộc xuyên suốt lịch sử, thì cái chết của Người sẽ chỉ như vậy trong những hiệu quả hữu hình của nó trên cộng đoàn các tín hữu mà thôi. Sức mạnh từ cái chết cứu chuộc của Đức Ki-tô sẽ được loan truyền chỉ trong phạm vi các thành viên trong cộng đoàn sống tình hợp nhất yêu thương đối với nhau mà thôi.

Hiện nay, chúng ta đang sống sau thời các tín hữu Cô-rin-tô hơn 2000 năm, và câu hỏi thực sự duy nhất là liệu bài học mà họ để lại cho chúng ta có đi vào ý thức và thực hành của chúng ta hay không? Có hai nguy cơ, cả hai nguy cơ này đều tấn công vào khái niệm về cộng đoàn, mà chính thánh Phao-lô đã nhấn mạnh. Một nguy cơ là các xã hội, thành phố, hoặc giáo xứ có thể dâng Thánh Lễ hàng tuần trong suốt nhiều năm, mà vẫn không hề cải thiện được mối quan hệ của người dân trong đó. Liệu kẻ giàu sang và người nghèo khổ có chia sẻ cùng bàn không, và bằng cách này hay cách khác, lấp đầy chỗ trống dường như càng ngày càng phát triển rộng thêm giữa các tầng lớp, cho dù các tầng lớp này bắt nguồn từ những khác biệt về kinh tế, quốc tịch, hoặc tầng lớp xã hội? Thánh Phao-lô nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta chia sẻ cùng một tấm Bánh, nên chúng ta cũng chỉ là một thân thể của Đức Ki-tô (1 Cr 10:17). Thánh Thể sẽ chỉ là lương thực thiêng liêng, nếu Thánh Thể mang lại tính cách một thân thể này, chỉ khi nào Thánh Thể đưa đến

tình yêu thương và sự hợp nhất lớn lao hơn trong các nhóm và con người. Chúng ta không thể không thấy các bè phái vẫn tồn tại giữa chúng ta, mà không làm cho các Thánh Lễ của chúng ta trở nên vô ích và phạm thượng, giống như các tín hữu Cô-rin-tô.

Nguy cơ thứ hai là hậu quả từ việc biến Thánh Lễ thành một việc đạo đức riêng. Ngày nay, điều này rất dễ thực hiện đối với chúng ta. Chúng ta tin chắc rằng Đức Giê-su hiện diện trong Thánh Thể, và chúng ta đón rước Người khi Rước lễ, rằng việc chúng ta tham dự Thánh Lễ trở thành cao điểm trong ngày sống và cầu nguyện của chúng ta. Đây là lúc chúng ta có thể kết hợp với Đấng Cứu độ, và chúng ta có thể tự hào khi nhận ra sự hiện diện của Người trong đó. Cho dù có những người khác cử hành Thánh Lễ với chúng ta hay không, thì quả thật điều này vẫn tạo ra rất ít sự khác biệt. Dù sao, chúng ta vẫn hay bị chia trí hầu hết thời gian, và chúng ta luôn luôn cố gắng ngồi tại nơi mà chúng ta sẽ không phải ở đó, trên cùng chiếc ghế dài với những người khác. Họ không được coi như một phần trong lời cầu nguyện của chúng ta.

Chúng ta đã đi được một quãng đường dài từ thời giáo hội sơ khai. Thời đó, chỉ có một Thánh Lễ tại bất cứ địa điểm nào, và tất cả mọi người quy tụ cùng cử hành chung. Cả cộng đoàn đều chú tâm vào đó. Phụng vụ là mối liên kết giữa các tín hữu. Sách Công vụ Tông đồ nói với chúng ta những điều mà phụng vụ sơ khai nhắm đến: "Tất cả các tín hữu hợp nhất với nhau, và để mọi sự làm của chung. Họ đem bán đất đai của cải, lấy tiền đem chia cho mỗi người tùy theo nhu cầu" (Cv 2:44-45). Chúng ta đọc được một tóm tắt khác về thời giáo hội sơ khai: "Các tín hữu thời bấy giờ đông đảo, mà chỉ có một lòng một ý.

Không một ai coi những gì mình có là của riêng, nhưng đối với họ, mọi sự đều là của chung ... Trong cộng đoàn, không ai phải thiếu thốn" (Cv 4:32-34).

Ngay cả khi thừa nhận phẩm chất bình dân của các bản tường thuật này, chúng ta vẫn phải thừa nhận rằng lý tưởng thật rõ rệt. Chắc hẳn tất cả mọi người đều nhiệt thành. Họ thuộc về một *phong trào*, một phong trào do chính Đức Giê-su khởi xướng và hướng dẫn, phong trào này đã bẻ gãy những bức tường ngăn cách giữa các dân tộc. Sự bình đẳng của tất cả mọi người trong cộng đoàn mới đã được diễn tả trong bữa tiệc Thánh Thể chung của họ. Đối với họ, điều này không dễ dàng hơn so với chúng ta, và chúng ta đều biết những thiếu sót trầm trọng giữa họ. Nhưng vẫn còn lại lý tưởng mà họ phấn đấu để sống theo.

Tuy nhiên, việc nhận ra vấn đề là bước đầu tiên để tìm được một giải pháp. Chúng ta nên bắt đầu bằng cách hỏi rằng những năm tháng cử hành Thánh Lễ có tạo ra bất cứ khác biệt nào trong nhận thức về xã hội, trong cam kết của chúng ta đối với lẽ công bằng, trong nỗ lực mà chúng ta thực hiện hầu xây dựng thế giới của tình yêu thương và hợp nhất mà chính Đức Giê-su đã sống và chết hay không. Nếu chúng ta ít thay đổi so với 5 hoặc 10 năm trước đây, thì Thánh Lễ đã trở thành một hoạt động phụng tự thực sự ít ảnh hưởng đối với cuộc sống: Thánh Lễ không thành công trong việc thách đố nhận thức hoặc làm cho chúng ta hoàn toàn bén rễ sâu hơn nữa vào cộng đoàn mà Thánh Lễ có ý muốn diễn tả.

Một câu hỏi thêm có thể tập trung vào việc làm thế nào để người ta thường xuyên tham dự Thánh Lễ. Phải chăng đây là một hoạt động của toàn thể cộng đoàn mà

trong đó tôi có liên quan, hoặc phải chăng có khuynh hướng đây là giây phút của riêng cá nhân tôi với Đức Ki-tô? Mặc dù tất cả chúng ta đều cần đến những lúc một mình với Thiên Chúa, nhưng đây vẫn không phải là nguyên nhân chính của sinh hoạt Thánh Lễ. Nếu Thánh Lễ biểu thị tốt đỉnh lời cầu nguyện riêng của Đức Giê-su với Chúa Cha, thì chúng ta vẫn phải thừa nhận rằng Thánh Lễ là một cách diễn tả năng động về tình yêu đôi với tất cả chúng ta; đây là một gương mẫu đặc biệt về việc Đức Giê-su phục vụ những kẻ khác, tới mức độ ban tặng toàn bộ con người của mình. Khi tham dự Thánh Lễ, chúng ta nên phấn đấu để sánh kịp với cam kết và tình yêu đó.

Vậy chúng ta có thể làm thế nào để sống một cuộc đời Thánh Lễ đích thực, một cuộc đời được biểu thị bằng sự hiến thân của Đức Ki-tô? Chúng ta biết rằng điều này không tự động xảy ra. Chúng ta phải bắt đầu bằng cách hỏi xem mình có hiểu biết gì về giáo hội. Nếu chúng ta kết hợp với ý tưởng về giáo hội, chủ yếu như một xã hội hoàn hảo, dưới sự dẫn dắt của các nhà lãnh đạo trong giáo hội được thiết lập theo phẩm trật (hàng giáo sĩ), tất cả các phương tiện thuộc về bí tích mang lại ân sủng mà chúng ta cần đến để được cứu độ, thì chúng ta sẽ nhận thấy thật khá khó khăn để hiểu về giáo hội như một cộng đoàn của những con người đang cùng nhau phấn đấu, hầu mang lại sự nhận biết đầy đủ hơn về vương quốc của Đức Ki-tô. Ý tưởng trước trực tiếp liên kết chúng ta với thể chế; chúng ta có thể đảm bảo đạt được nước trời, miễn là chúng ta tuân theo các lề luật và tận dụng những sự giúp đỡ được cung cấp. Nhưng giáo hội chủ yếu không phải là một câu lạc bộ với cả một bộ luật; giáo hội là một đoàn lũ hành đang cùng nhau lên đường.

Chúng ta có ý nghĩ sai lầm về sự hoàn hảo, nếu chúng ta coi giáo hội như một thể chế, với tất cả những đáp ứng và đường hướng mà chúng ta cần có đối với cuộc đời. Phương pháp này cho phép chúng ta nói rằng nếu chúng ta tuân theo tất cả các giới răn và giới luật, thì chúng ta là những Ki-tô hữu tốt lành. Điều này có thể kiềm chế sự phát triển xa hơn, và ngăn cản chúng ta không nhận thấy mình phải làm thế nào để phát triển. Đây là một quan điểm quá tĩnh lặng. Tuy nhiên, ngay từ đầu, sự hiểu biết về *cộng đoàn* gây ấn tượng nơi chúng ta rằng không hề có những giới hạn đối với tình yêu thương hoặc cuộc sống. Vì mối liên kết cơ bản là mối liên kết cá nhân, cuộc sống trở thành hàng loạt các mối quan hệ. Mối quan hệ của chúng ta với Đức Giê-su được diễn tả và phát triển khi chúng ta phát triển trong các mối quan hệ của mình và quan tâm đến nhau. Chúng ta biết rằng mình sẽ không bao giờ đạt được sự hoàn thiện ở đây, dưới thể này, vì chúng ta luôn luôn có thể gia tăng trong tình yêu, và vì Đức Giê-su không bao giờ đặt ra một mức tối thiểu để làm cho Người thỏa mãn. Nói đúng hơn, Người nói rằng chúng ta sẽ được nhìn nhận như những môn đệ của Người, chỉ khi chúng ta bày tỏ cùng tình yêu thương đối với nhau, mà chính Người đã dành cho chúng ta (Ga 13:35).

Mỗi khi chúng ta cử hành Thánh Lễ, chúng ta đều kết thúc Kinh nguyện Thánh Thể bằng những lời: "Chính nhờ Người, với Người và trong Người, mà mọi chúc tụng và vinh quang đều quy về Chúa là Cha toàn năng, cùng với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời. A-men". Chúng ta thừa nhận rằng con đường duy nhất để tôn vinh và làm vui lòng Chúa Cha là chúng ta ở bên trong, cùng với và thông qua Đức Ki-tô. Nếu chúng ta phải phát triển

một tinh thần và tâm hồn Thánh Lễ, thì chúng ta sẽ nhận ra rằng con đường của Đức Ki-tô chính là con đường phục vụ kẻ khác. Chúng ta sẽ đánh giá đúng sự kiện rằng ân huệ vĩ đại nhất là sự hiện diện của Người bên trong cộng đoàn, vì đây là nơi chúng ta sẽ có thể tìm được sức mạnh và sự hỗ trợ, chăm sóc và quan tâm đầy yêu thương. Tất cả chúng ta đều có ý định hình thành một phần của cộng đoàn Ki-tô hữu chia sẻ đó, tự diễn tả ở đỉnh cao trong Thánh Lễ, và được truyền cảm hứng để tiếp tục phát triển.

Sau điều này, đây là chỉ vấn đề thực hành. Khi tự nhắc nhở mình về những quyền ưu tiên đích thực, chúng ta có thể tập trung vào hai lãnh vực: Trước hết là lòng quảng đại và sự phục vụ nhiều hơn, cả hai điều này đều nằm bên trong và bên ngoài cộng đoàn trực tiếp của chúng ta. Thay vì xem xét lương tâm của mình mỗi ngày về những điều chúng ta sai trái, thì chúng ta có thể tìm kiếm những điều mình đã thực hiện *đúng*, chúng ta đã làm thế nào để thế giới trở nên tốt đẹp hơn và giống như một nơi của Đức Ki-tô hơn. Chúng ta có thể phấn đấu để nhận ra Đức Ki-tô một cách dễ dàng hơn nơi những người nghèo khổ và bị áp bức, khi nhớ rằng chính Đức Giê-su đã tự đồng hóa mình với "những anh em nhỏ bé nhất của Người". Phải chăng là quá nhiều khi mỗi ngày chúng ta cứ mong đợi một số hành động tích cực thay cho những kẻ khác?

Thánh Lễ là lãnh vực thứ hai. Chúng ta nên cử hành Thánh Lễ với lòng khiêm tốn, nhận biết rằng mình luôn luôn thiếu sót đối với ân huệ-hiến thân mà Thánh Lễ bao hàm. Khi chúng ta tự nhắc nhở mình rằng sự thất bại của những kẻ khác trong việc đánh giá đúng chiều

Kích cộng đoàn của Thánh Lễ là hậu quả của lối phê phán khắt khe từ thời các tông đồ, thì điều này sẽ ngăn cản chúng ta cũng khỏi lãng phí thì giờ và không tận dụng được gì đối với ơn Cứu độ. Thánh Lễ của những người đó thật trống rỗng và vô ích. Nếu chúng ta cần tránh khỏi cũng bị kết án như vậy, thì chúng ta sẽ phải nỗ lực nhận ra Thân thể Đức Ki-tô trong thế giới, và diễn tả đức tin của mình bằng một cuộc sống phục vụ.

VI

ĂN TẠI BÀN TIỆC CỦA CHÚA

Chỉ những năm mới đây, chúng ta mới cảm thấy thoải mái với suy nghĩ về Thánh Lễ như một bữa ăn. Sự thật là những năm qua, một số người vẫn tuyên bố rằng Thánh Lễ *chỉ* là một bữa ăn, trong khi họ lại khước từ khía cạnh hy tế của Thánh Lễ, tất nhiên, điều này làm cho chúng ta càng dễ trở nên không tin. Cũng vậy đối với thói quen suốt 400 năm qua trong việc ám chỉ Thánh Lễ như là đám đông quy tụ, Rước lễ, và sự Hiện diện Đích thực. Thói phân chia Thánh Lễ thành từng ngăn rõ rệt như vậy đã cắt khúc sự hiểu biết của chúng ta, và khiến chúng ta có một cái nhìn khá tĩnh lặng về hành động thực sự năng động của Đức Ki-tô. Lỗi suy nghĩ này cũng ảnh hưởng đến việc thực hành của chúng ta. Bao năm nay, tình trạng người ta “có mặt” trong Thánh Lễ và không Rước lễ thật phổ biến. Cuối cùng, Giáo hội đã phải ra quy luật là nên Rước lễ ít nhất mỗi năm một lần! Chiều kích bữa ăn càng ngày càng lui vào hậu trường.

Những quan điểm này không phải là không sử dụng được, cho dù trong số các tín hữu hoặc trong các phạm vi chính thức. Trong các sách, vẫn còn những quy luật rằng tất cả mọi người Công Giáo đều có một luật buộc nghiêm ngặt là phải "đi" Lễ mỗi Chúa nhật, ngay cho dù một số người bị cấm Rước lễ. Điều này hơi giống như buộc người nào đó phải đi ăn tiệc, và chỉ cho phép họ được ngửi thức ăn mà thôi.

Dù sao đi nữa, cách suy nghĩ về Thánh Lễ dưới dạng một bữa ăn vẫn có một truyền thống lâu đời và đáng tôn trọng. Chúng ta đọc được trong Tin Mừng theo Thánh Gio-an: "Nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình" (Ga 6:53). Lại nữa: "Vì thịt tôi thật là của ăn, máu tôi thật là của uống" (Ga 6:55). Ngoài ra, cả bốn thánh sử đều nhận thấy những hàm ý về Thánh Thể trong phép lạ hoá bánh nuôi nhiều người, và các Tin Mừng Nhất Lãm đều tường thuật việc thành lập Phép Thánh Thể trong bữa ăn Vượt qua mà Đức Giê-su đã chia sẻ với các môn đệ của Người.

Cũng có một nguyên nhân thực tế rất tốt, để tập trung vào giá trị bữa ăn của Phép Thánh Thể: Tất cả chúng ta đều ăn. Ăn là một nghi thức xã hội quan trọng mà trong đó, tất cả chúng ta đều chia sẻ. Trẻ con luôn luôn đói. Tôi còn nhớ vấn đề đầu tiên về thần học mà tôi đương đầu với tư cách là một linh mục, khi một học sinh lớp 6 yêu cầu tôi giải quyết một vấn đề trong lớp: Trên thiên đàng chúng ta có *ăn* không? Tôi trả lời là *không*, chỉ để nhìn thấy gương mặt của cậu bé xụ xuống và tôi nghe thấy cậu kêu lên: "Thế thì kỳ cục quá! Thừa cha, ăn là một nửa thú vui sống đấy". Trong sự hiểu biết các màu nhiệm của Thiên Chúa, người ta dễ dàng hơn trong việc

đi từ những điều đã biết đến không biết. Đức Giê-su rất thường xuyên làm như vậy, và Người đã chọn bữa ăn như phương tiện biểu lộ ân huệ-hiến thân của Người. Chúng ta cũng có thể đánh giá đúng hơn những khía cạnh nào đó của Phép Thánh Thể, bằng cách đánh giá đúng các giá trị vốn có trong các bữa ăn.

Các giá trị của nhân loại được diễn tả qua các bữa ăn đã phần nào bị mất đi trong xã hội Mỹ. Các nền văn hóa La-tinh hiểu biết hơn nhiều về những hàm ý xã hội xoay quanh các bữa ăn. Trong xã hội của McDonald (thức ăn nhanh), người ta có thể thực sự sai lầm khi nghĩ rằng điều quan trọng nhất trong lúc ăn chính là *thức ăn*. Với tất cả những sinh hoạt của đời sống hiện đại, nhiều gia đình hiếm khi ăn chung, và tình trạng này làm cho vấn đề càng thêm tồi tệ. Để giúp chúng ta hiểu biết, ví dụ rõ rệt nhất mà chúng ta có được là các bữa ăn đặc biệt, được chia sẻ nhân dịp lễ lạc, trong các ngày nghỉ hoặc lúc chúng ta mời những kẻ khác đến bàn ăn của mình.

Tất cả mọi người đều thích thú khi nhận những lời mời ăn tối... và trước hết không phải vì thức ăn! Sự ân cần của người gửi lời mời, thú vui được tụ tập với các bạn hữu, lúc ăn uống vui vẻ, chuyện trò, tất cả đều đóng vai trò quan trọng nhất. Nếu có tất cả những yếu tố này, ngay cả nếu thức ăn không xôm tụ nhất, thì nhân dịp này, chúng ta vẫn sẽ nhìn lại và nói rằng: "Thật là một bữa ăn ngon!". Rõ ràng trong các bữa ăn thuộc loại này, các mối quan hệ xã hội là thực tại quan trọng nhất. Các bạn bè thân thiện làm cho bất cứ thức ăn nào đều trở nên có hương vị ngon hơn.

Nếu điều này đúng đối với chúng ta, thì thậm chí nó lại càng đúng hơn trong thời của Đức Ki-tô. Trong xã

hội Cận-Đông, các bữa ăn đều được hiến thánh. Việc bẻ bánh với người nào đó là một lời thề của tình hữu nghị và đoàn kết. Trong các bữa ăn trịnh trọng hơn, sẽ có nhiều cuộc đối thoại và chia sẻ. Thật vậy, Đức Giê-su đã thực hiện một sứ vụ mở rộng hơn về tình bằng hữu trong bữa ăn. Các kinh sư và người Pha-ri-sêu đều hiểu ý nghĩa đích thực của các bữa ăn, nên họ thường phản đối những kẻ cùng ăn với Đức Giê-su. Sự kiện nhiều người đều coi Đức Giê-su như một rabbi (bậc thầy), một số người còn coi Đức Giê-su như một ngôn sứ, thế mà Đức Giê-su lại tự kết thân với nhân viên thu thuế, gái điếm, những kẻ không hiểu biết (và do đó, không tuân giữ) lề luật, đó chính là một lời phát biểu rõ ràng về tình đoàn kết với những kẻ đó. Đây là một vị ngôn sứ hoặc rabbi đang mở rộng bàn tay của tình bằng hữu và sự an bình, qua việc Đức Giê-su chia sẻ một nghi thức liên kết tất cả mọi người trong tình anh em. Đức Giê-su đã tích cực vươn tới những kẻ gặp khó khăn, và chỉ một sự kiện Người cùng ăn uống với những kẻ tội lỗi đã nói lên một cách hùng hồn về sự chấp nhận và tha thứ.

Đức Giê-su cũng dạy chúng ta trong các bữa ăn. Người đặc biệt sử dụng các bữa ăn để dạy dỗ về lòng thương xót của Thiên Chúa. Ba dụ ngôn về lòng thương xót trong Lu-ca 15 theo sau lời căn dặn của những kẻ thông luật rằng: "Ông này đón tiếp những kẻ tội lỗi và ăn chung với họ". Trong các bữa ăn, Đức Giê-su thường chữa lành bệnh tật hoặc công khai tha thứ các tội lỗi, và nói về phẩm chất tình yêu thương và lòng thương xót của Thiên Chúa. Do đó, những lúc này, đúng là Đức Giê-su đã hiến thân, không chỉ qua sự hiện diện cá nhân của Người, mà còn qua giáo huấn và thái độ hoàn toàn sẵn sàng của Đức

Giê-su trong việc thực hiện bất cứ điều gì để hòa giải con người với Chúa Cha.

Nếu chúng ta nhìn vào Bữa tiệc Ly, một bữa ăn rất trực tiếp liên quan đến Thánh Thể, chúng ta nhận thấy Đức Giê-su sử dụng bánh và rượu, dấu hiệu của niềm vui và sự sung túc trong vùng đất hứa. Từ Qumran và các tài liệu khác, chúng ta được biết rằng bánh và rượu chính là lời nhắc nhở về sự bảo vệ và lòng quảng đại của Thiên Chúa, và thái độ sẵn sàng – thậm chí tha thiết – của Người trong việc giải thoát dân Người. Đây là những kết quả của vùng đất hứa. Chủ tọa của bữa tiệc lễ hội đều cầu nguyện ngay từ đầu, do đó càng nhấn mạnh giá trị biểu tượng, và làm cho toàn bộ bữa ăn trở nên rất thánh thiêng, đến nỗi những kẻ đến trễ đều bị trục xuất. Bởi vì những người chia sẻ bánh và rượu đều nhận được một sự chia sẻ cá nhân trong phúc lành đã được nói đến. Người ta không đến tham dự chỉ vì thức ăn, Đức Giê-su còn tiếp theo một kiểu phần nào tương tự trong các bữa ăn của Người, và Bữa tiệc Ly tập trung vào ý nghĩa của việc chia sẻ thậm chí lại càng rõ rệt hơn, bằng cách tuyên bố rằng bánh này là chính thân thể Người, và rượu là chính máu Người, máu đích thực của giao ước mới và vĩnh cửu mà ngôn sứ Giê-rê-mi-a đã hứa (Jr 31:31-34).

Những lời này được biết đến như những lời được hiến thánh. Chúng còn hơn thế nữa. Theo nghĩa rộng, chúng thực sự là những *lời giải thích*, giải thích về ý nghĩa đích thực của bữa ăn đó, cho thấy ý nghĩa cuộc đời Đức Giê-su và ý nghĩa sự chết của Người. Giá trị của những lời này phát xuất từ sự kiện chúng được củng cố và hỗ trợ bởi một cuộc đời hoàn toàn hiến thân, một cái chết thực sự vì những kẻ khác, để họ có thể được sống. Khi yêu

thương những kẻ thuộc về Người còn ở trong thế gian, trên thánh giá, Đức Giê-su đã chứng tỏ quy mô trọn vẹn trong tình yêu của Người. Chính cuộc đời hoàn toàn xá thân của Người khiến chúng ta nhận biết rằng thân thể Người thực sự được ban cho chúng ta, và máu Người đã đổ ra thay cho chúng ta.

Do đó, chúng ta có thể nhận thấy sự hiểu biết sâu xa hơn về các giá trị của bữa ăn soi sáng vài điểm quan trọng. Thứ nhất là sự tha thứ và hòa giải bao hàm trong đó. Thứ hai là khái niệm về tình đoàn kết – tình bằng hữu và yêu thương liên kết những người cùng bàn ăn với nhau. Thứ ba là chiều kích hy sinh mà chính Đức Giê-su đã ban cho bữa ăn của tình bằng hữu. Nếu chúng ta thực sự *ăn* trong sự tưởng niệm những điều Đức Giê-su đã làm, thì chúng ta sẽ sống một cuộc đời quy vào những kẻ khác giống như Người. Chúng ta cần xem xét kỹ hơn từng điểm này.

Đức Giê-su đến để chúng ta có thể được sống và sống dồi dào, và khi hòa giải chúng ta với Chúa Cha, Người đã mang lại cho chúng ta ơn tha thứ đối với những tội lỗi của chúng ta. Ngày nay, khi chúng ta nghĩ đến ơn tha thứ những tội lỗi, thì tự động chúng ta có khuynh hướng nghĩ đến bí tích giải tội hoặc hòa giải. Không có cách nào để mong muốn giảm bớt vị trí thích đáng của bí tích này, sự thật (một sự thật thậm chí đã được đề cập đến trong chỉ thị về nghi thức mới của việc hòa giải) là phương tiện chủ yếu để hòa giải trong giáo hội chính là Phép Thánh Thể.

Lối suy nghĩ về Phép Thánh Thể như là mang tính cách hòa giải còn hơn cả nhấn mạnh vào nghi thức sám hối lúc đầu. Đó là nói rằng toàn bộ bữa ăn, toàn bộ Thánh

Lễ đều mang tính hòa giải. Ôn tha thứ được bao hàm trong chính sự kiện Đức Giê-su mời gọi chúng ta đến với bàn ăn của Người. Toàn bộ điều mà chúng ta cần làm là đón nhận lời mời gọi này. Đây chính là nơi chúng ta nhận thấy lòng thương xót bao la của Thiên Chúa. Thói quen của Đức Giê-su trong việc cùng ăn uống với những kẻ tội lỗi rõ ràng mang ý nghĩa tượng trưng cho mục đích của bữa tiệc mang tính cách Mê-si-a: liên kết nhân loại tội lỗi với Thiên Chúa. Trong Bữa tiệc Ly và trong Phép Thánh Thể, Đức Giê-su nói rõ ý nghĩa cuộc đời và sứ điệp trong tất cả các bữa ăn trần thế của Người: Đây chính là cách thức Người phá hủy các hàng rào cản giữa Thiên Chúa và những kẻ tội lỗi.

Chúng ta nên suy nghĩ nghiêm túc về sự kiện Đức Giê-su không hề giới hạn bữa ăn mang tình bằng hữu của Người, dành cho những kẻ vốn đã là môn đệ của Người, hoặc những kẻ vẫn được gọi là “tốt lành”. Trường hợp của ông Gia-kêu chỉ là một ví dụ về việc Đức Giê-su đã vượt ra khỏi những kẻ coi như “được cứu độ”, để cùng ăn với một kẻ hoàn toàn có thể là một tên trộm cắp lớn nhất thành, mà không hề nói gì về tình trạng làm thuê của ông ta cho đế quốc Rô-ma. Kết quả của cách diễn tả tình yêu thương và sự tha thứ này đủ để gây xúc động cho ông Gia-kêu, khiến ông ta sẵn sàng hoàn lại lợi tức và chia phân nửa tài sản của mình cho người nghèo. Cử chỉ của Đức Giê-su, vươn tay ra, không chỉ là một cách diễn tả thiện ý của con người, mà còn là cách mở rộng sự chấp nhận của chính Thiên Chúa; chính ông Gia-kêu và những kẻ cười nhạo đều hiểu như vậy, và chắc hẳn điều này đã khiến ông xúc động đến nỗi hỏi cái (Lc 19:1-10).

Sự tha thứ bao hàm trong bữa ăn, và đặc biệt trong bữa ăn của Đức Ki-tô với chúng ta, mà hiện nay được tiêu biểu trong nghi thức Thánh Thể, đã được duyệt xét lại. Sau Kinh Lạy Cha, trong đó, chúng ta xin ơn tha thứ như chúng ta tha thứ cho những kẻ khác, chúng ta có nghi thức chúc bình an trước khi chia sẻ tại bàn của Chúa, trong đó, chúng ta được mời gọi đưa bàn tay của tình hữu nghị và bình an ra với những người đã được mời gọi đến bàn tiệc của Đức Ki-tô cùng với chúng ta. Nghi thức dường như tự nhiên này vẫn bị một số người lơ là, và một số kẻ khác vẫn không thích. Hình như nghi thức này xâm phạm vào không gian thánh thiêng của chúng ta, lúc chúng ta đang sẵn sàng để đón rước Chúa.

Tuy nhiên, cử chỉ này vẫn cố gắng nói với chúng ta rằng sự tha thứ và vươn tay ra của chúng ta kém cõi hơn của Đức Giê-su, trừ khi chúng ta sẵn sàng mở rộng bàn tay chúc bình an cho tất cả những người mà chúng ta được liên kết. Chúng ta đang thay đổi bản chất bữa ăn của Người, từ một bữa ăn của sự hòa giải và tha thứ, sang một thể giới của hình ảnh tượng trưng riêng tư, trong đó, tất cả chúng ta đều ở một mình với Đấng Cứu độ của chúng ta. Nhưng Đức Giê-su cũng đã mời gọi những kẻ khác đến với bàn của Người; Người chăm sóc họ giống như Người chăm sóc chúng ta, và Người yêu cầu chúng ta làm giống như vậy. Nếu chúng ta không thể thực hiện điều này, thì chúng ta không thuộc về nơi đó; chúng ta hạn chế tình yêu của Thiên Chúa một cách tùy tiện, và mâu thuẫn với chính ý nghĩa của việc chúng ta chia sẻ tại cùng một bàn tiệc.

Có lẽ điều này giúp chúng ta cầu nguyện sốt sắng hơn đối với Kinh nguyện Thánh Thể, Kinh Lạy Cha. Khi

chúng ta cầu xin ơn tha thứ, như chúng ta tha thứ cho những kẻ khác, thì chúng ta đang nói gì? Phải chăng chúng ta thực sự mong muốn Thiên Chúa quảng đại hơn và hiểu chúng ta hơn, so với đôi khi chúng ta cư xử với những kẻ khác? Ngoài những lối giải thích khác nhau về mặt thiêng liêng đã từng được đưa ra, dường như lời cầu xin này cũng diễn tả về tâm lý cơ bản đơn giản. Nếu chúng ta hạn chế ý nghĩa của sự tha thứ và tình đoàn kết trong cuộc sống của mình, nếu tâm hồn chúng ta trở nên chai đá trước đôi tay mở rộng của những kẻ khác, thì chúng ta rất thu hẹp phạm vi hiểu biết của mình, đến nỗi chúng ta không thể được nhiều ích lợi từ ơn tha thứ, mà chỉ một mình Thiên Chúa rất sẵn sàng ban tặng. Ôn tha thứ của Thiên Chúa không tùy thuộc vào sự tha thứ của chúng ta, nhưng nếu trí óc và tâm hồn chúng ta quá khép kín trước ý nghĩa thực sự của ơn tha thứ, thì chúng ta không nhận ra hoặc chấp nhận lời mời gọi hoặc ân huệ được ban.

Tình đoàn kết là một yếu tố khác của đời sống Ki-tô hữu, vốn có trong sự hiểu biết những khía cạnh thuộc về bữa tiệc Thánh Thể. Chắc hẳn trước hết, phép Thanh tẩy đã đưa chúng ta vào gia đình Đức Ki-tô. "Con cái của Thiên Chúa và những người thừa kế nước trời" đó là lối nói mà chúng ta vẫn sử dụng để diễn tả điều này. Và những lối nói khác nhau trong Tin Mừng về việc ghét cha mẹ, gia đình và bạn hữu vì nước trời nhấn mạnh đến ý tưởng rằng Đức Giê-su đã đến để rên đúc các mối liên kết mới giữa mọi người, mối liên kết vượt khỏi gia đình, bộ tộc hoặc quốc gia (xem Lc 14:26). Đức Giê-su dự tính một xã hội mà trong đó, tất cả mọi người đều có thể sống chung với nhau trong bình an và tình hữu nghị. Đây là điều mà Đức Giê-su vẫn diễn đạt bằng biểu tượng xa hơn,

khi chọn một bữa ăn mà trong đó, Người thánh thiêng hóa sự hiện diện và ý muốn của Người đối với gia đình mới mà Người hy vọng hình thành.

Nếu chúng ta phải tiếp tục công việc mà Đức Giê-su đã khởi sự, nếu những lần chúng ta cử hành Thánh Lễ phải phản ánh thực tại đời sống của mình, thì chúng ta phải học hỏi để mở rộng tầm tay của chúng ta vượt khỏi những giới hạn hiện nay của nó. Sự chia sẻ thường xuyên tại bàn của Chúa nên lấp đầy tâm hồn chúng ta một mong ước đưa tất cả mọi người vào phạm vi hoạt động của Đức Ki-tô. Điều này không có nghĩa là chúng ta không nhìn thấy tính đồng nhất về mặt xã hội trong các cơ cấu giáo xứ hiện nay của chúng ta. Hầu hết các thành phố đều có nhiều giáo xứ được lập ra dọc theo các ranh giới địa lý hoặc đôi khi quốc gia. Điều này có nghĩa là có thể chúng ta không bao giờ kẻ vai sát cánh với những người thuộc các nhóm hoặc các tầng lớp khác nhau ngay cả trong cùng một thành phố, bỏ mặc không liên quan gì đến các anh chị em của chúng ta tại các quốc gia khác.

Tuy nhiên, Đức Giê-su chỉ có một cái bàn, mà tất cả mọi người đều được kêu gọi đến đó. Chúng ta không thể quá tự cô lập mình, đến nỗi chúng ta cảm thấy không quan tâm đến những kẻ khác mà có thể chúng ta không bao giờ gặp. “Những kẻ khác” này rơi vào hai tầng lớp: Tầng lớp rõ rệt nhất bao gồm những người đã chia sẻ đời sống trong Đức Ki-tô. Họ là các thành viên trong gia đình. Nhưng có những người ở bên ngoài vẫn đang chờ đợi để được mời gọi vào bàn tiệc của Chúa, những người có thể chưa bao giờ trải nghiệm lòng thương xót của một Đức Ki-tô đầy yêu thương – trừ khi chúng ta vươn tay ra cho họ, như Đức Giê-su đã từng làm đối với ông Gia-kêu.

Chúng ta, những người chia sẻ tại bàn của Đức Giê-su, chúng ta có bốn phận mở rộng sự quan tâm và tình yêu thương đối với tất cả những kẻ cần đến điều đó.

Thách đố của chúng ta là nên bộc lộ rõ một cách phong phú đối với những khía cạnh hy sinh như vậy của một cuộc đời vì những kẻ khác. Tình bằng hữu trong bữa ăn của cuộc đời Đức Giê-su chứng tỏ rằng Người sẵn sàng gặp gỡ chúng ta trong tình yêu thương, không phải một tình yêu tự cho mình là trung tâm, nhưng một tình yêu vượt qua mọi giới hạn. Sự tự hủy mình và kể cả cái chết của Người đã được ban tặng để chúng ta đi theo. Đó là điều chúng ta cử hành trong Thánh Lễ. Đó là điều chúng ta có bốn phận sống cuộc đời của mình.

Tuy nhiên, điều này còn hơn cả một thách đố, một mục tiêu xứng đáng để chúng ta nhắm đến. Đây là điểm cốt lõi và trung tâm của các bữa ăn mà chúng ta chia sẻ với Đức Giê-su. Nếu chúng ta đang phấn đấu để sống không phải cho bản thân, nhưng cho những kẻ khác, nếu chúng ta thực sự cố gắng thay thế thói ích kỷ bẩm sinh của mình bằng sự quan tâm và lòng bác ái của Đức Ki-tô, thì chúng ta đang cử hành Thánh Lễ bằng một nỗ lực làm sao cho cuộc sống của chúng ta nên một với những điều được diễn tả trong phụng vụ. Khi không có một cuộc sống quan tâm đến những kẻ khác như Đức Giê-su đã biểu thị, thì các việc cử hành của chúng ta đều trở thành những từ trống rỗng và những hành động vô nghĩa.

Nhằm cố gắng đánh giá đúng hơn những điều bao hàm và có ý nghĩa trong Thánh Lễ, thì có thể rất hữu ích khi chúng ta tập trung vào những khía cạnh của bữa ăn. Bắt nguồn từ cách đánh giá của chúng ta về các bữa ăn đặc biệt và thuộc về lễ hội, chúng ta có thể hiểu được Đức

Giê-su đã xây dựng như thế nào trên cùng nền tảng này, để diễn tả về bản thân Người và về tình yêu của Thiên Chúa đối với nhân loại. Chúng ta có thể nhận thấy Người đã làm thế nào để sử dụng các bữa ăn như một yếu tố tiêu biểu cho sứ vụ của Người, và tự thân Thánh Lễ vốn bao gồm tất cả các giá trị của sự vươn tới, hòa giải, tha thứ, đoàn kết và tình yêu hy sinh.

Nếu chúng ta phải tiếp tục cử hành thực tại thánh thiêng này, thì việc tham dự của chúng ta sẽ chỉ mang lại kết quả, trong mức độ nó phản ánh một nỗ lực cá nhân để lưu giữ cùng các giá trị và thái độ trong cuộc sống chúng ta. Thánh Lễ không bao giờ có ý nghĩa củng cố một lối sống thiêng liêng hẹp hòi, không còn chỗ dành cho những kẻ khác. Nói đúng hơn, Đức Giê-su vẫn cùng ngồi tại bàn với chúng ta, với đủ mọi hạng người, và mong đợi chúng ta tự thưởng thức và cảm thấy hết sức thoải mái tự nhiên.

VII

TẨM BÁNH ĐƯỢC BỀ RA VÀ CHIA SẺ

Bộ phim có thể mang tựa đề: “Bữa tối Giáng Sinh trong Bãi Rác”. Tuy nhiên, vì được làm tại nhà, nên nó không có tựa đề. Nhưng bộ phim này nói về những con người có thật, và nó hoàn toàn nói về Lễ Giáng Sinh trong khu rác rưởi của thành phố. Chúng tôi đề cập đến những nỗ lực truyền giáo của một số tu sĩ Dòng Tên đang làm việc tại El Paso, Texas. Hình như Juarez băng qua ranh giới từ El Paso. Juarez nổi tiếng hơn nhiều đối với người Mỹ, vì ở đó có hàng hóa rẻ tiền, sòng bạc và những tiện nghi khác, do người Mê-xi-cô cung cấp tại các tỉnh biên giới. Khu rác rưởi ít nổi tiếng hơn, với vài chục người vẫn gọi đó là nhà. Tại đây, họ xây dựng những lán trại lụp xụp, nuôi dưỡng gia đình, và cạnh tranh với lũ chuột cống những thức ăn do các thùng rác của thành phố gần đó cung cấp hàng ngày.

Một trong các tu sĩ Dòng Tên đang làm việc với một nhóm Cursillos đã có ý kiến nổi bật là diễn tả điều gì đó về niềm vui và sự an bình của ngày Đức Giê-su Giáng Sinh, bằng cách chia sẻ bữa tối Giáng Sinh với những người kém may mắn, bị xã hội khước từ, sống bên lề – nói đúng hơn là *tồn tại*. Điều này được coi như một ý kiến hay, vì thế, hơn 20 người hoặc khoảng chừng ấy cùng với gia đình họ đã chuẩn bị thức ăn và những món quà, rồi bắt đầu lên đường tới bãi rác vào buổi chiều Lễ Giáng Sinh. Họ không được chuẩn bị đối với những điều họ nhìn thấy. Thay vì vài chục người mà họ mong đợi, có đến hàng trăm người. Con số những người nghèo nàn khôn khổ hoàn toàn đông hơn họ, đây là những người mà niềm hy vọng sống sót duy nhất của họ là ganh đua với kẻ khác, để lượm một những thứ đồ thừa thãi và bỏ đi của thành phố.

Bộ phim đã quay được cảnh đó một cách rất sinh động: Một nhóm nhỏ chất đầy lương thực đang tiến bước giữa bãi rác và gạch vụn, gặp gỡ một đội quân những kẻ đói khát, mà đối với họ, lương thực sẵn có hầu như không đủ để ăn cho ngon miệng. Nhưng họ vẫn tiếp tục tiến bước và can đảm nói với mọi người về sự quan tâm và tình yêu thương của họ, và xin lỗi rằng họ đã không mang theo đủ lương thực, sao cho tất cả mọi người đều có thể cùng nhau thưởng thức một bữa tối Giáng Sinh vui vẻ. Tuy nhiên, ít nhất họ vẫn có thể chia sẻ được một vòng. Như vậy, bữa ăn tối đã bắt đầu với những bài hát, thánh ca và thiện chí. Họ cầm lấy lương thực, chúc lành, và phân phát cho mọi người. Họ đã ăn! Bộ phim cho thấy các gương mặt tươi cười và những đĩa thức ăn đầy ắp. Bộ phim cũng cho thấy cả đám người hoàn toàn thỏa mãn một cách không thể giải thích được – và đầy thức ăn còn thừa. Một lần

nữa, các môn đệ thu thập những thứ còn thừa, sau khi tất cả mọi người đều no nê. Một lần nữa, Chúa đã nuôi dưỡng nhiều người một cách đáng ngạc nhiên.

Khi chúng ta suy nghĩ về các sự kiện cá nhân trong cuộc đời Đức Giê-su, chúng ta dễ dàng chìm đắm trong những câu hỏi ngoài lề. Chẳng hạn, khi Đức Giê-su làm phép lạ nuôi nhiều người chỉ với vài con cá và mấy chiếc bánh lúa mạch, thì chúng ta băn khoăn không biết Đức Giê-su có thực sự *gia tăng gấp bội* số bánh và cá, hay dân chúng hoàn toàn được vận động để chia sẻ những thứ ít ỏi mà họ có (tình cờ, đây lại là một phép lạ lớn hơn nhiều), nhờ đó, cung cấp dư dả cho tất cả mọi người. Vấn đề thực sự là trong tình yêu thương và lòng thương xót của Đức Giê-su, Người có khả năng cung cấp những nhu cầu của chúng ta, và Người đã ban cho chúng ta các phương tiện để thỏa mãn chúng. Ngoài ra, lòng quảng đại này của Đức Giê-su không giới hạn vào một sự kiện riêng biệt trong cuộc đời Người; điều này có nghĩa đây là một thực tại liên tục trong đời sống giáo hội. Câu hỏi thực sự là: Ngày nay, làm thế nào để dân chúng tiếp tục được nuôi dưỡng?

Chúng tôi đã đề cập rằng từ thuở ban đầu nhất, các phép lạ hóa bánh trong cuộc đời Đức Ki-tô được trình bày như một sự kiện thuộc về Thánh Thể. Những hành động mang tính phụng vụ của Đức Giê-su: *cầm lấy* bánh, *chúc tụng*, *bẻ ra*, và *phân phát*, được tìm thấy trong cả bốn trình thuật (Mc 6:41; Mc 8:6; Mt 14:19; Mt 15:36; Lc 9:16; Ga 6:11). Thậm chí các học giả Kinh Thánh còn có khả năng phân tích những thay đổi tinh tế bằng lời trong các bản văn khác nhau, và nhận thấy chúng phản ánh sự thay đổi trong cách thực hành Thánh Thể của giáo hội sơ khai. Nói chung, người ta đều đồng ý rằng những nỗ lực

sớm nhất để hiểu biết và đánh giá đúng ý nghĩa của Thánh Thể trong giáo hội sơ khai gắn liền với mầu nhiệm hóa bánh nuôi nhiều người, trước khi triển khai các trình thuật phụng vụ về Bữa tiệc Ly. Thật vậy, Thánh Gio-an dùng Bữa tiệc này như là dấu hiệu chủ yếu trong cuộc đời Đức Giê-su, điều này giải thích về ý nghĩa của Thánh Thể trong giáo hội. Ngài không đưa ra sự phát triển phụng vụ tương đương đối với Bữa tiệc Ly.

Yếu tố làm cho điều này khả thi không chỉ là giá trị và ý nghĩa của các bữa ăn trong sứ vụ của Đức Giê-su – đó là lúc Người tự do chia sẻ giáo huấn, lòng thương xót, sự tha thứ, và chính bản thân Người –, mà còn là các giá trị đặc biệt vốn có trong phép lạ nuôi cả đám đông to lớn. Họ nhận thấy việc nuôi dưỡng kỳ diệu này báo trước Thánh Thể, có thể được sử dụng để chuyển tải những khía cạnh quan trọng thuộc về bản chất của Thánh Thể, và cung cấp sự hướng dẫn liên tục đối với đời sống giáo hội.

Lỗi suy nghĩ về phép lạ hóa bánh theo cách này có lẽ không dễ dàng đối với chúng ta. Khi chúng ta nghĩ đến những dấu hiệu của Phép Thánh Thể, nói chung, chúng ta hay giới hạn những dấu hiệu này vào bánh và rượu. Nhưng dấu hiệu lại vượt khỏi những yếu tố đơn giản của đồ ăn và thức uống. Nó mở rộng đến toàn bộ sự kiện ban tặng mà Đức Giê-su đã khởi xướng và làm cho khả thi. Dấu hiệu của Thánh Thể nằm trong kinh nghiệm của con người về bữa ăn, trong đó, Đức Giê-su thể hiện khả năng cho ăn và nuôi dưỡng. Đó là kinh nghiệm về tình bằng hữu và cộng đoàn. Đó là một mầu nhiệm về tình yêu thương và lòng thương xót. Bởi vì tất cả những yếu tố này đều được tìm thấy trong phép lạ hóa bánh, nên tự nhiên

tổ tiên chúng ta trong lòng tin nhìn vào đó để tìm thấy ý nghĩa và mục đích.

Đức Giê-su bẻ bánh. Tám bánh được bẻ ra để chia sẻ. Và khi bẻ ra cùng một tám bánh, thì tất cả mọi người đều được trở nên một. Tám bánh được chia sẻ rèn đức sự hợp nhất của những người cùng chia sẻ tám bánh đó. Dấu hiệu của Thánh Thể là một dấu hiệu của sự đoàn kết, tình bằng hữu. Việc bẻ bánh và chia sẻ rượu luôn luôn được đề cập đến trong Kinh Thánh. Đây không phải là tám bánh như vậy – có thể thật tĩnh lặng – đây là tám bánh được bẻ ra, bẻ ra bằng một cử chỉ mang ý nghĩa tình đoàn kết và chia sẻ.

Có thể chúng ta tự đặt ra ba câu hỏi, mà cả ba đều liên quan đến nhau. Trước hết, ai là người được coi như nhiều ơn ích trong việc chia sẻ của Đức Ki-tô? Sau đó, những điều cấp bách của tình đoàn kết vốn có trong Thánh Thể là gì? Cuối cùng, làm thế nào để tám bánh của Đức Ki-tô được bẻ ra đối với thế giới mới trong thời đại chúng ta?

Trước hết, nếu chúng ta tập trung vào câu hỏi về việc ai là những anh chị em mà vì họ, tám bánh của Đức Ki-tô phải được bẻ ra, thì Kinh Thánh nhanh chóng mở rộng những chân trời của chúng ta. Một trong những đoạn rất thú vị trong Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu nói về cuộc phán xét cuối cùng (25:31-46). Trái ngược với mong đợi chung, Thiên Chúa không xuất hiện như một vị thẩm phán giữ sổ sách đã liệt kê tất cả những tội lỗi của chúng ta chống lại các giới răn. Trên thực tế, các giới răn không hề được đề cập đến. Nói đúng hơn, chúng ta đều biết rằng điểm chủ yếu đối với sự cứu độ dựa trên những nỗ lực tích cực mà chúng ta có được, trong việc đến với

những người khốn khổ: đem lương thực và thức uống cho kẻ đói khát, an ủi kẻ ưu phiền, thăm viếng kẻ yếu đau và bị giam cầm v.v... Lý do là bất cứ khi nào chúng ta đến với những người nghèo khổ, bé mọn nhất trong số những anh em của Đức Ki-tô, thì chúng ta đều tiếp xúc với chính Đức Ki-tô. Không làm gì sai trái vẫn chưa đủ; chúng ta có bổn phận thực hiện điều đúng đắn, hành động vì lẽ công chính, xây dựng một thế giới như của Đức Ki-tô.

Đôi khi, chúng ta cảm thấy mình đạt được những tiến bộ lớn, khi chúng ta nỗ lực để nhận ra Đức Ki-tô trong con người của tất cả những ai đã lãnh phép rửa. Quả thật Người đang ngự trong họ, và từ bao lâu nay, chúng ta lại bỏ qua sự hiện diện này, nhưng Kinh Thánh vẫn bảo chúng ta còn phải đi xa hơn thế nữa. Cả dụ ngôn về cuộc phán xét theo Thánh Mát-thêu lẫn Thánh Lu-ca, khi ngài gọi lại dụ ngôn về người Sa-ma-ri-ta-nô nhân lành (10:29-37), đều đưa chúng ta vượt quá ranh giới chật hẹp trong gia đình tôn giáo của chúng ta. Đức Giê-su xác định tình lân cận như khả năng để bày tỏ tình yêu thương, bằng cách đưa người Sa-ma-ri-ta-nô vào câu chuyện này. Đức Giê-su đảo ngược câu hỏi mà nhà thông luật đã đặt ra với Người, để nhấn mạnh rằng câu hỏi thực sự không phải ai là người lân cận, nhưng chúng ta có thể làm thế nào để trở thành một người lân cận tốt lành đối với những người gặp khó khăn. Tấm bánh của Đức Giê-su cần được bẻ ra và chia sẻ.

Chắc chắn nếu chúng ta suy nghĩ về các dụ ngôn này, theo cách thức kỳ lạ và đáng ngạc nhiên nào đó, thì những gương mặt của người nghèo đều phản ánh gương mặt của Đức Ki-tô chịu đau khổ. Đây chính là yếu tố nhân loại mà Đức Giê-su đã tự do đồng nhất với. Đức Giê-

su tự đảm nhận lấy rất nhiều người nghèo khổ, kẻ tội lỗi, những kẻ đã kêu xin Người trong lúc khó khăn. Như vậy, nơi người nghèo, chúng ta có thể nhận thấy những anh chị em mà Đức Giê-su đã đồng cảm một cách thân thiết nhất.

Trong cuộc thương khó và sự chết của Đức Giê-su, Người đã tự chọn lấy cho mình số phận của người nghèo, của những kẻ bị xa lánh vì tội lỗi. Người sẵn sàng chịu thương tích do những tội lỗi chúng ta phạm, vì chúng ta không có quyền lực để thay đổi tình trạng của mình. Đây là điều mà chúng ta tưởng niệm mỗi khi chúng ta cử hành Thánh Lễ. Và vì thế, nếu chúng ta thực sự tham dự Thánh Lễ, thì chúng ta phải phát triển trong lòng yêu mến, phục vụ và lắng nghe những người gặp khó khăn, và nhận biết rằng khi làm như vậy, chúng ta tự đồng hóa với ý định mầu nhiệm của Đức Ki-tô. Chúng ta kết hợp với Người trong khía cạnh thực tế nhất nơi sự nhập thể và cứu chuộc của Người.

Bất cứ việc gì phục vụ nhân loại, thúc đẩy hạnh phúc của con người và những hoạt động vì lẽ công bình bằng bất cứ cách nào, đều là một phần trong công cuộc của Tin Mừng. Điều này không có ý nói rằng chúng ta có thể tìm thấy trong Kinh Thánh một học thuyết xã hội đặc trưng; tuy nhiên, chúng ta vẫn tìm được trong đó nguyên tắc yêu thương nhau như bản thân chúng ta vẫn được yêu thương, một tình yêu cụ thể đối với tất cả mọi người mà Kinh Thánh gọi là "người lân cận". Giống như của Đức Ki-tô, đức bác ái của chúng ta nên phản ánh lòng thương xót của Thiên Chúa, và nên mang tính cách lý tưởng mặc dù vẫn đủ thực tế, để nhắm đến việc giảm bớt và loại bỏ đủ mọi loại cảnh khổ cực của con người.

Điều này còn bao hàm nhiều hơn, so với những điều mà các Ki-tô hữu nên tự dồn hết tâm trí cho những kẻ khác. Tự thân hoạt động xã hội vẫn không đủ. Nhưng nếu chúng ta hiểu về Thánh Lễ như là mẫu nhiệm về khả năng của Đức Ki-tô trong việc tiếp tục nuôi dưỡng dân Người, nếu chúng ta biết rằng tám bánh của Đức Ki-tô được bẻ ra và chia sẻ cho người nghèo túng và gặp khó khăn, thì điều này sẽ hình thành thái độ của chúng ta, và bổ sung thêm động cơ đức tin vào những nỗ lực của chúng ta. Chúng ta cần có một lý tưởng rõ rệt về loại thế giới mà chúng ta đang phấn đấu để xây dựng, và lý tưởng mà chúng ta đón nhận từ bàn tiệc của Chúa chính là Người đã ban cho chúng ta các anh chị em trên khắp thế giới, những kẻ vẫn thỉnh cầu chúng ta, vì chúng ta chấp nhận rằng tám bánh của Người cần được bẻ ra để chia sẻ. Nếu chúng ta thực sự tin rằng Đức Ki-tô chính là sự sống và niềm hy vọng của cả thế giới, nếu việc chúng ta quy tụ chung quanh bàn thờ thực sự là một lời tuyên bố về những ràng buộc và mối quan hệ mới chỉ khả thi nơi Đức Ki-tô, thì ý thức này nên thấm nhập vào quan niệm cũng như những nỗ lực của chúng ta trong việc xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Khi tham gia vào công việc làm giảm bớt tình trạng khổ cực của thế giới, hoặc trong cuộc đấu tranh tích cực hơn nhằm cải thiện phẩm chất cuộc sống trong các thành phố và tỉnh lỵ, thì chúng ta sẽ trở thành con người của Thánh Thể. Chúng ta không chỉ cử hành Thánh Lễ với mục đích là chúng ta hy vọng dựa vào đó để dẫn dắt những kẻ khác, nhưng chúng ta vẫn làm việc để biến mục đích này thành hiện thực. Hiện thực không chỉ là một thế giới tốt đẹp hơn, mà còn là một tầm nhìn về ý nghĩa đích thực của cuộc sống, ý nghĩa mà chính Đức Giê-su đã đưa ra, khi Người làm phép lạ hóa bánh để nuôi

dưỡng đám đông, đó chính là ý nghĩa mà chúng ta cử hành trong Thánh Lễ.

Một quan điểm như vậy thật cần thiết, vì những khó khăn có liên quan, nếu chúng ta cần phải tránh một kiểu đạo đức ca tụng siêu nhiên. Chúng ta có thể nói về tình yêu, nhưng lại không bao giờ làm bất cứ điều gì để truyền bá tình yêu đó. Cần có sự nỗ lực để nói rằng chúng ta nhìn thấy Đức Ki-tô nơi những kẻ khác, hoặc hòa giải với tất cả mọi người. Điều này vượt quá nụ cười ngọt ngào nói lên rằng "Tôi yêu mến Đức Ki-tô nơi bạn", khi chính người đó đang cần đến tình yêu. Chúng ta phải tránh gây ấn tượng rằng chúng ta quan tâm đến những kẻ khác chỉ "vì chúng ta nhìn thấy Đức Ki-tô nơi họ", như vậy là thực sự bao trùm cả thế giới trong một tình trạng giấu tên.

Ngoài ra, tình đoàn kết và sự hòa giải bao hàm trong các bữa ăn lại không ngụ ý một xã hội hoặc cộng đồng mà trong đó, tất cả những khác biệt đều bị xóa bỏ, luôn luôn có sự thống nhất hoàn toàn lành mạnh, hoặc những tiếng nói hoặc ý kiến bất đồng không còn tồn tại nữa. Sự hiệp thông mà Đức Ki-tô dự định không hề bao hàm những khác biệt và xung đột, sự hiệp thông *vượt quá* những điều này. Sự hòa giải không phải là vẻ bề ngoài. Chúng ta nhận ra rằng chúng ta đã tìm được nơi Đức Giê-su một nguồn gốc sâu xa của sự hiệp nhất, một đời sống có mục đích mà chúng ta có thể tự cam kết, và một mục tiêu chung có thể liên kết tất cả chúng ta: tình huynh đệ toàn cầu.

Cũng không cần phải triển khai một lối sống theo "mẫu thức chung tối thiểu". Vì lối tôn trọng sai lầm đối với đặc quyền và sự tự do của những kẻ khác, chúng ta có thể kết thúc bằng cách không làm gì cả. Một cộng đồng

thực sự trưởng thành sẽ hoạt động tốt hơn cho sự nhất trí, nhưng một sự nhất trí dựa trên cuộc sống trong Đức Ki-tô, khi chúng ta nhớ lại thái độ sẵn sàng của Người trong việc nuôi dưỡng kẻ đói khát, một sự nuôi dưỡng hoàn toàn dựa trên nhu cầu, không phải vì người đó hấp dẫn hoặc lôi cuốn về mặt khác hay không. Nhưng nếu tất cả mọi người chia sẻ bàn tiệc của Chúa đều thực sự xúc tiến hành động của Đức Giê-su, và cố gắng diễn tả điều này đối với nhau, thì chẳng bao lâu sau, thế giới sẽ trở thành một cộng đoàn của hòa giải, an bình và lòng thương xót. Toàn bộ điều cần có là khả năng ngừng lại và tập trung chú ý vào nguồn gốc tấm bánh của chúng ta, của cuộc đời chúng ta.

Những suy nghĩ này hoàn toàn theo sau một quan điểm đã được phác họa cho chúng ta trong các tường thuật về phép lạ nuôi dưỡng đám đông. Một truyền thống rõ rệt trong hầu hết các tường thuật nhấn mạnh vào việc các môn đệ tham gia vào hành động của Đức Giê-su. Trước hết, các ông thông báo cho Đức Giê-su về tình trạng đói khát của dân chúng, và nói rằng nên cho dân chúng thứ gì đó để ăn. Ở điểm này, toàn bộ điều mà các ông có thể làm là quả quyết rằng các ông không có đủ. Các môn đệ không ý thức được trách nhiệm và khả năng của mình.

Nhưng khi Đức Giê-su ban phép lành trên một số ít thức ăn sẵn có, thì một lần nữa, Người đã lôi cuốn các môn đệ bằng cách đưa cho các ông thức ăn để phân chia. Các ông cũng có trách nhiệm thu thập những mảnh thừa còn lại. Tấm bánh của Đức Giê-su được bẻ ra, nhưng nó sẽ chỉ được chia sẻ, nếu có đủ các môn đệ để phân chia những phúc lợi từ lòng quảng đại của Đức Ki-tô.

Giáo hội sơ khai vô cùng ý thức rằng giáo hội không thể cứ mãi nhìn lại công việc quá khứ của Đức Giê-su, giáo hội còn phải gánh vác trách nhiệm mà Người đã để lại cho giáo hội. Để việc tưởng niệm Đức Giê-su thực sự có ý nghĩa và hiệu quả, các môn đệ biết rằng các ông còn phải liên tục diễn tả về thái độ, lời nói và hành động của Người. Bằng cách này, có thể đưa ra một hành động mãi mãi mới mẻ, có ý nghĩa lịch sử, trong các việc cử hành phụng vụ phản ánh cách thực hành đang diễn ra của cộng đồng.

Tất cả chúng ta đều cần có ý thức của các tín hữu sơ khai, rằng Đức Ki-tô sống lại vẫn tiếp tục làm việc thông qua chúng ta. Qua bao thế hệ, các môn đệ được giao phó việc đánh giá những nhu cầu và nguồn lực của người đói khát, cũng như việc phân phối lương thực mà Đức Giê-su vẫn tiếp tục thực hiện. Mỗi khi chúng ta cử hành Thánh Lễ, chúng ta được yêu cầu có thái độ hiến thân của Đức Giê-su. Tất cả chúng ta đều được thách đố để biến những lời của Đức Ki-tô thành của chúng ta, và từ bỏ chính mình giống như Người. Chúng ta được kêu gọi để công bố rằng cuộc tìm kiếm tình huynh đệ có nền tảng của nó nơi chính cuộc sống của Đức Giê-su, nơi sự hiến thân của Người.

Các Ki-tô hữu có nhu cầu cử hành không chỉ mầu nhiệm trong quá khứ của Đức Giê-su, hoặc tưởng niệm Chúa sống lại, mà còn cử hành chính sự hiện diện hàng ngày của Đức Ki-tô trong đời sống giáo hội. Vì Thánh Lễ không chỉ là một nguồn ân sủng tạo khả năng cho chúng ta sống đời sống Ki-tô hữu của mình. Chúng ta được kèm theo và bao hàm trong điều chúng ta cử hành. Để chia sẻ tấm bánh được bẻ ra, khi cam kết của chúng ta đối với

việc truyền giáo càng đích thực bao nhiêu, thì sự hiện diện của Đức Ki-tô sẽ càng được nhìn nhận hơn bấy nhiêu.

Sự kiện tại Juarez mà chúng tôi bắt đầu chương này là có thật. Đó là sự kiện của ngày nay. Điều này làm sáng tỏ sự thật rằng những hành động đáng ngạc nhiên của Thiên Chúa nhất thiết không phải là những sự việc trong quá khứ. Điều này cũng minh họa rằng chỉ khi các Ki-tô hữu đủ sống động đối với trách nhiệm của họ, thì sức mạnh từ ân sủng của Đức Ki-tô sẽ vượt khỏi ranh giới của giáo hội, để can thiệp vào cuộc sống mọi người. Điều này đòi hỏi đức tin và lòng can đảm. Nhưng nếu các việc cử hành của chúng ta đều đích thực, thì chúng ta sẽ nhận biết rằng Đức Ki-tô đã bẻ bánh và chia sẻ với chúng ta, và Người chỉ chờ đợi chúng ta làm tương tự như vậy.

VIII

NHỮNG ĐÒI HỎI CỦA PHÉP THÁNH THỂ

Một trong những khuynh hướng trong giáo hội ngày nay là con số những người Công Giáo hiếm khi tham dự Thánh Lễ Chúa nhật đang gia tăng. Một số quốc gia còn bị mang tiếng là có tỉ lệ những người đã lãnh phép rửa hiếm khi biểu lộ đức tin. Ngay cả tại Mỹ, bất kể rất nhiều thay đổi từ Công đồng Vatican II, dường như vẫn không có cảnh đổ xô đến đầy các nhà thờ. Trong khi đó, Công Đồng vẫn mạnh dạn công bố rằng Thánh Lễ chính là nguồn gốc và đỉnh cao của đời sống Ki-tô hữu. Làm thế nào mà có một sự khác biệt đến thế giữa lý thuyết và thực hành?

Nếu chúng ta hỏi về sự hiểu biết chung mà hầu hết các Ki-tô hữu đều có về Thánh Lễ, thì chúng ta sẽ nhận thấy cách sống đạo của hầu hết những người Công Giáo có thể phù hợp với một trong các nhóm sau đây:

Một số lớn người Công Giáo đi lễ ngày Chúa nhật vì ý thức bắt buộc. Họ đến nhà thờ vì luật của giáo hội nói rằng họ phải ở đó, và vì họ không muốn đùa bỡn với tội trọng. Trong nhóm này, nhiều người còn ngồi ở phía sau, hiếm khi tích cực tham dự Thánh Lễ, và bỏ về ngay khi có thể được. Họ không thực sự dồn hết tâm trí vào Thánh Lễ, và trong khi nói chung, họ vẫn ủng hộ những thay đổi về phụng vụ, thì cuộc sống riêng của họ thực sự không chịu ảnh hưởng. Bởi vì trong việc đến nhà thờ, động cơ chính của họ lại ở bên ngoài, nếu luật buộc ngày Chúa nhật thay đổi, thì hiếm khi chúng ta nhìn thấy những người này đến nhà thờ nữa.

Một nhóm khác thường xuyên tham dự Thánh Lễ các ngày Chúa nhật, vì thông lệ này được củng cố do những chuẩn mực đã được chấp nhận của gia đình hoặc xã hội. Đây vẫn còn là trường hợp của nhiều cộng đoàn nhỏ hơn, đặc biệt nếu trong đó có dân cư thuộc loại người nhiệt tình. Không có quá nhiều điều được những người này chấp nhận làm trong ngày Chúa nhật, vì chắc hẳn hầu hết họ đều chấp nhận truyền thống. Nhưng ngay cả những người có thể thắc mắc về giá trị của việc tham dự Thánh Lễ và thường xuyên liên kết với giáo hội vẫn bị kiềm chế bởi những mong đợi của các nhóm và gia đình. Bởi vì đặc biệt chính các tập tục của nhóm hình thành nên nền tảng của việc tham dự, không phải lúc nào chúng ta cũng nhận thấy nhóm này tích cực tham dự. Những người đó đến trễ và về sớm, nhưng nói chung, họ vẫn thỏa

mãn với phụng vụ truyền thống vốn không thay đổi hết tuần này sang tuần khác, và cho phép họ trở về nhà sau đó, để lại tiếp tục cuộc sống bình thường của họ.

Một nhóm đáng kể khác không hề nghĩ đến việc bỏ lễ Chúa nhật, vì đối với họ, Thánh Lễ chính là đỉnh cao trong đời sống tôn giáo và đạo đức của họ. Họ tin rằng Đức Giê-su thực sự hiện diện trong Thánh Thể, dưới hình thức bánh và rượu, nên tất cả những lời cầu nguyện của họ đều hội tụ ở đây, nơi Đức Giê-su gần gũi nhất đối với họ. Những người này tham dự Thánh Lễ sốt sắng hơn so với hai nhóm trước, mặc dù nhiều người vẫn bận rộn với những lời cầu nguyện và việc đạo đức riêng, trong khi Thánh Lễ đang diễn ra. Đối với họ, Thánh Lễ là thời gian thánh thiêng, và Thánh Lễ củng cố sự gắn bó của họ với Đức Giê-su đang ở đó. Tuy nhiên, những người tham dự đều thậm chí dồn hết tâm trí vào Thánh Lễ hơn, họ có một ý thức trách nhiệm mạnh mẽ, và nói chung, họ là những người Công Giáo nghiêm túc.

Tuy nhiên, nhóm cuối cùng là những người tham dự tốt lành và tích cực, họ coi Thánh Lễ như là ân huệ vĩ đại nhất của Thiên Chúa đối với chúng ta. Phát xuất từ tình yêu của Đức Ki-tô khi Người dâng hiến cuộc đời Người cho chúng ta, đây là một giao ước đối với ân huệ và sự phục vụ của Người. Đây là bí tích vĩ đại nhất và là nguồn ân huệ chủ yếu trong giáo hội cũng như trong cuộc sống cá nhân mỗi người. Việc tham dự Thánh Lễ, thông thường bao gồm cả Thánh Lễ hàng ngày, là đặc điểm của nhiều người trong nhóm này, những người phấn khởi tự liên kết nguồn gốc mâu nhiệm này với đời sống và tình yêu mà chính Thiên Chúa đã cung cấp. Đây là một sinh hoạt đặt họ trong mối quan hệ với Thiên Chúa siêu việt,

và sinh hoạt này làm thỏa mãn niềm khao khát kết hiệp của linh hồn.

Rõ ràng cách phân loại này ít nói lên hoặc không nói gì về những kẻ hiếm khi đến nhà thờ. Lối đùa cợt chế giễu vẫn thường nói về những người Công Giáo chỉ "có mục sinh tử trên hôn thú". Nhưng cho dù những người này có xuất hiện trong các ngày lễ lớn hoặc nhân dịp các lễ cưới hoặc đám tang, thì Thánh Lễ vẫn rất không phù hợp với cuộc sống của họ. Nhiều người trong số đó vẫn đấu tranh cho đến chết để khẳng định về đặc tính Công Giáo của họ. Tuy nhiên, sự thật là việc tham dự các bí tích hầu như vẫn không hề có ý nghĩa đối với họ, và hoàn toàn tách biệt khỏi cuộc sống hàng ngày của họ.

Ở đây, vấn đề thực sự không phải là có quá nhiều khả năng để phân loại bản thân chúng ta hoặc những kẻ khác, nhưng nói đúng hơn, đó là tại sao chúng ta lâm vào tình trạng này? Thật quá đơn giản khi đổ lỗi cho những thay đổi về phụng vụ đã diễn ra. Các cuộc thăm dò ý kiến cho thấy đa số người Công Giáo khá hài lòng với những thay đổi. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng việc thay đổi vị trí bàn thờ và sử dụng tiếng địa phương đã loại bỏ ý thức nào đó về mầu nhiệm, và đặt Thánh Lễ vào trạng thái hiện nay, trong toàn bộ vinh quang cũng như những điểm yếu của Thánh Lễ. Vấn đề không phải là đánh giá sự đổ lỗi, nhưng nói đúng hơn, đó là cố gắng xác định xem thái độ của chúng ta đối với Thánh Lễ có giúp củng cố tình trạng hiện nay hay không. Chắc hẳn nếu cần thay đổi, thì sự thay đổi sẽ phải đến từ phía chúng ta; sự thay đổi sẽ phát xuất từ tận gốc và từ khả năng phải thay đổi thế giới của các nhóm nhỏ những Ki-tô hữu đã cam kết.

Nếu chúng ta nhìn vào những thái độ đã được đề cập cho đến đây trong chương này, thì tất cả đều có cùng một điểm chung: Họ đều *thụ động*. Nơi mỗi người trong số đó, Thánh Lễ là điều gì đó vẫn xảy ra cho chúng ta. Thánh Lễ là một sinh hoạt phụng vụ mà chúng ta tham dự, hoặc thậm chí tốt hơn, chúng ta tham gia vào đó, hoặc đây là một nguồn gốc của ân sủng, cảm hứng và kết hiệp với Đức Ki-tô. Nhưng hiếm khi Thánh Lễ trở thành sinh hoạt *của chúng ta*. Thánh Lễ là một nghi thức thánh thiêng mà chúng ta đi theo Đức Giê-su, nhưng hình thức, nội dung và cách diễn tả của Thánh Lễ lại ít được đưa vào cộng đoàn. Cho dù tại Mỹ hoặc Châu Phi, Châu Âu hoặc Châu Mỹ La-tinh, Thánh Lễ vẫn như nhau. Cho dù trong thời chiến hoặc nạn đói, thời bình hoặc thịnh vượng, thì bản chất của Thánh Lễ vẫn không thay đổi suốt bao thế kỷ. Chúng ta có bốn phận đưa vào một nghi thức có giá trị đối với mọi thời; và nói chung, hầu hết chúng ta đều cảm thấy điều này là bình thường, và chính Đức Giê-su đã làm cho các việc trở nên có ý nghĩa.

Đây không phải là cách thức Đức Ki-tô dự định, cũng không phải là cách thức giáo hội tiên khởi nhìn nhận về Thánh Lễ. Nói đúng hơn, điều này liên quan mật thiết đến sự hiểu biết của các Ki-tô hữu tiên khởi về phép Thanh tẩy – như đã phác họa trong chương 1 – và là một cách cử hành *tích cực* đối với trách nhiệm trưởng thành của họ, để kết hợp cuộc sống của họ với cuộc sống của Đức Ki-tô, vì sự cứu độ thế giới. Chúng ta hãy xem lại một số tài liệu trong Tân Ước về Thánh Lễ, tuy nhiên, trong khi nỗ lực, chúng ta phải chủ động thay vì thụ động theo quan điểm của mình.

Một lần nữa, bạn hãy nhớ lại câu trả lời của Đức Giê-su khi hai môn đệ Gia-cô-bê và Gio-an hỏi xin những chỗ vinh dự trong vương quốc của Người. Quả thật Đức Giê-su là một bậc thầy tài ba, Người không thẳng thắn từ chối hai ông, hoặc thậm chí nói rằng hai ông sai lầm ra sao. Đúng hơn, Người tận dụng cơ hội này chỉ để dạy cho hai ông về điều trước hết bao hàm trong nước trời: "Các anh có uống nổi chén Thầy sắp uống, hay chịu được phép rửa Thầy sắp chịu không?" (Mc 10:38). Đức Giê-su liên kết chén mà chính Người sẽ uống với phép rửa và cái chết hy sinh của Người. Đây là chén mà những thứ chứa đựng trong đó được cụ thể hóa hơn nữa trong Bữa tiệc Ly như máu của Người: "Đây là máu Thầy, máu Giao ước, đổ ra vì muôn người" (Mc 14:24), và tất cả các môn đệ đều chia sẻ trong đó.

Đây là cũng là chén mà Đức Giê-su đã bị cám dỗ để tránh né trong vườn Ghết-sê-ma-ni, khi Người cầu xin cho khỏi phải uống chén này, nếu có thể được (Mc 14:36), nhưng cuối cùng, Người đã uống cạn trên thập giá. Thân thể của Người đã được bẻ ra cho chúng ta theo cùng cách thức này. Phụng vụ giải thích và chú giải rất hay về ý nghĩa cái chết cứu chuộc của Đức Giê-su: "Cũng đang bữa ăn, Đức Giê-su cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao cho các ông và nói: 'Anh em hãy cầm lấy, đây là Mình thầy... Đây là máu thầy, máu Giao ước, đổ ra vì muôn người'" (Mc 14:22-24). Thánh Thể mà chúng ta chia sẻ đích thực là sự chia sẻ trong cái chết của Đức Ki-tô.

Nhưng có phải sự chia sẻ này chỉ mang ý nghĩa là điều gì đó mà chúng ta nhận được, được trao cho chúng ta, hoặc phải chăng đây là điều mà chúng ta cũng trao

tặng? Phải chăng đây chỉ là điều gì đó mà chúng ta được nhiều ơn ích, hoặc phải chăng đây là điều mà chúng ta tham gia vào việc dâng hiến? Chắc hẳn chúng ta luôn luôn nghĩ về sự chia sẻ như là điều gì đó chúng ta nhận được. Cách thức Rước lễ cũng có điều này: Chúng ta đưa bàn tay hoặc thè lưỡi ra, Thánh Thể được trao cho chúng ta với những lời: “Mình (và Máu) Thánh Chúa Ki-tô”. Ngay cả vị linh mục cũng đặc biệt tập trung vào Mình Thánh mà ngài đang đón rước trong lời cầu nguyện mà phụng vụ đặt trên môi ngài: “Xin cho Mình và Máu Thánh Chúa Ki-tô mang lại cho con sự sống đời đời”. Đây không phải là quan điểm của Thánh Mác-cô, ngài hiểu về việc chia sẻ như là sự tích cực kết hiệp với Đức Ki-tô. Đây là điều đòi hỏi nơi tất cả những người chia sẻ sự sống và sứ mạng của Đức Ki-tô trong phép rửa; đây cũng là điều mà chúng ta luôn luôn bị cám dỗ để tránh né.

Trong vườn Ghết-sê-ma-ni, khi người môn đệ trẻ đang cố gắng đi theo Đức Giê-su bị đe dọa, với cảnh tù đầy, tra tấn và cái chết, giống như Đức Ki-tô, thì anh ta liền từ bỏ những lý tưởng cao đẹp của mình, rồi chạy trốn trần trường, như các môn đệ khác đã làm như vậy (Mc 10:50-52). Khi ông Simon Cyrênê, cha của hai người con là Ki-tô hữu tiên khởi, được tạo cơ hội để vác đỡ thập giá của Đức Ki-tô, thì ông bị buộc phải làm như vậy. Các cơ hội mà những người này bỏ lỡ đều là cơ hội dành cho chúng ta, mỗi khi chúng ta lại cử hành cuộc hy tế của Đức Ki-tô. Khi nhìn nhận theo cách này, thì chúng ta có thể nhìn Thánh Lễ từ quan điểm *cho đi* hơn là đón nhận. Thách đố của chúng ta là chấp nhận thập giá đó một cách tự do, sẵn sàng uống chén đó, và biến những lời nói và hành động của Đức Giê-su thành của chúng ta. Chúng ta hạnh phúc được trở nên và sống với tư cách Ki-tô hữu!

Có lẽ một trong những nguyên nhân chính tại sao rất nhiều Ki-tô hữu trở nên khô khan nguội lạnh đối với Thánh Lễ là chúng ta đã thành công trong việc tách biệt hành động của Đức Giê-su khỏi những hành động của chúng ta. Thay vì mỗi lần cử hành Thánh Lễ đều là cách thức để diễn tả và cử hành cam kết của cộng đoàn, trong việc sống vì những kẻ khác và vì sự sống của thế giới, thì Thánh Lễ lại hoàn toàn trở thành một dịp để nhớ lại cuộc đời riêng của Đức Ki-tô, tách biệt khỏi bất cứ tác động nào đang diễn ra từ thân thể của Người, giáo hội. Nếu lời công bố lớn tiếng: “Đây là chén máu Thầy, sẽ đổ ra vì anh em” ám chỉ duy nhất Đức Ki-tô, thì Thánh Lễ lại chủ yếu trở thành một cách rèn luyện về ký ức lịch sử.

Tuy nhiên, khi những lời đó được biến thành của chúng ta, khi chúng phản ánh một cuộc sống phục vụ và hiến thân, chỉ do Đức Giê-su truyền cảm hứng và làm cho khả thi, thì Thánh Lễ lại trở nên cực kỳ có ý nghĩa mỗi khi được cử hành, vì đây là sự tiếp tục hữu hình công cuộc cứu độ của Đức Ki-tô. Thay vì Thánh Lễ dường như là việc cử hành theo nghi thức của một nhóm, không hề có sự điệp đích thực hoặc sự cam kết nào đối với thế giới mà trong đó chúng ta sống, thì Thánh Lễ trở thành một lời công bố dũng cảm về mối quan tâm của cũng cộng đoàn này đối với những kẻ khác. Việc chúng ta tưởng niệm cuộc hy tế của Đức Ki-tô là điều gì đó mà chúng ta tiến hành một cách cá nhân; chúng ta đã biến những lời nói và hành động của Đức Giê-su thành của chúng ta.

Người Công Giáo bị cám dỗ giáng cấp những dấu hiệu về sự hiện diện Thánh Thể của Đức Giê-su thành bánh và rượu. Từ lâu, chúng ta vẫn được dạy dỗ rằng những yếu tố này đều biến đổi và trở thành mình và máu

thực sự của Chúa. Vì thế, chúng ta mới có các nhà tạm để chúng ta quỳ trước đó cầu nguyện và dâng lên Chúa lòng tôn kính. Tuy nhiên, đối với giáo hội tiên khởi, họ vẫn tưởng niệm đặc biệt *hành động* hy sinh của Đức Ki-tô. (Chính Đức Giê-su đã nói: "Hãy làm việc này để nhớ đến Thầy". Chúng ta không được thách đố để đơn giản lập lại những lời nói của Người, hoặc xúc tiến một hành động theo nghi thức; chúng ta được yêu cầu để làm như Người đã làm, để dâng hiến cuộc đời của chúng ta sao cho những kẻ khác có thể được sống).

Những dấu hiệu của Thánh Thể còn trội vượt hơn bánh và rượu. Đó là tấm bánh được bẻ ra và chia sẻ, rượu được đổ ra trong sự hòa giải; toàn bộ sự kiện-ban tặng mang ý nghĩa là ân huệ Thánh Thể của Đức Ki-tô. Nếu Đức Giê-su là Đấng duy nhất thực hiện hành động ban tặng, nếu phần còn lại của cộng đoàn bị bao trùm trong sự cô lập ích kỷ, với bàn tay đưa ra chỉ để đón nhận thay vì trao tặng, thì chúng ta đang tước đoạt khỏi Thánh Lễ toàn bộ ý nghĩa đích thực; chúng ta đang giáng cấp Thánh Lễ thành một nghi thức nghèo nàn.

Chắc hẳn cách tập trung vào Đức Giê-su đang ngự trong bánh và rượu thì dễ dàng hơn nhiều. Bởi vì cách này cho phép chúng ta trở nên thụ động; chúng ta có thể chủ yếu tập trung vào những điều Đức Giê-su đang làm cho chúng ta. Với tư cách là những người nhận, chúng ta không cần phải đặc biệt bận tâm đến những kẻ khác. Hoạt động Thánh Lễ hoàn toàn thuộc về phía của Đức Ki-tô đối với chúng ta. Tuy nhiên, nếu toàn bộ sự kiện-ban tặng thật quan trọng, nếu đây là toàn bộ con người Đức Ki-tô, đầu và tứ chi, là phần tử của hoạt động, vậy thì chính con người chúng ta trở thành phần tử của dấu hiệu mang tính

bí tích. Theo kinh nghiệm, đây là dấu hiệu sống động và đích thực hơn nhiều về sự hiện diện của Đức Ki-tô trong thế giới chúng ta, so với những điều vẫn diễn ra đối với Thánh Lễ ở hầu hết các nhà thờ của chúng ta.

Phương pháp này, chắc hẳn vốn là phương pháp của các Ki-tô hữu tiên khởi, hướng tất cả những người tham dự khỏi bận tâm đến cuộc sống của họ, để hướng tới việc trao tặng cuộc đời cho những kẻ khác. Do đó, Thánh Lễ càng củng cố và tái khẳng định cam kết cơ bản của phép rửa là sống và chết vì những kẻ khác. Khi được đánh giá đúng theo cách này, thì Thánh Lễ ngăn cản chúng ta khỏi trở nên thỏa mãn, và nhắm mắt lại trước những hoàn cảnh chung quanh chúng ta, vốn ngăn cản người ta khỏi sống thực sự. Không có cách nào để chúng ta có thể cử hành Thánh Lễ một cách lập đi lập lại, đôi mới cam kết của chúng ta để sống và chết vì những kẻ khác, mà lại không vươn tới những người nghèo khổ và bị áp bức, như chính Đức Giê-su đã làm. Mỗi bận tâm đến lẽ công bằng, và sự nhìn nhận rằng Thánh Thể thực sự chính là tấm bánh được bẻ ra cho một thế giới mới của tình huynh đệ và hòa bình, nằm trong đôi tay của chúng ta. Nếu chúng ta không quan tâm đến những kẻ khác theo cách này, thì các việc cử hành Thánh Lễ của chúng ta còn ít ỏi hơn cả những lời trống rỗng ngoài miệng, mà ý nghĩa của chúng bị quên lãng từ lâu. Tội tệ hơn, việc cử hành của chúng ta chính là một sự dối trá.

Nếu chúng ta tiếc nuối và tự hỏi tại sao ngày nay người Công Giáo ít quan tâm đến việc cử hành Thánh Lễ, thì nguyên nhân chỉ có thể là họ chưa sẵn sàng với mức độ cam kết đó, mặc dù họ vẫn ý thức về tất cả những hàm ý của sự chia sẻ trong việc tưởng niệm Đức Ki-tô. Có

nhiều khả năng hơn là họ cảm thấy mình không được thách đố bởi một ý thức cam kết tích cực về phía những người cử hành Thánh Lễ. Nếu các nhà thờ đều đầy áp những người chỉ đến đó để đón nhận cho bản thân họ, thì dường như có thể giống như một cách rèn luyện tập thể về thói ích kỷ, ít có gì lôi cuốn. Mặt khác, nếu Thánh Lễ là cách diễn tả rõ rệt về ân huệ-hiến thân đang diễn ra của Đức Ki-tô, nếu Thánh Lễ cử hành việc chúng ta sẵn sàng dành cuộc sống của mình cho những kẻ khác, thì Thánh Lễ sẽ trở thành một thực tại sống động, rộn ràng một tinh thần quan tâm đến những kẻ khác, giống như Ki-tô. Điều này sẽ lôi cuốn những kẻ khác; cuộc sống vẫn luôn luôn như vậy.

Mặc dù người ta dễ dàng (và ở một số nơi còn dễ dàng hơn các nơi khác) để nói rằng trừ khi các cấu trúc của nhà thờ và giáo xứ thay đổi, việc tích cực cử hành Thánh Lễ, vốn là đặc điểm của giáo hội tiên khởi, là không thể tiến hành được đối với ngày nay, thì đây là cách biện minh để khỏi nhận trách nhiệm. Có ba giai đoạn mà trong đó, sự thay đổi có thể xảy đến:

Giai đoạn thứ nhất đòi hỏi thái độ của chúng ta đối với việc cử hành Thánh Lễ phải thay đổi từ thụ động sang chủ động. Điều này sẽ bắt buộc chúng ta phải tiêu diệt tận gốc bất cứ điều gì ngăn cản sự công bằng xã hội khỏi cuộc sống của mình. Chúng ta không còn có thể cứ thu mình vào, mà không hề hành động gì đối với các cơ cấu bất công hoặc xã hội, vẫn duy trì tình trạng nghèo nàn và áp bức. Chúng ta sẽ dồn hết tâm trí vào đó.

Điều này tự nhiên sẽ khiến chúng ta liên kết với những kẻ khác, không chỉ dưới hình thức tông đồ xã hội nào đó, mà còn trong việc cử hành Thánh Lễ và cầu

nguyện. Thánh Lễ sẽ cung cấp cả sự tập trung lẫn một mức độ cam kết và phát triển liên tục, ngoài ra, Thánh Lễ còn thách đố chúng ta phải hành động và quan tâm cụ thể. Việc nhận biết những kẻ khác có cùng lòng trí làm cho chúng ta càng dễ dàng nỗ lực hơn và ngăn cản tình trạng nản lòng.

Cuối cùng, nếu chúng ta hoàn toàn quan tâm đến giáo xứ rộng lớn hơn, thì chúng ta phải hoạt động để kết hợp tầm nhìn này vào toàn thể. Nếu Thánh Lễ vẫn được coi như cách cử hành một sự liên tục tích cực quan tâm đến những kẻ khác, thì chúng ta sẽ không phải lo lắng trước những thay đổi bên ngoài, vẫn thường liên kết với sự đổi mới về phụng vụ. Sự thay đổi bên trong sẽ rất lớn lao và rõ rệt, đến nỗi tất cả mọi thứ khác đều sẽ đi theo.

IX

CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN: TÀ THUYẾT HIỆN ĐẠI

Tà thuyết thường liên quan đến các học thuyết hoặc những cách thực hành trái ngược với chân lý của đức tin Công Giáo. Khi chọn lựa chủ nghĩa cá nhân đối với vinh dự đáng nghi ngờ đó, chúng tôi không có ý muốn hàm ý rằng đây là một hiện tượng mới, đe dọa phá vỡ sự an bình của tình hình tôn giáo hiện nay. Tuy nhiên, từ thời Công đồng Vatican II, chúng ta trở nên ý thức về những đường hướng mới và cách tiếp cận Thiên Chúa, và nhiều khuynh hướng cũ hơn tỏ ra kém cỏi. Một trong số đó – chủ nghĩa cá nhân – đánh động vào cốt lõi sự hiểu biết hiện hành về giáo hội và Thánh Lễ. Tuy nhiên, vì chủ nghĩa này nằm gọn vững chắc trong cách thực hành quá khứ của chúng ta, nên chúng ta đang được yêu cầu tự nhìn vào chính mình một cách rõ ràng, để xem chúng ta được mời gọi để thay đổi cách sống đạo của mình tới mức độ nào.

Vấn đề này pha trộn, vì ở đây không có vấn đề “những điều xấu ngược lại với những điều tốt”; con người ở cả hai bên đều thường rất chân thành. Đây là tinh thể tiến thoái lưỡng nan cổ xưa về lối sống thiêng liêng. Vấn đề cơ bản là: Sống một cuộc đời giống như Đức Ki-tô nghĩa là gì? “Thánh thiện” nghĩa là gì? Một mặt, người ta nhận thấy câu trả lời liên quan đến tính cách tôn giáo tinh tuyền bao gồm: cầu nguyện, nguyện gẫm, suy niệm Kinh Thánh và kết hiệp cá nhân với Đức Ki-tô, đặc biệt trong Thánh Thể. Nói tóm lại, sự thánh thiện liên quan đến một lý tưởng tôn giáo, tìm cách vượt trên những mối bận tâm thế tục và những rắc rối của trần thế về lãnh vực đó, hầu linh hồn có thể ở một mình để kết hiệp với Thiên Chúa. Mặt khác, người ta lại nhận thấy giải pháp đúng đắn đòi hỏi rằng đức tin nơi Đức Giê-su nghĩa là một cuộc đời hoàn toàn cam kết sống thời gian ngay trước mắt, tại nơi này, và trong thế giới này. Điều này có nghĩa là dồn hết tâm trí vào đó.

Rõ ràng đây là những bức tranh biếm họa; nhưng các khuynh hướng đều tự bộc lộ, chẳng hạn, trong những điều người ta mong đợi về sứ vụ linh mục. Một số người nói: “Các linh mục nên trao Thiên Chúa cho chúng tôi, và không gì hơn nữa. Các ngài nên tự giới hạn vào sứ vụ thiêng liêng của mình, và không nên đưa các vấn đề chính trị, xã hội hoặc kinh tế lên tòa giảng”. Cho dù chúng ta có đồng ý với câu nói này hay không, thì theo bản năng, chúng ta vẫn cảm thấy một chỉ dẫn tốt là vai trò thích đáng của linh mục và vị trí mà Thánh Lễ có trong cuộc sống chúng ta.

Có thể chúng ta sai lầm.

Chúng ta vẫn còn ở trong một thời kỳ thay đổi sau Công đồng Vatican II. Sự thay đổi này không chỉ liên quan đến cách sống đạo, mà còn liên quan đến lý thuyết nữa. Trong thời gian Công Đồng, giáo hội có thể bình tĩnh tự nhìn lại mình, và cố gắng phân biệt Chúa Thánh Thần đang dẫn dắt đi đâu. Tuy nhiên, những thay đổi về phụng vụ đã xảy ra một thời gian ngắn sau Công Đồng, kết quả là những thay đổi này đều nhấn mạnh đến thần học mục vụ và tín lý, bất kể tầm quan trọng có ảnh hưởng sâu rộng của chúng (tới mức mà hầu hết mọi người đều quan tâm). Chi sự kiện trở lại với phụng vụ bằng tiếng địa phương đã đảo ngược hơn 1600 năm thống trị của tiếng La-tinh. Thật kỳ lạ, khi tiếng La-tinh thay thế tiếng Hy Lạp trong Giáo hội Tây phương vào cuối thế kỷ IV, thì các ngôn ngữ Châu Âu khác nhau bắt đầu phát triển. Nói chung, các tín hữu đều càng ngày càng cảm thấy nặng nề với ngôn ngữ, các nghi thức và biểu tượng khó hiểu. Khả năng hiểu biết của họ trong việc tham dự phụng vụ và đời sống của giáo hội càng ngày càng giảm bớt. Tất cả chúng ta đều là những người thừa kế cách sống đạo và lòng sùng kính không được làm sáng tỏ suốt một thời gian dài. Sẽ phải mất nhiều năm để thay đổi những điều cần thay đổi.

Tất nhiên, phán đoán này dường như gay gắt. Trong việc sống đạo, điều này có nghĩa là tất cả chúng ta nên kiểm tra những giả định và cách sống đạo của chúng ta, để xem chúng ở mức độ nào so với nền thần học đúng đắn. Chúng ta không cần phải đào sâu lịch sử lâu dài phía sau lòng đạo đức hiện tại đối với Thánh Lễ; tuy nhiên, chúng ta nên ý thức xem có những khác biệt giữa truyền thống vững vàng, giáo huấn hiện nay của giáo hội, cách sống đạo và thái độ của chúng ta hay không. Chắc hẳn trong các thế kỷ đầu, Thánh Lễ là cách diễn tả tôn

giáo tập thể của toàn bộ cộng đoàn Ki-tô hữu. Ở nơi nào đó – những cơ cấu của phương pháp không còn quan trọng – Thánh Lễ đã suy thoái, từ cách diễn tả chung thật long trọng và đích thực về quyền hành của Chúa trên giáo hội của Người, trở thành cách sùng kính riêng tư. Tình trạng này lần lượt củng cố lòng đạo đức cá nhân, vốn xung đột với nền thần học của Công đồng Vatican II.

Đức Giáo Hoàng Gio-an Phao-lô II cũng đã nhấn mạnh tình trạng này trong một lá thư ngài viết về Thánh Lễ Thứ Năm Tuần Thánh (1980). Sau khi tuyên bố rằng giáo hội được tồn tại thông qua sự hiệp nhất của mọi người, qua kinh nghiệm về tình huynh đệ, mà từ đó có bữa tiệc Thánh Thể, ngài tiếp tục tuyên bố rằng Thánh Lễ sẽ chỉ là “nguồn gốc và đỉnh cao” của đời sống Ki-tô hữu, nếu Thánh Lễ được nhận thức một cách đúng đắn. “Giáo hội được tồn tại khi chúng ta cử hành sự hy sinh trên thánh giá của Đức Ki-tô trong tình hiệp nhất và liên kết huynh đệ, khi chúng ta công bố về ‘sự chết của Chúa cho đến khi Người đến’, và sau này, khi chúng ta tiến đến gần bàn tiệc Chúa, với tư cách của một cộng đoàn, cùng thấm nhập sâu xa mâu nhiệm ơn Cứu độ của chúng ta, để được nuôi dưỡng tại đó nhờ những kết quả của sự hy sinh thánh thiện làm Chúa nguôi giận, theo cách thức mang tính bí tích. Do đó, khi rước lễ, chúng ta đón rước Đức Ki-tô, chính Người; và sự kết hiệp của chúng ta với Người, vốn là một quà tặng và ân huệ đối với từng cá nhân, mang lại điều đó, nên trong Người, chúng ta cũng liên kết trong sự hiệp nhất của thân thể Người là giáo hội” (#4).

Trong suốt cuốn sách này, chúng tôi nhấn mạnh rất nhiều vào khía cạnh cộng đoàn của Ki-tô giáo và lòng sùng kính Thánh Thể. Mỗi bận tâm là tại nhiều nơi,

Thánh Lễ vẫn chưa được nhìn nhận theo cách này. Điều này có nghĩa là cách diễn tả đích thực của cộng đoàn đã trở nên tách rời khỏi chính cộng đoàn đó. Chỉ sự kiện rằng nói chung, Thánh Lễ không được coi như một sức mạnh thách đố chúng ta đấu tranh cho lẽ phải, hoặc tự dồn hết tâm trí vào lãnh vực xã hội, đã là một trường hợp khẩn cấp. Tám bánh được bẻ ra nên thúc đẩy chúng ta làm việc để tạo ra một thế giới mới. Một điều hoàn toàn thông thường là sự hy sinh của Đức Ki-tô đã trở thành một việc đạo đức riêng tư, chủ yếu được coi như một nguồn gốc của ân huệ cá nhân, độc lập đối với bất cứ mối quan hệ nào với cộng đoàn Ki-tô hữu rộng lớn hơn.

Có lẽ bằng chứng rõ rệt nhất của sự kiện rằng điều này quả thật đúng như vậy, đó là quy mô hầu hết những người Công Giáo đều coi Thánh Lễ như một nghi thức thánh thiêng bất khả xâm phạm. Đã từng (và vẫn tiếp tục) có các cuộc thảo luận quan trọng về từng vấn đề thứ yếu của việc canh tân phụng vụ. Nhiều sự tham gia nồng nhiệt phát xuất từ những điều như: sự thay đổi vị trí của bàn thờ, ngôn ngữ được sử dụng, loại âm nhạc hoặc nhạc cụ được sử dụng, tư thế, quỳ hoặc đứng khi Rước lễ, Rước lễ bằng tay, hoặc Rước lễ dưới hai hình. Thậm chí một sự thay đổi dường như vô thưởng vô phạt trong Kinh nguyện Thánh Thể, để nói rằng máu Đức Ki-tô phải đổ ra cho tất cả mọi người, vẫn có những người kiên quyết ủng hộ và chống đối. Thật vậy, sự kiện những người Công Giáo có thể chia rẽ nhau về các vấn đề như vậy trong suốt 20 năm qua thật đáng kể. Thậm chí vấn đề chiều kích cộng đoàn và truyền giáo của Thánh Lễ còn hiếm khi được đề cập đến. Các vấn đề này và các vấn đề những thay đổi về xã hội cần phải xây dựng một thế giới mới trong Đức Ki-tô chỉ được đưa ra xử lý thứ yếu, thật kỳ lạ, điều này có

nghĩa là chúng không thích đáng với việc thờ phượng của cộng đoàn.

Tuy nhiên, khi Thánh Lễ, vẫn được coi như cách cử hành long trọng và đích thực nhất về cuộc hy tế của Đức Ki-tô, lại biến thành việc phụng tự hoặc đạo đức riêng, thì chúng ta đang chứng kiến một tình trạng suy giảm giá trị sâu xa về sự nhạy cảm tôn giáo. Ngay từ đầu, việc cử hành Thánh Lễ chỉ được hình dung trong việc cùng cử hành của toàn thể cộng đoàn mà thôi. Tình trạng suy giảm giá trị xảy ra khi người ta bắt đầu coi phụng vụ như một tập hợp những cách sống đạo có ý định cứu độ cá nhân. Nếu nỗi sợ hãi chính của con người là bị đày xuống hỏa ngục đời đời, thì thật là một sự thay đổi hợp lý, khi kết luận rằng phương tiện hiệu quả nhất để đạt được ơn Cứu độ chính là Thánh Lễ. Và nếu một Thánh Lễ tốt đẹp, thì hai Thánh Lễ thậm chí lại càng tốt đẹp hơn.

Theo kiểu này, thì Thánh Lễ trở nên bị tách rời khỏi cộng đoàn, để biến thành đối tượng cách ly của việc đạo đức cá nhân. Khi nhấn mạnh vào những đòi hỏi của nghi thức và sự nghiêm khắc của cơ cấu, rằng chúng ta phải đi đến chỗ liên kết với phụng vụ, thì điều này càng giúp gây ấn tượng rằng đây là giây phút thánh thiêng nhất trong ngày, là cách thức hiệu quả nhất để thánh hóa cá nhân. Đặc biệt đối với những ai vẫn coi việc thánh hóa như một thực tại thuộc về thế giới bên kia, đặt chúng ta vào mối quan hệ cá nhân trực tiếp với cõi thần linh, thì những khía cạnh thánh thiêng của phụng vụ càng củng cố khái niệm về sự thánh thiện và siêu việt. Theo quan điểm này, thực sự không có chỗ dành cho những thăng trầm của cuộc đời, và không nên quan tâm đến người "thánh thiện" đích thực. Trên thực tế, tất cả mọi người đều có thể

đến với nguồn ân sủng là Thánh Lễ, gặp gỡ nhau ở đó, và trở về với cuộc sống riêng khác biệt nhau, và với cảm giác về những hoàn cảnh đã được biện minh và an ủi trong Thánh Lễ.

Nhiều cuốn sách và bài báo đã cung cấp một mô hình về những nguyên nhân tại sao và trạng thái này đã xảy ra như thế nào. Điều này đủ để nói rằng chúng ta đã đi từ một thời kỳ mà Thánh Lễ vẫn được nhìn nhận như cách thờ phượng chung tập thể của cả cộng đoàn, đến một thời kỳ mà trong đó nói chung, Thánh Lễ không còn được coi như sinh hoạt của mọi người nữa. Nói đúng hơn, Thánh Lễ vẫn được coi như hoạt động của Thiên Chúa, qua trung gian của vị linh mục. Người ta nhấn mạnh trước hết đến việc thờ phượng Chúa hiện diện trong mình thánh. Việc thờ phượng bắt đầu thay thế cho sự chia sẻ, và nỗi sợ hãi đối với Thiên Chúa làm lu mờ ý thức về sự chung phần yêu thương với Người. Tinh thần khách quan và hiệp thông đích thực của phụng vụ nhường lại cho một hình thức đạo đức chủ quan hơn.

Những hậu quả của tình trạng này đặc biệt tồi tệ; xoay chuyển việc nhấn mạnh, từ sự hiệp nhất của toàn thể giáo hội (và các cá nhân với tư cách phần tử của giáo hội đó) với Thiên Chúa, đến sự hiệp nhất của cá nhân các linh hồn với một mình Thiên Chúa, tình trạng này đưa đến việc hoàn toàn miệt mài theo chủ nghĩa chủ quan. Chủ nghĩa này không còn chỗ cho chiều kích xã hội, và không nhận thấy mối liên kết bên trong với sự chia sẻ của chúng ta tại bàn tiệc của Chúa, và một bổn phận tương ứng đối với việc xây dựng nước trời trong lòng thế giới. Người ta trở nên quan tâm nhiều hơn đến việc đạt được

ân sủng và sự xứng đáng, hơn là cam kết đối với sứ vụ của Đức Ki-tô trong thế gian.

Tình trạng lu mờ của học thuyết cho rằng toàn thể giáo hội là Nhiệm thể của Đức Ki-tô chịu trách nhiệm phần nào đối với sự phát triển chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa chủ quan. Cùng với tình trạng này là một sự thay đổi tương tự về thái độ của giáo hội đối với Đức Giê-su Ki-tô. Trong giáo hội tiên khởi, Đức Giê-su được coi như người anh cả của chúng ta, nguồn gốc thần thánh của Người giúp chúng ta có thể cầu nguyện với Chúa Cha thông qua Người. Thật khôi hài, tất cả những lời cầu nguyện trong phụng vụ đều vẫn được diễn đạt bằng những từ ngữ đó. Tuy nhiên, trong thời Trung cổ, sự tập trung vào Đức Giê-su được thay đổi từ việc coi Người như một Đấng nêu gương mà chúng ta nên đi theo, Đấng giống như chúng ta trong tất cả mọi sự, ngoại trừ tội lỗi (Dt 4:15), thành một Đấng chủ yếu mang thần tính. Điều này nhấn mạnh nhiều hơn vào việc thờ phượng, và ít nhấn mạnh vào tình bằng hữu; Đức Giê-su phải được tôn thờ trong bí tích Thánh Thể, hơn là đi theo Người trong cuộc hy tế của Người. Toàn bộ sứ vụ của Đức Giê-su, Đấng đã đến để phục vụ những kẻ khác thay vì thống trị trên họ, đi đến chỗ bị lãng quên. Có thể những năm tháng cầu nguyện và thờ phượng tuyệt đối không đạt được kết quả nào về mặt xã hội, và vẫn được coi như bình thường.

Tuy nhiên, ngày nay chúng ta sống trong một thời đại khác hẳn. Tầm nhìn của Công đồng Vatican II trong một phạm vi rộng lớn là câu trả lời đối với sự thay đổi ngay trong chính thế giới mà chúng ta đang sống. Hiện nay, có một nhận thức xa hơn nhiều về sự lệ thuộc vào nhau của các quốc gia, hậu quả sinh thái từ những quyết

định và lối sống của chúng ta. Điều là chủ yếu đoạt lại nhận thức của các Ki-tô hữu tiên khởi về đặc điểm liên chủ thể của cuộc sống và việc thờ phượng, nếu chúng ta phải có bất cứ điều gì để nói với thế giới: “Còn anh em, anh em là giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa, để loan truyền những kỳ công của Người, Đấng đã gọi anh em ra khỏi miền u tối, vào nơi đây ánh sáng diệu huyền” (1 Pr 2:9-10).

Công việc của dân tộc mới này gặp đôi: cả bên trong lẫn bên ngoài cộng đoàn. Chúng ta được nhắc nhở về mối quan hệ hỗ tương qua những lời nhắc nhở như: “Anh em hãy mang gánh nặng cho nhau, như vậy là anh em chu toàn luật Đức Ki-tô” (Gl 6:2). Hoặc: “Anh em đừng mắc nợ gì ai, ngoài món nợ tương thân tương ái, vì ai yêu người, thì đã chu toàn lề luật” (Rm 13:8). Lý do đối với điều này thật đơn giản: “Nếu một bộ phận nào đau, thì mọi bộ phận cùng đau. Nếu một bộ phận được vẻ vang, thì mọi bộ phận cũng vui chung” (1 Cr 12:26). Thánh Gio-an nhắc nhở chúng ta về mức độ quan tâm của chúng ta, gương mẫu của chính Đức Giê-su: “Căn cứ vào điều này chúng ta biết được tình yêu là gì: đó là Đức Ki-tô đã thí mạng vì chúng ta. Như vậy, cả chúng ta nữa, chúng ta cũng phải thí mạng vì anh em” (1 Ga 3:16). Nhưng sự quan tâm của chúng ta không chỉ dành riêng cho cộng đoàn; tự thân cộng đoàn nên thân mật và thoải mái: Việc “Yêu thương người lân cận” không bao giờ giới hạn vào những người của chúng ta.

Như giáo hội vẫn lập đi lập lại với chúng ta, chính thông qua Thánh Lễ, mà bản chất cộng đoàn của Ki-tô giáo được diễn tả và cử hành một cách tốt đẹp nhất. Vì

trong số tất cả những dấu hiệu của phụng vụ, dấu hiệu cổ xưa nhất và quan trọng nhất là chính cộng đoàn. Giáo hội, “dân riêng của Thiên Chúa”, là một sự hợp nhất-trong-thờ phượng, do Thiên Chúa tạo khả năng, vì ơn ích cho những người tham dự và cho toàn thể thế giới. Đây không chỉ là một tập hợp những cá nhân tình cờ quy tụ với nhau trong cùng một chỗ. Chắc chắn Thánh Lễ lôi kéo họ đến với nhau chính là nguyên nhân và dấu hiệu đối với sự hợp nhất của họ. Tuy nhiên, dấu hiệu này trở nên yếu kém một cách thâm trầm, nếu không nhìn nhận và đánh giá đúng chiều kích tập thể.

Điều này không hàm ý rằng thông qua Thánh Lễ, Thiên Chúa ban hàng loạt ân sủng cho cả nhóm. Tuy nhiên, nếu cá nhân được nhiều ơn ích, thì điều này thật cụ thể, giống như các Ki-tô hữu mà ơn gọi của họ liên kết họ với một gia đình rộng lớn hơn vốn là một phần trong lời mời gọi họ. Có vài câu hỏi có thể giúp xác định đường hướng chung của chúng ta:

1. Có phải người Công Giáo được coi như tham gia vào một gia đình rộng lớn hơn, hoặc có mối quan hệ trực tiếp với Thiên Chúa? Ân sủng và sức mạnh đến vì cộng đoàn, hoặc trực tiếp đến từ Thiên Chúa?
2. Ki-tô giáo có đòi hỏi sự tham gia tích cực của mỗi cá nhân trong nhóm không? Cộng đoàn có cần thiết đối với Ki-tô giáo không, hay đó là một xa xỉ phẩm - thật dễ thương khi có ở đó, nhưng lại thực sự không cần thiết?

3. Phải chăng Giáo hội tồn tại để mang lại ơn Cứu độ cho thế giới, hoặc đúng hơn như một nguồn ơn Cứu độ cá nhân? Phải chăng đây là một phần tông đồ xã hội, và một phần thuộc về bản chất của giáo hội, hoặc phải chăng đây là một kết quả phát xuất từ sự kết hiệp với Đức Ki-tô?
4. Một cách lý tưởng, phải chăng nên có một sự liên tục giữa những khía cạnh kinh tế hoặc xã hội chính trị của cuộc sống và phụng vụ, hoặc lời cầu nguyện phụng vụ nên “vượt trên” những mối quan tâm và chăm sóc đối với sự tồn tại hàng ngày?

Rõ ràng, nửa đầu của mỗi câu hỏi đều tán thành quan điểm cộng đoàn, trong khi phần sau lại mang tính cách cá nhân hơn. Khi thánh Phao-lô thôi thúc những người mới trở lại đạo sống “trong Đức Ki-tô”, một cụm từ thường xuyên có trong từng thánh thư, thì ngài không nghĩ đến Đức Ki-tô huyền nhiệm trên trời, hoặc Đức Ki-tô Thánh Thể trên trái đất. Ngài đang nói về Nhiệm thể của Đức Ki-tô nơi tín hữu, và khẳng định rằng cuộc đời-Ki-tô chỉ khả thi bên trong và thông qua một cộng đoàn Ki-tô hữu năng động, quan tâm, mà gương mẫu và sự hỗ trợ của cộng đoàn cung cấp môi trường cho sự thay đổi đích thực. Đây là điều chúng ta có ý muốn cử hành trên bàn thờ.

Kiểu cử hành này sẽ thực sự biểu thị đúng với bản chất của giáo hội. Bất cứ cộng đoàn nào quy tụ ở đây và trong lúc này đều vượt trên chính mình; phát xuất từ Đức Ki-tô *nhều hơn*, và từ mối liên kết với giáo hội toàn cầu. Chúng ta nên luôn luôn thể hiện sự quan tâm, để làm nhẹ bớt nỗi đau khổ của nhân loại, phát xuất từ việc đồng

nhất với sự đối kháng của Đức Giê-su đối với những quyền lực xấu xa, vẫn trói buộc và đè nén. Nếu Thánh Lễ phải là một biểu tượng đầy đủ đối với thế giới ngày nay, cũng như sức mạnh có hiệu quả để xây dựng một thế giới giống Đức Ki-tô hơn, thì con người sẽ phải nhận thấy rằng tấm bánh mà Đức Giê-su chia sẻ với chúng ta không phải để khư khư giữ cho riêng mình một cách ghen tị, nhưng phải hào phóng chia sẻ với tất cả những người khó khăn.

X

CẦU NGUYỆN NHƯ THẾ NÀO TRONG NHÀ THỜ?

Để phản đối kiểu Thánh Lễ mang tính cộng đồng và xã hội, một trong những lời than phiền vẫn thường xuyên được đưa ra là Thánh Lễ không tạo cho chúng ta bất cứ thời gian thực sự nào để cầu nguyện riêng. Việc cử hành phụng vụ không còn là lúc kết hiệp sâu xa với Thiên Chúa nữa. Thánh Lễ hiện đại, vốn nhấn mạnh vào cách tham dự mang tính quần chúng, dường như loại bỏ bất cứ cảm nghiệm nào thuộc về thần bí.

Đức Giê-su đã truyền lại cho chúng ta kinh nguyện gì của Ki-tô hữu? Kinh này liên quan đến Thánh Lễ ra sao? Câu chuyện sau đây có thể giúp chúng ta hiểu được: Khi bà chị tôi trở về sau 5 năm làm việc truyền giáo tại New Caledonia, chị đã kể về một hòn đảo, nơi những thổ dân trở lại thời kỳ đồ đá đúng theo nghĩa đen. Ở đó không hề có nước hoặc điện, và những thổ dân ở một đầu của vùng đất lúc nhúc muối không bao giờ vượt qua 15 dặm hoặc khoảng chừng ấy, để đi từ khu vực này của hòn đảo sang một khu vực khác. Bất kể tình trạng tách biệt nói chung của họ với những vùng đất khác, những thổ dân vẫn nói hai ngôn ngữ khác nhau, và thậm chí họ không thể hiểu được nhau.

Ở một đầu, có một cây cổ thụ, mà những thổ dân vẫn nghĩ rằng nó thuộc về vị chúa đảo, và được dâng hiến cho một mình ông ta. Họ còn tin rằng nếu họ đến quá gần thân cây, hoặc đụng vào thân cây đó, thì họ sẽ bị chết. Bất kể sự kiện các nhà truyền giáo vẫn leo lên khắp thân cây, thậm chí khi một thổ dân bị vấp vào cây trong tình trạng say rượu ban đêm, thì việc nhận ra điều mình đã làm đủ để khiến cho anh ta bị chết ngay lập tức vì khiếp sợ và đau tim.

Điều này khác biệt biết bao với giáo huấn của Đức Giê-su, rằng Thiên Chúa không phải là một yêu quái nào đó thật khổng lồ đáng khiếp sợ, nhưng là một người cha đầy yêu thương mà chúng ta cảm thấy được tự do để gọi Người bằng chính danh xưng đó! Tiếng Aram "*abba*" mà chính Đức Giê-su vẫn luôn sử dụng và truyền lại cho chúng ta, có toàn bộ tình cảm thân mật đầy yêu thương của một đứa trẻ trên đầu gối cha nó, đang đưa tay ra và nói "bố ơi". Đây là nền tảng cơ bản nhất và cần thiết nhất

của kinh nguyện Ki-tô hữu: Thiên Chúa không phải là kẻ nào đó mà chúng ta cần phải sợ hãi; Người chính là một người cha đầy yêu thương.

Mặc dù có thể một số người đã học hỏi quá nhiều bài học này, và phát triển một sự thiếu thận trọng thật đáng báo động, nhưng nhiều người Công Giáo vẫn còn nuôi dưỡng một não trạng ngoại giáo đối với Thiên Chúa, bất kể những phản đối ngược lại. Những kẻ sợ hãi Thiên Chúa đều cầu nguyện theo cách này. Ba thái độ ngoại giáo chủ yếu là lời cầu nguyện mang tính nghi thức, lập đi lập lại và hình thức. Một số lời cầu nguyện cần phải đọc chính xác đúng theo từng từ, với những động tác đúng đắn, hoặc lập đi lập lại một số lần cụ thể, nhằm đạt hiệu quả. Nếu tất cả những điều kiện này đều được đáp ứng, thì lời cầu nguyện gần như tự động có một tỉ lệ thành công, một hiệu quả có sức lôi cuốn hết sức rõ rệt.

Điều tạo nên tính chất ngoại giáo này là động cơ phía sau nó chính là nỗi sợ hãi và dốt nát: Cầu nguyện không phải là một phương tiện để kết hiệp với Thiên Chúa; đây là cách thức nào đó để giữ Người ở nguyên tại chỗ của Người, sao cho Thiên Chúa sẽ không gây lo lắng cho chúng ta. Việc sử dụng các nghi thức theo chỉ thị (mà có lẽ Người mong muốn) sẽ ngăn cản Người khỏi tức giận đối với chúng ta, và do đó, giúp chúng ta đạt được những điều mình cầu xin. Một niềm hy vọng thứ hai tiềm ẩn trong kiểu cầu nguyện này là nó sẽ thay đổi được ý định của Thiên Chúa bằng cách này hay cách khác. Lời cầu nguyện chính đáng sẽ thuyết phục Thiên Chúa thay đổi, và ban cho chúng ta những điều mà mặt khác Người không có ý định ban. Hầu như chúng ta không có được hình ảnh về một người cha đầy yêu thương, khi chúng ta

cứ phải thuyết phục Người, hầu đạt được những điều thú vị mà chúng ta cần đến hoặc mong muốn. Thiên Chúa không thể bị vận động theo cách này.

Tuy nhiên, vẫn có một căn bã thật đáng ngạc nhiên của não trạng này trong nhiều giới Công Giáo. Chúng ta hãy gọi đó là “não trạng tuần chín ngày”. Tôi còn nhớ lần kia, sau một buổi lễ trong tuần chín ngày, một phụ nữ nào đó tức giận chạy lao vào phòng thánh, vì tôi đã vô tình thay đổi hai từ. Bà ấy e ngại rằng điều này làm hỏng hiệu quả của lời cầu nguyện. Nhưng não trạng tuần chín ngày còn sâu xa hơn thế nữa. Nó tự biểu lộ trong tính cách phổ biến quanh năm của những lời cầu nguyện hàng tràng dài, hoặc của những kẻ cứ bám vào những kinh nguyện đặc trưng như là đặc biệt xứng đáng, hoặc những người có cả một tập hợp các việc đạo đức mà họ phải “mang về” mỗi ngày, hoặc những người thậm chí coi Thánh Lễ như là lúc để lần chuỗi Mân côi hoặc các kinh nguyện riêng khác, thay vì tham gia vào kinh nguyện của Đức Ki-tô. Bằng cách này hay cách khác, thái độ cứ khăng khăng cho rằng nếu chúng ta sử dụng những lời lẽ đúng đắn, hoặc đọc chúng nhiều lần với sức lôi cuốn, thì rốt cuộc, Thiên Chúa sẽ lắng nghe chúng ta. Thật đúng là một thứ chủ nghĩa ngoại giáo thuần túy!

Việc khởi sự cầu nguyện với niềm tin rằng Thiên Chúa là một người cha đầy yêu thương không phải là sự thấu hiểu mà chúng ta có thể tự mình phát triển được. Khả năng này do Thiên Chúa ban, chỉ vì chính Người muốn mặc khải cho chúng ta. Đây là điều gì đó mà chúng ta đi đến chỗ đánh giá đúng, đặc biệt từ chính cuộc sống và giáo huấn của Đức Giê-su. Việc chấp nhận và đánh giá đúng sự kiện Thiên Chúa là cha không chỉ hình thành và

ảnh hưởng đến hình thức và nội dung lời cầu nguyện của chúng ta, mà còn giúp chúng ta nhận ra rằng lời cầu nguyện đích thực là một ân huệ của Thiên Chúa. Cầu nguyện không phải là điều gì đó chúng ta mang lại cho Thiên Chúa, mà là cách thức Người tự truyền đạt, nhờ đó chúng ta được chúc lành. Chúng ta cần đến thái độ chú ý nhiều hơn của ngôn sứ Sa-mu-en, ông biết ơn vì rốt cuộc ông đã nhận biết rằng chính Thiên Chúa mong muốn liên hệ với ông, nên ông đã trả lời một cách đơn giản: “Xin hãy phán, lạy Chúa, tôi tớ Chúa đang lắng nghe”. Rất thông thường, dường như thái độ của chúng ta là: “Xin hãy lắng nghe, lạy Chúa, tôi tớ Chúa đang nói”. Có thể chúng ta không nói điều gì xứng đáng để được Cha trên trời ban.

Tuy nhiên, việc nhận ra Thiên Chúa là Cha vẫn có những kết quả rõ rệt đối với cuộc sống. Khi chúng ta nhìn nhận Thiên Chúa mặc khải qua các trang Kinh Thánh, thì chúng ta đi đến chỗ nhận biết Người nhiều hơn. Chúng ta học hỏi rằng Thiên Chúa có một danh xưng chắc hẳn là rất thánh thiện, và một nước trời vẫn được mang lại cho con người. Chúng ta nhận ra rằng mình được chia sẻ một phần rõ rệt để đạt được nước trời, vì chúng ta đón nhận thánh ý Chúa như là tiêu chuẩn đối với chúng ta ở nơi đây, trên trần thế này. Việc sống theo và đáp ứng thuộc về bản thân chúng ta. Tính cách vĩ đại và phẩm chất của sự trưởng thành Ki-tô giáo hệ tại ở điều này. Chúng ta có thể xác định vai trò sáng tạo mà Thiên Chúa đã dành cho chúng ta, trong sự lệ thuộc triệt để vào Thiên Chúa, Đấng là tác giả của sự sống, ân sủng và nguồn mạch của mọi điều tốt lành. Chúng ta biết rằng sinh mạng của chúng ta phát xuất từ chính sự kiện chúng ta là phần tử của gia đình Thiên Chúa. Các Ki-tô hữu không phải là trẻ vị thành niên. Phép Thanh tẩy và sự

cam kết với Chúa Cha bao hàm trong đó đòi hỏi chúng ta phải tự coi mình như những người lớn. Như vậy, mối quan hệ của chúng ta đối với Chúa Cha thay đổi, khi chúng ta đạt được sự trưởng thành và mục tiêu lớn hơn. Thiên Chúa không đối xử với chúng ta như những đứa trẻ mãi mãi lên 5 tuổi; Người mong muốn và trông đợi chúng ta lớn lên và đổi mới bộ mặt thế giới.

Tuy nhiên, nhờ vị trí đặc biệt của Đức Giê-su, chúng ta có thể học hỏi tốt nhất ý nghĩa của việc trở nên con cái Chúa Cha, bằng cách bắt chước lối sống của Người. Đức Giê-su vẫn mãi mãi không chỉ là Đấng đã mặc khải Thiên Chúa là Cha, nhưng cuộc đời của Người còn là một kiểu mẫu hoàn hảo về sự hoàn toàn vâng phục và trung tín. Nỗ lực của Đức Giê-su trong sự trung thành với thánh ý Chúa Cha, để thánh hóa danh Người và mang lại nước trời, được bộc lộ trong kinh nguyện riêng của Người (Kinh Lạy Cha). Từ kỳ tĩnh tâm kéo dài trong sa mạc, đến lời cầu nguyện của Người trong vườn Ghết-sê-ma-ni trước giây phút cuối của cuộc đời Người, một ý tưởng vẫn bao trùm: "Xin cho Ý Cha được thể hiện".

Chúng ta nhận thấy Đức Giê-su thường xuyên cầu nguyện suốt cuộc sống công khai của Người. Trong toàn bộ những bước ngoặt của cuộc đời Người, lời cầu nguyện đã mang lại cho Người sự hiểu biết thánh ý Chúa Cha, sức mạnh và lòng can đảm để theo đuổi điều đó. Vì thế, trước khi bắt đầu cuộc sống công khai, trước khi chọn các tông đồ, trước khi truyền dạy về Phép Thánh Thể trong Ga 6 và trước cuộc biến hình của Người, trong việc chuẩn bị cho giáo huấn riêng của người về cách thức cầu nguyện, cũng như trước khi trải qua cuộc thương khó và sự chết, Đức Giê-su vẫn cầu nguyện. Lời cầu nguyện này luôn luôn

được thực hiện với ý thức sâu xa rằng Chúa Cha sẽ lắng nghe Người trong tình yêu thương; lời cầu nguyện cũng liên quan đến sứ vụ của Người.

Khi Thần Khí ngự xuống Đức Giê-su trong phép rửa tại sông Gio-đan, hướng dẫn Người bắt đầu sứ vụ riêng của Người, Đức Giê-su đã trải qua 40 ngày tĩnh tâm trong sa mạc, với mỗi bận tâm đến một câu hỏi duy nhất: Chúa Cha muốn gì? Người sẽ trở thành kiểu Mê-si-a nào? Chúng ta nhận thấy Đức Giê-su loại bỏ những giải pháp dễ dàng, tiêu biểu thuộc về con người, để chỉ thực sự tìm kiếm thánh ý Chúa Cha, vì Người được ban cho sự hiểu biết đối với điều đó. Con đường thỏa hiệp hoặc lợi ích cá nhân không dành cho Người. Cũng như trong vườn Ghết-sê-ma-ni, Đức Giê-su không hề tìm kiếm ý riêng mình. Sự khước từ của Đức Giê-su trong việc thoát khỏi thân phận con người mà Người đã chấp nhận, và trong việc Người không sẵn sàng khấn câu Thiên Chúa chiều theo ý muốn riêng của mình, nên trở thành một bài học cho tất cả những ai muốn gọi Thiên Chúa là Cha. Đức Giê-su đã không khấn cầu quyền năng thần thánh chỉ để làm vui lòng ngay tức khắc những mong ước tự nhiên; Người chọn con đường bình thường mà tất cả chúng ta đều phải chọn. Người khước từ tin tưởng vào sức mạnh tự nhiên, để làm tiêu tan các vị trí đứng đầu và chế ngự kẻ thù; nói đúng hơn, Người chọn nhấn mạnh vào tầm quan trọng tột bậc của sự thay đổi cá nhân và lòng thương xót trong việc xây dựng nước trời. Người từ chối những dấu hiệu và thói phô trương kỳ lạ và tầm thường; thay vào đó, Người chọn gia tăng nỗ lực cá nhân và sự hy sinh. Đó là thánh ý Chúa Cha.

Tại sao Đức Giê-su có thể quyết định theo cách này? Vì Người biết rằng Thiên Chúa là một Người Cha đầy yêu thương. Gọi Thiên Chúa là *Cha* nghĩa là nhận biết rằng lòng nhân lành có tác động mạnh hơn sự dữ, và chân lý sẽ khuất phục sự dối trá. Có một người Cha trên thiên đàng nghĩa là tin rằng cuối cùng, sự tốt lành, chân lý và nước trời sẽ chiến thắng tất cả mọi sự. Bất cứ ai không tin tưởng vào thắng lợi tối cao của Thiên Chúa đều là kẻ vô thần. Có một sức mạnh và khả năng đối với sự tốt lành trong thế gian, cách thức Thiên Chúa thực hiện điều đó, mà nếu được giải thoát, sức mạnh này sẽ trở nên không thể kháng cự được. Đức Giê-su tin tưởng vào sức mạnh này, và Người mời gọi chúng ta làm tương tự như vậy.

Theo nghĩa này, trong việc tưởng niệm cuộc thương khó/ cái chết/ sự sống lại mang tính cứu chuộc của Đức Giê-su, chúng ta có thể nhận thấy kiểu mẫu đối với toàn bộ lời cầu nguyện đích thực của Ki-tô hữu. Do Thánh Lễ chính là cách cử hành bí tích tự nguyện hủy mình của Đức Giê-su vì chúng ta, trong sự vâng phục thánh ý Chúa Cha. Trong Thánh Lễ, chúng ta nhận thấy và cử hành ân sủng của Đức Giê-su đối với chúng ta, và vinh quang mà chính Người đã nhận được như một phần thưởng đối với lòng trung thành của Người. Trong hành động này, chúng ta có thể nhận thấy sự tóm tắt và đỉnh cao của một cuộc đời hoàn toàn hướng về Chúa Cha, và kết quả là hoàn toàn hướng về chúng ta.

Nếu chúng ta thử tách biệt những thành phần cơ bản của kinh nguyện, thì chúng ta nhận thấy toàn bộ kinh nguyện trong Cựu Ước đều trùng hợp với ba loại lớn. Trong đó, có kinh nguyện thờ phượng và ngợi khen, kinh

nguyện cảm tạ và kinh nguyện cầu xin. Tuy nhiên, Thánh Lễ bổ sung vào các kinh nguyện này một loại kinh nguyện thứ bốn, đó là kinh nguyện đền tội và phạt tạ. Bốn khía cạnh hoặc hoạt động này của kinh nguyện nên phục vụ như những nguyên tắc chỉ đạo, mỗi khi chúng ta đến với Thiên Chúa trong lời cầu nguyện.

Thật phù hợp khi nói về việc thờ phượng và ngợi khen trong cùng hơi thở, vì chúng đồng nghĩa về mặt thực hành. Chúng ta chứng tỏ rằng chúng ta nhìn nhận và chấp nhận mối quan hệ sáng tạo của chúng ta với Thiên Chúa, bằng cách ca tụng Người, vui mừng rằng Người chính là Thiên Chúa và Cha chúng ta. Nói chung, việc ngợi khen này thật phổ biến. Không thành vấn đề chỉ với những động tác hạ mình của tâm trí, nhưng còn là khả năng thừa nhận bằng lời nói và hành động đối với vị trí đúng đắn của Thiên Chúa trong cuộc sống chúng ta. Toàn bộ cuộc đời Đức Giê-su đều là một bài ca ngợi khen dài đối với Chúa Cha. Trong suốt cuộc đời mình, Người đã dành hết tất cả mọi sự Người làm cho Chúa Cha. Giáo huấn của Đức Giê-su không phải của riêng Người, và Người có thể nói rằng Người chỉ nói những điều mà Chúa Cha mặc khải cho Người mà thôi. Ngay từ đầu cuộc sống công khai, Đức Giê-su đã tuyên bố với người phụ nữ Samatita rằng giờ đã đến, những kẻ thờ phượng Thiên Chúa đều phải thờ phượng Người trong Thần Khí và sự thật (Ga 4:23). Giờ đó chính là giờ Người chịu thương khó và chết, giờ mà chính Đức Giê-su có thể dâng lên hành động thờ phượng tối hậu – chính cuộc sống của Người.

Việc cảm tạ gần giống như thờ phượng, vốn là một hình thức ngợi khen trong lòng biết ơn đối với những phúc lành đã nhận được. Đối với sự tồn tại của chúng ta

thuộc về một dân tộc giao ước, trong một thế giới mà Thiên Chúa vẫn liên tục tự mặc khải về chính Người, thì phản ứng này là điều gì đó ngăn cản chúng ta khỏi coi cuộc sống như là điều tự nhiên. Điều này tạo khả năng cho chúng ta nhìn nhận Thiên Chúa như là nguồn gốc của tất cả những phúc lành, và duy trì những lời cảm tạ liên tục về hành động của Người trong cuộc đời chúng ta. Trong thời hiện đại, việc cảm tạ có khuynh hướng chỉ là sự thừa nhận lòng biết ơn bằng lời nói, người ta tuôn ra ngoài miệng hoặc viết thư riêng. Từ những năm đầu đời, trẻ con vẫn nghe thấy người lớn hỏi: "Con nói gì?", mỗi khi chúng được phục vụ hoặc được tặng một món quà nào đó. Đối với người Do Thái, những lời cảm tạ thường được nêu lên công khai, bằng cách nói với tất cả mọi người rằng những điều kỳ diệu đã được thực hiện là gì. Tin tốt lành là điều gì đó cần được chia sẻ.

Cốt lõi của Thánh Lễ là việc tạ ơn. Mặc dù tự thân tên gọi này không được tìm thấy trong Tân Ước, nhưng chính từ "Thánh Lễ" có nghĩa là tạ ơn. Hàm ý không chỉ là cuộc đời Đức Giê-su là lời tạ ơn liên tục đối với Chúa Cha, vì lòng nhân lành và sự bảo vệ của Người, nhưng chính trong và thông qua Đức Ki-tô, cách thức cảm tạ tốt nhất của cộng đoàn đối với Chúa Cha là bằng cách nhớ lại những phúc lành mà chúng ta đã nhận được, nhờ cái chết/ sự sống lại mang tính cứu chuộc của Đức Giê-su. Ngay từ đầu Kinh nguyện Thánh Thể, chúng ta nhìn nhận bản phận của chúng ta là cảm tạ Chúa Cha thông qua Đức Giê-su Ki-tô, Con của Người. Sau đó, chúng ta bắt đầu mô tả chi tiết những khía cạnh khác nhau trong cuộc đời Đức Giê-su, chúng ta tập trung vào việc cử hành đặc biệt này, và tiếp tục bày tỏ lòng biết ơn vì được coi như xứng đáng để đứng trước sự hiện diện của Thiên

Chúa và phục vụ Người. Chúng ta nhớ lại những lời cảm tạ của Đức Giê-su trên bánh và rượu, và nhận biết rằng đây là thái độ tiêu biểu nhất của Người.

Khả năng mà chúng ta có được để thể hiện sự tôn thờ và cảm tạ, tảng đá góc trong cuộc sống cầu nguyện của chúng ta, giúp phân biệt chúng ta với dân ngoại. Bởi vì trong số nhiều điều mà truyền thống tôn giáo để lại cho chúng ta, có một di sản những điều kỳ diệu, đặc biệt là việc tưởng nhớ sự chết của Đức Ki-tô. Cách thức chắc chắn nhất làm kiềm chế khả năng của chúng ta, hầu hiểu được ý nghĩa của Thiên Chúa và tầm quan trọng của việc thờ phượng, đó là chúng ta cứ coi mọi sự như là điều tự nhiên. Thái độ lãnh đạm đối với điều kỳ diệu tuyệt vời của sự sống trong ân huệ Thiên Chúa chính là nguồn gốc của tội lỗi.

Hoạt động vĩ đại thứ ba của kinh nguyện biểu thị qua Thánh Lễ (không giống như kinh nguyện của người Do Thái) chính là hoạt động đền tội. Sự chết của Đức Giê-su mang tính cứu chuộc và được ban tặng vì những tội lỗi của chúng ta. Tấm bánh được bẻ ra chính là thân thể của Đức Ki-tô đã từ bỏ mình vì chúng ta; chén này chính là máu của giao ước mới, đã đổ ra vì chúng ta, hầu tội lỗi của chúng ta có thể được tha thứ. Thánh Phao-lô giải thích điều này thật súc tích: "Mọi người đã phạm tội và bị tước mất vinh quang Thiên Chúa, nhưng họ được trở nên công chính do ân huệ Thiên Chúa ban nhưng không, nhờ công trình cứu chuộc thực hiện trong Đức Giê-su Ki-tô. Thiên Chúa đã đặt Người làm nơi xá tội nhờ máu của Người cho những ai có lòng tin" (Rm 3:24-25).

Không phải chỉ có khả năng của chúng ta trong việc thừa nhận tội lỗi, và cầu xin ơn tha thứ vì những sa ngã

của mình, mới được coi như một sự đền bù phạt tạ. Việc phạt tạ là một khía cạnh của kinh nguyện, giúp chúng ta khỏi tự hài lòng với bản thân, thường xuyên thúc đẩy chúng ta phục vụ Thiên Chúa sao cho tốt hơn. Chính vì điều này, bất kể chúng ta cứ sa ngã lập đi lập lại, chúng ta vẫn có thể tiếp tục tự cam kết, nhờ công nghiệp của Đức Ki-tô, và *tích cực* chia sẻ trong Thánh Lễ, bằng cách nỗ lực phấn đấu mỗi ngày, để làm cho cuộc sống của chúng ta mang tính cứu chuộc đối với những kẻ khác. Trong mỗi Thánh Lễ, chúng ta đều được mời gọi để cứu độ thế giới, để chia sẻ tám bánh đã được bẻ ra.

Cầu xin là hoạt động cuối cùng của kinh nguyện. Việc cầu xin chỉ đến sau ba hoạt động trên đây. Tin Mừng theo Thánh Gio-an mô tả cho chúng ta kinh nguyện của Đức Giê-su trong Bữa tiệc Ly (14:17). Bản danh sách những lời nguyện xin ở đây giúp chúng ta hiểu được tâm trí của Đức Ki-tô, và nguyên nhân tại sao kinh nguyện này không bao giờ thất bại; kinh nguyện này bắt nguồn từ ý thức trọn vẹn về sứ mạng và sự chấp nhận thánh ý Chúa Cha. Đây là một cuộc tìm kiếm thánh ý đó. Kinh nguyện cầu xin đích thực, cho dù cầu cho bản thân hoặc cầu cho những kẻ khác, đều nên luôn luôn tìm kiếm một sự thay đổi nơi chính mình hoặc trong thế giới của mình, chứ không phải nơi Thiên Chúa. Chúng ta là những kẻ cần được mở ra, để hoàn toàn đánh giá đúng mục đích yêu thương của Thiên Chúa. Lời cầu xin tạo khả năng cho chúng ta thực sự cầu nguyện: “Xin cho ý Cha được thể hiện, không phải ý con”.

Kinh nguyện “Thánh Thể” được mô tả ở đây không phải là sự chiêm niệm yên tĩnh, an bình, mặc dù kinh nguyện này giúp cung cấp một nền tảng cho điều đó. Sự

an bình phát xuất từ chính Thánh Thể, và được thực hiện trong tinh thần an bình. Việc thực hiện sự an bình ngăn cản chúng ta khỏi rơi vào những thái độ và thói quen ngoại giáo, và kết hợp lời cầu nguyện chung và riêng của chúng ta. Ngay cả lời nguyện riêng của chúng ta vẫn là điều gì đó nên đưa chúng ta ra khỏi bản thân, tạo khả năng cho chúng ta đối đầu với những thực tại của sứ mạng Ki-tô hữu. Đức Giê-su đã đưa ra tấm gương tối cao về điều này. Lời nguyện long trọng nhất của Người được thốt lên, cùng với những cây đinh đóng trong lòng bàn tay và bàn chân của Người, chung quanh là cả một đám đông thù địch; khi chúng ta cứ mong đợi lời nguyện của mình chỉ là một cảm nghiệm an bình và thư giãn về tinh thần mật lạng lẽ với Thiên Chúa, thì chúng ta bỏ lỡ những điều hoàn toàn thuộc về lời cầu nguyện.

XI

ĐÓN RƯỚC THÁNH THỂ TẠI NHÀ

Chúng ta không thể sống cả đời trong nhà thờ. Và điều này không nên gây lo lắng cho chúng ta. Ý tưởng rằng Thánh Lễ là nguồn gốc và đỉnh cao của đời sống Ki-tô hữu chủ yếu bao hàm hai điều:

Trước hết, ý tưởng này bao hàm rằng đời sống hàng ngày mà chúng ta sống suốt tuần mang lại cho chúng ta điều gì đó, để đưa đến phụng vụ cộng đoàn trong các ngày Chúa nhật. Ở đó, chúng ta cử hành thực tại về sự hiệp nhất của chúng ta trong Đức Ki-tô; nếu chúng ta không sống sự hiệp nhất đó một cách ý thức, thì chúng ta sẽ có ít điều quý giá để cử hành. Chúng ta không thể đưa đến bàn thờ một lối sống trần tục, và cử hành Thánh Lễ với tư cách Ki-tô hữu, không khác gì so với những bạn bè và người lân cận ngoài Ki-tô giáo.

Khía cạnh thứ hai là *nguồn gốc*, Thánh Lễ nên chiếm một phần chủ yếu trong từng đời sống Ki-tô hữu. Thánh Lễ nên ảnh hưởng đến cuộc sống sau khi cử hành, sao cho dần dần, tất cả mọi giá trị, lý tưởng và những chọn lựa trong đời sống hàng ngày của chúng ta đều phát xuất từ Thánh Lễ. Một nhịp sống đều được thiết lập bằng cách này. Nhờ cuộc cử hành Thánh Lễ truyền cảm hứng, việc tưởng niệm hành động của Đức Ki-tô có một ảnh hưởng rõ rệt trên từng khía cạnh cuộc sống chúng ta, sao cho tuần tới, chúng ta được chuẩn bị tốt hơn về phẩm chất, để cử hành việc dâng hiến thậm chí lại càng tốt hơn, và được nhiều ơn ích hơn từ sự tiếp xúc với Chúa qua phép bí tích.

Chúng ta được tạo khả năng để tiếp xúc, vì cuộc tìm kiếm của chúng ta đối với Thiên Chúa không phải từ một phía. Thiên Chúa không đứng yên, im lặng và không quan tâm. Người không chỉ đón nhận chúng ta làm dưỡng tử, mà còn chia sẻ với chúng ta chính sứ vụ của Đức Giê-su, Con của Người. Ý thức về việc chúng ta được kêu gọi và lệ thuộc vào Thiên Chúa sẽ làm cho chúng ta phấn khởi đáp lại thách đố của Người. nỗ lực sống một cuộc đời Ki-tô hữu có ý thức càng trở nên dễ dàng hơn, nhờ sự kiện chúng ta được chính Thiên Chúa giúp đỡ trên đường đời. Việc tưởng niệm cái chết và sự sống lại của Đức Ki-tô vốn là cốt lõi của Thánh Lễ đảm bảo cho chúng ta điều đó. Bản chất của một đời sống Thánh Thể thực sự không hệ tại ở sự nuôi dưỡng những ý tưởng riêng trong sự kết hiệp với Thiên Chúa, mà hệ tại ở khả năng liên tục phát biểu rõ ký ức về những giây phút được sự hiện diện của Người soi sáng. Chúng ta là một dân tộc làm chứng cho ân huệ vinh quang mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta qua chính Con của Người.

Trong Kinh nguyện Thánh Thể, chúng ta luôn luôn lặp lại lệnh truyền của Đức Giê-su: “Hãy làm việc này để nhớ đến Thầy”. Câu nói này còn mang ý nghĩa xa hơn là nói rằng chúng ta nên hoàn toàn phát triển những ký ức lịch sử lâu dài (mặc dù điều đó sẽ không gây tác hại). Khi nói rằng Thánh Lễ là sự tưởng niệm Đức Ki-tô, chúng ta thừa nhận rằng thông qua ân huệ và quyền năng của Người, thậm chí ngày nay Thiên Chúa có khả năng đưa chúng ta vào một giây phút trong quá khứ, hiện vẫn còn sống động và có thật. Một sự kiện trong quá khứ vẫn được tạo khả năng để giữ nguyên trạng thái hiện tại và có thật đối với các thế hệ tiếp theo.

Thiên Chúa vẫn có thể thực hiện được công việc vượt quá khả năng hồi tưởng của tâm trí, vì khi Thiên Chúa nhớ lại, thì chính Người hành động. Ở đây, chúng ta quan tâm đến sự nhớ lại tích cực; Thiên Chúa và con người cùng nhau thực hiện việc hoàn tất quá khứ. Qua việc này, chúng ta phải nhận thấy bất cứ điều gì đặc biệt và độc nhất về hiện tại đều thấm nhuần những điều cũng chỉ nằm trong quá khứ. Chúng ta không thể đứng dưới chân thập giá cùng với Đức Maria. Tuy nhiên, chúng ta vẫn được tạo khả năng để tưởng niệm sự kiện này, và biết rằng ngày nay, Thiên Chúa sẽ lập lại cho dân của Người việc mà chính Người đã thực hiện lúc đó. Khi Thiên Chúa tưởng niệm, Người bộc lộ quyền năng của Người. Khi chúng ta tưởng niệm, chúng ta tự xác định mình ở trong hành động giao ước của Đức Ki-tô, bằng cách đáp lại điều mà chính Thiên Chúa đã làm cho chúng ta.

Chúng ta có thể đáp lại như thế nào? Chỉ có thể được bằng cách mỗi ngày thích nghi lối cư xử cụ thể về mặt xã hội, tiêu biểu cho lối cư xử của Thiên Chúa đối với

con người. Chúng ta cố gắng phản ánh lối cư xử này mỗi ngày. Chúng ta truyền đạt hành động của Thiên Chúa cho những kẻ khác, bằng cách làm cho họ những điều mà Người vẫn liên tục làm cho chúng ta. Sự trung thành vâng phục chính là cách tưởng niệm tích cực.

Điều này có nghĩa là Thánh Lễ và đời sống hàng ngày của chúng ta không thuộc về hai phạm trù hoặc lãnh vực tách biệt nhau. Chúng không chỉ có thể so sánh được với nhau, mà còn thuộc về nhau. Nếu cuộc sống hoàn toàn không được như vậy, thì cả hai đều sẽ trở nên tồi tệ. Chủ đề chính của Thánh Lễ và chủ đề chính của tự thân cuộc sống vẫn là một và như nhau. Thánh Lễ không liên quan đến lãnh vực thánh thiêng, trong khi phần chủ yếu của cuộc sống chúng ta lại mang tính thế tục và tầm thường. Thánh Lễ của Đức Giê-su không phải là điều gì đó mà Người chỉ thực hiện buổi tối trước khi Người chịu chết. Thánh Lễ này tiêu biểu và phản ánh toàn bộ cuộc sống hiến thân của Người. Giáo hội có thể làm thế nào để cử hành Thánh Lễ mỗi ngày chỉ trong vòng vài giờ về cuộc đời Đức Giê-su, nếu Thánh Lễ không liên kết với phần còn lại? Thánh Lễ chính là cuộc tưởng niệm Đức Giê-su, là cách thức để giữ sự sống động và cho phép chúng ta chia sẻ toàn bộ cuộc đời của Người. Như đối với Đức Giê-su, cũng vậy đối với chúng ta; nếu Thánh Lễ chỉ là một nghi thức mỗi tuần trong vòng 1 giờ, và không phải là một mảng trong phần còn lại của cuộc đời chúng ta, thì chúng ta là những kẻ dối trá, điên rồ hoặc mắc bệnh tâm thần phân liệt!

Thật dễ dàng sống Thánh Lễ, nếu chúng ta ghi nhớ bốn hoạt động chính của kinh nguyện mà chúng tôi vừa đề cập trong chương trước. Cuộc sống của chúng ta, tất cả

những lời cầu nguyện, lời nói và hành động, lý tưởng, niềm hy vọng và giấc mơ, đều có thể trở thành một phần của cuộc sống thiêng liêng phong phú, nếu chúng ta phấn đấu để trở thành những con người *thờ phượng, cảm tạ, đền bù phạt tạ và cầu xin*. Đây không chỉ là phương cách tốt nhất để sống và cầu nguyện, mà còn nối kết lời cầu nguyện và cuộc sống thành một thể thống nhất.

Chúng ta hãy cùng nhau suy nghĩ về việc thờ phượng và cảm tạ, vì hai việc này liên quan chặt chẽ với nhau. Cả hai đều có nền tảng thuộc về bất cứ đời sống Thánh Thể nào, giúp chúng ta bén rễ vào ý thức rằng Thiên Chúa là Cha, chúng ta là dân tộc đặc biệt của Người, và chúng ta được tái sinh nhờ Đức Giê-su. Đây chính là đức tin đích thực. Đức tin phát xuất từ sự kính sợ và kinh ngạc, từ ý thức rằng chúng ta được đặt trước sự hiện diện đầy yêu thương của Thiên Chúa. Điều này do bởi một nỗi lo lắng liên tục hầu trả lời thách đố của Thiên Chúa, vì ý thức rằng Người vẫn liên tục kêu gọi chúng ta.

Sự đáp lại của chúng ta có thể được ban một lần, và có lẽ được đổi mới trong Thánh Lễ, nhưng cam kết vẫn liên tục. Cuộc sống của chúng ta trở nên mất lòng tin, trừ khi ý thức và việc tưởng niệm mầu nhiệm khôn tả về sự tồn tại Ki-tô hữu của chúng ta biến thành một trạng thái thường xuyên của tâm trí. Ý nghĩa của sự tôn thờ, của Thánh Lễ, chính là sức mạnh của tâm trí, nhằm củng cố sự tỉnh táo của chúng ta, và thanh lọc cách chúng ta đánh giá đúng về mầu nhiệm.

Điều này đặc biệt quan trọng đối với chúng ta ngày nay. Khi nền văn minh phát triển, thì ý thức về sự kinh ngạc và cảm tạ suy giảm. Khoa học có câu trả lời cho tất cả mọi sự. Nhưng sự suy giảm như vậy vẫn là một triệu

chúng đáng báo động đối với tình trạng tâm trí của chúng ta. Nhân loại sẽ không bị diệt vong vì thiếu các sự kiện hoặc mong muốn thông tin, nhưng chỉ vì muốn đánh giá đúng. Bước khởi đầu đối với hạnh phúc của chúng ta hệ tại ở sự hiểu biết rằng cuộc sống mà không biết kinh ngạc và ngợi khen Thiên Chúa thì quả thật là không đáng sống. Việc tưởng niệm Đức Giê-su nên củng cố nơi chúng ta khả năng để phân biệt cách Thiên Chúa đang can thiệp vào cuộc sống chúng ta như thế nào. Cuộc đấu tranh liên tục chính là để sống không phải ở bề ngoài, nhưng với ý thức tích cực về sự hiện hữu của chúng ta trong một vũ trụ có thần thánh. Một trong những mục tiêu của chúng ta là nên trải nghiệm những sự việc hoặc hành động tầm thường vẫn đang diễn ra, như là một phần trong cuộc phiêu lưu thiêng liêng của chúng ta, để cảm thấy tình yêu và sự khôn ngoan của Thiên Chúa vẫn ẩn giấu trong tất cả mọi sự.

Không có cách nào để hiểu điều này như lời giải thích quá đơn giản hóa, trong việc đổ lỗi cho Thiên Chúa về tất cả mọi điều xảy ra trong cuộc đời. Những người làm như vậy thật đáng chúc mừng về lối sống lấy Thiên Chúa làm trung tâm, nhưng họ nên được kêu gọi để thực tế hơn về cách Thiên Chúa hành động như thế nào trong cuộc sống chúng ta. Đức Giê-su đã từng nhắc nhở chúng ta rằng Thiên Chúa là Chúa của kẻ sống, không phải của kẻ chết. Chúng ta có thể đưa điều đó đi xa hơn một bước, và nói rằng sự dữ, nỗi buồn phiền và đau đớn là hậu quả của cái chết, và không có cách nào Thiên Chúa phải chịu trách nhiệm về chúng. Công việc của chúng ta ở đây là gia tăng thực chất của cuộc sống và ân sủng, chứ không chấp nhận cam chịu quá đáng đối với tất cả mọi điều xảy ra.

Sự vận động của trí óc và tâm hồn chúng ta, để ngợi khen và tôn vinh Chúa, để vun trồng lòng biết ơn đối với những hành động của Người trong cuộc sống chúng ta, đều được diễn tả trong Thánh Lễ; như vậy, tự thân Thánh Lễ bắt đầu trở thành một việc tưởng niệm đích thực, một sự hồi tưởng tích cực về tất cả những cách thức mà Thiên Chúa đã can thiệp và vẫn còn tiếp tục can thiệp vào sự hiện hữu của con người chúng ta. Lối sống theo cách này không chỉ giúp chúng ta ý thức hơn về vị trí trung tâm mà Đức Giê-su vẫn có trong cuộc đời chúng ta, nhưng đây còn là nguồn gốc của niềm vui và sự an bình mà chỉ có Thần Khí của Thiên Chúa mới có thể mang lại. Điều này trở thành một lối suy nghĩ, một cơ cấu tham khảo, liên kết cảm nghiệm của chúng ta về cuộc sống, và cho phép chúng ta hội nhập nó vào đời sống Ki-tô hữu của chúng ta. Như vậy, tất cả mọi việc chúng ta làm đều trở thành phương tiện để diễn tả sự lệ thuộc hoàn toàn của chúng ta vào Thiên Chúa, và lòng biết ơn của chúng ta đối với tình yêu mãi mãi tồn tại của Người.

Tôi xin bổ sung thêm vài lời về cách thức cầu nguyện cá nhân. Hiện nay, hầu hết mọi người đều còn cầu nguyện theo cách thức họ vẫn cầu nguyện từ nhiều năm trước. Thỉnh thoảng, một cách cầu nguyện khác sẽ được bổ sung vào hàng loạt dài những lời cầu nguyện đã được thu thập suốt nhiều năm. Đôi khi, tôi nghĩ rằng vẫn tốt đẹp khi chúng ta vứt bỏ tất cả những lời cầu nguyện, và chỉ giữ lại một điều: Thánh Lễ. Vì lúc đó, chúng ta được nhắc nhở rằng Thiên Chúa chính là Đấng bắt đầu câu chuyện; toàn bộ điều mà Người muốn hoặc mong đợi chính là sự đáp lại của chúng ta. Việc cầu nguyện không nên trở thành một sự cậy nhờ lâu dài và tinh vi vào lời nói và tình cảm của những kẻ khác. Phải chăng buổi

sáng, chúng ta không thể dành ra vài phút, để tự hướng mình lên, hầu ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa vì một ngày mới được ban, để chúng ta sống và yêu thương, và thực hiện việc này bằng những lời nói riêng của chúng ta sao? Chúng ta không bao giờ nên e ngại nói với Thiên Chúa bằng tiếng nói riêng của mình. Người nhận ra và yêu thương tiếng nói đó. Cầu nguyện chính là phát triển khả năng điều chỉnh hướng tới Thiên Chúa trong cuộc sống chúng ta, hầu cảm tạ và ngợi khen Người về sự quan Phòng của Người.

Liên kết chặt chẽ với việc này là đào sâu sự hiểu biết của chúng ta về Thiên Chúa, và cải thiện cách thức chúng ta đáp lại Người. Việc đọc sách thiêng liêng vẫn thường được biết đến, đôi khi, người ta nghĩ rằng việc này dành riêng cho các linh mục, tu sĩ và vài linh hồn khác được chọn. Không phải như vậy. Việc này cần thiết đối với tất cả những ai mong muốn đặt cuộc sống của mình trên nền tảng là Thiên Chúa. Khi cố gắng triển khai một chương trình đọc sách thiêng liêng, thật tốt nếu chúng ta nhớ rằng mặc dù nhiều cuốn sách được viết tốt, nhưng chúng ta nên dành ưu tiên cho việc đọc Kinh Thánh. Lời của Thiên Chúa trong Kinh nguyện Thánh Thể có đủ tác động mạnh, để Đức Giê-su trở nên hiện diện về mặt bí tích. Cũng chính Lời Chúa được công bố trong Kinh Thánh mang lại cho chúng ta một tình thân mật tăng thêm, cùng với cách thức Thiên Chúa đã tự mặc khải như thế nào về Người. Nếu các bài đọc ngày Chúa nhật dường như không quen thuộc, không phù hợp và xa lạ với cuộc sống chúng ta, thì có thể bởi vì chúng ta đã ít hội nhập chúng vào cuộc sống bằng bất cứ cách thức nào được duy trì liên tục. Chúng ta vừa không chuẩn bị hoặc suy niệm các bài đọc trong tuần, vừa không đào sâu sự hiểu biết đủ

về bối cảnh sống mà từ đó các bài đọc này được rút ra. Khi chúng ta quen thuộc với các tổ tiên chúng ta trong lòng tin, thì theo bản năng, chúng ta sẽ biết cách làm thế nào để phục vụ Thiên Chúa tốt hơn trong tất cả mọi việc mình làm.

Điều này đưa chúng ta đến với hoạt động lớn thứ ba của kinh nguyện: đền tội và phạt tạ. Giáo hội được xây dựng dựa trên ý thức về sức mạnh mang tính chuộc tội nơi sự chết của Đức Ki-tô. Chúng ta được thực sự cứu chuộc trong máu của Người. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta nên thực tế. Khi ca ngợi Đức Ki-tô: “Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự” (Pl 2:8), chúng ta phải cẩn thận để không hình dung Thiên Chúa là một bạo chúa khát máu. Đức Giê-su đã chủ yếu chấp nhận hai trạng thái: thân phận con người, và một cuộc đời sống vì những kẻ khác, điều này liên quan đến cuộc thương khó và sự chết của Người.

Toàn bộ đời sống con người đều bắt nguồn từ những tình trạng mà có thể chúng ta không nhất thiết đã chọn lựa cho bản thân, nhưng đến khi trưởng thành, chúng ta vẫn chấp nhận và biến thành của mình. Điều này đưa đến những chọn lựa vượt trội. Cũng vậy đối với Đức Giê-su. Khi chấp nhận những hậu quả từ sự chọn lựa của Người – sống vì những kẻ khác – Đức Giê-su đã tự hạ mình, và bộc lộ mức độ tình yêu của Người, bằng cách kiên trì trong chọn lựa này, ngay cả khi rõ ràng điều đó sẽ đưa đến hậu quả là cái chết. “Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình” (Ga 15:13). Cuộc thương khó và sự hy sinh đến với cuộc đời Đức Giê-su, theo sát chọn lựa chủ yếu của Người về một cuộc sống vị tha.

Khi chúng ta cử hành Thánh Lễ, chúng ta đắm chìm vào phép lạ này của tình yêu, và nhận ra điều này như một mẫu nhiệm về lòng trung thành. Ở đây, liên quan đến hai loại sự kiện hàng ngày. Trước hết là hàng loạt sự kiện phát xuất từ những chọn lựa cơ bản mà chúng ta thực hiện trong cuộc đời: Những chọn lựa vượt trội này liên quan đến ơn gọi, lối sống, các giá trị và cam kết mà chúng ta nên có đối với những kẻ khác. Hầu hết đời sống hàng ngày của chúng ta đều là hậu quả của những chọn lựa này. Một loạt sự kiện khác thường liên kết với chúng trong nỗi đau khổ và buồn phiền, những hoài nghi, thất vọng và nản lòng len lỏi vào đời sống hàng ngày. Chước cám dỗ đối với chúng ta, như đã từng xảy ra với Đức Giêsu, là thay đổi khuynh hướng cơ bản của mình, chọn lựa một đời sống và ơn gọi khác, nhằm tránh khỏi phải đau khổ. Lòng trung thành đối với một cuộc sống vị tha không phải lúc nào cũng dễ dàng.

Tuy nhiên, điều quan trọng là hội nhập khía cạnh này của cuộc đời chúng ta vào sự hy sinh của Đức Ki-tô. Cầu nguyện là cách thức dễ dàng nhất để thực hiện việc này, vì chỉ có sự suy niệm và nói chuyện với Thiên Chúa và với các tổ tiên chúng ta trong lòng tin, mới tạo khả năng giúp chúng ta làm cho cuộc sống của mình trở nên có mục đích và giống như Đức Ki-tô, không bỏ cuộc khi ngày sống dần dần trở nên dài ra. Chúng ta tin chắc rằng một cuộc đời sống vì những kẻ khác là bất chước chính Thiên Chúa. Việc tưởng niệm sự sống lại vinh quang của Đức Ki-tô và cộng đoàn Ki-tô hữu được sinh ra từ cạnh sườn của Người chính là những ví dụ chủ yếu, rằng ngay cả nỗi đau khổ vẫn có thể mang tính cứu chuộc như thế nào.

Tuy nhiên, khái niệm về sự đền tội cũng là một khái niệm tạo thuận lợi cho nhiều chọn lựa tinh thần của chúng ta. Khi đương đầu với những chọn lựa đôi khi thật khó khăn, (nếu có thể được) chúng ta thường rút lui vào lề luật hoặc các giới răn. Nếu chúng ta nhìn nhận tất cả những chọn lựa như phát xuất từ chọn lựa cơ bản nhất của chúng ta đối với Đức Giê-su và những kẻ khác, thì việc này sẽ dễ dàng hơn nhiều. Bất cứ điều gì củng cố đường hướng cơ bản đó đều tốt đẹp, trong khi bất cứ điều gì làm suy yếu chọn lựa vượt tội của chúng ta thì đều xấu xa và nên tránh. Cách thức này giúp mang lại ý nghĩa và mục đích ngay cả đối với những lãnh vực nào của cuộc sống dường như cách xa khỏi "giáo hội". Cách thức này cũng giúp hội nhập cuộc sống của chúng ta, sao cho việc thờ phượng và đời sống giống như dòng thủy triều lên và xuống trong cùng một đợt sóng.

Yếu tố cuối cùng của một đời sống Thánh Lễ thực sự là lãnh vực cầu xin. Cuộc đời chính là sứ vụ trung tâm của Thánh Lễ, và đời sống Thánh Lễ thực sự là mối quan tâm chủ yếu của chúng ta. Như tôi đã đề cập trong chương trước, chúng ta nên tránh lối cầu xin giống như dân ngoại, cầu xin bằng bất cứ cách nào để cố gắng vận động Thiên Chúa. Lời cầu xin trong Thánh Lễ giúp chúng ta tránh được tình trạng này, đặc biệt vì lời cầu xin này phát xuất từ ý thức sâu xa về sự thờ phượng và cảm tạ cũng như đền tội. Những mối bận tâm và lối cầu xin quen thuộc của chúng ta bộc lộ mức độ chúng ta hoàn toàn thuộc về Thánh Lễ trong trí óc và tâm hồn.

Lời cầu xin của Đức Giê-su, ngay cả trong giờ phút đau đớn nhất của Người, vẫn hầu như hoàn toàn hướng tới những kẻ khác. Người cầu xin cho lòng tin của các

môn đệ có thể không bị sa ngã, và các ông có thể chấp nhận hận thù và phản đối; Người tha thứ cho những kẻ hành quyết Người, và cầu xin cho tất cả chúng ta có thể nên một với nhau. Đây là một lời cầu nguyện đầy tin tưởng, bắt nguồn từ sứ vụ của Đức Giê-su như là tôi tớ phục vụ. Chúng ta cần phải học hỏi để bắt chước không chỉ nội dung lời cầu nguyện của Đức Giê-su, mà còn thực tại của lời cầu nguyện đó nữa. Đức Giê-su không cầu nguyện cách xa ở nơi kín đáo nào đó, và mong đợi câu trả lời đến từ thiên đàng giống như mưa rơi. Người nỗ lực trong lời cầu nguyện; Người trở thành một phần của những điều mà Người cầu xin. Thánh Gia-cô-bê đã đạt được sự thấu hiểu này bằng những từ ngữ giản dị hơn, khi ngài nói với chúng ta rằng nếu chúng ta nhìn thấy một người anh em hoặc chị em không có áo che thân, hoặc không đủ của ăn hàng ngày, thế mà toàn bộ lời cầu nguyện của chúng ta vẫn bao hàm trong điều này: "Hãy đi bình an, mặc cho ấm và ăn cho no", nhưng lại không cho họ những thứ thân xác họ đang cần, thì nào có ích gì? (Gc 2:14-17).

Tương tự như vậy đối với chúng ta, những kẻ ý thức về nhu cầu của thế giới. Thật dễ dàng để cầu nguyện cho nền hòa bình thế giới, hoặc cho những kẻ đói khát thuộc Thế giới Thứ Ba. Nhưng nếu lời cầu nguyện này được thực hiện trong sự cách biệt của một căn phòng có gắn máy điều hòa thật huy hoàng, và chúng ta lại không hề làm gì cụ thể để thay đổi tình trạng này, thì lời cầu nguyện của chúng ta hoàn toàn không có sức sống. Thánh Lễ cho chúng ta thấy rằng Đức Giê-su trở thành một phần rất lớn trong lời cầu nguyện của Người. Điều này cũng cho thấy rằng mối quan tâm đối với những kẻ khác là một phần thuộc về một cuộc sống hoàn toàn hội nhập, một cuộc sống thuộc về Thánh Lễ.

Các việc đạo đức truyền thống khác đều quan trọng, và có lẽ nên nói thêm về chúng. Tuy nhiên, tất cả các việc đạo đức này đều chỉ là phương tiện, không bao giờ kết thúc nơi bản thân chúng. Chúng ta nên sử dụng các việc đạo đức nào cần thiết để thực sự sống Thánh Lễ, với nhận biết rằng một đời sống Thánh Lễ đích thực là đời sống liên kết chúng ta với Đức Giê-su trong giờ phút cuối cùng của Người, với hai cánh tay mở rộng, như để ôm lấy cả thế giới mà vì họ Người đã sống và chết, với nhận biết rằng chúng ta có một phần để đóng góp vào sự vụ đó. Việc chấp nhận điều này chính là cách thức để giữ cho Thánh Lễ sống động, và làm cho Thánh Lễ trở thành nguồn gốc và đỉnh cao của đời sống Ki-tô hữu đích thực.

XII

SÓNG MỘT ĐỜI SỐNG THÁNH LỄ

Thánh Cyril thành Alexandria đã từng nói: “Cơ bản, Thánh Lễ là một thắng lợi – thắng lợi của một Đấng vắng mặt để trở nên hiện diện trong một thế giới che giấu Người”. Thánh Lễ là phương cách mang tính bí tích, mà chính Đức Giê-su đã lập ra, để trỗi vượt thời gian và không gian. Trong những ngày thắng cuộc đời trần thế của Đức Giê-su, Người đã hiện diện bằng thân xác. Sự hiện diện thể lý của Người là một thực tại có thể xác minh về mặt lịch sử, và trong sứ vụ công khai, Người vẫn đi khắp đó đây thực hiện những điều tốt lành ở địa điểm này hoặc địa điểm kia. Toàn bộ điều đó kết thúc khi sự tồn tại về mặt con người của Đức Giê-su đã bị tiêu diệt trên núi Can-va-ri-ô. Chính Thánh Lễ đảm bảo rằng sự hiện diện của Đức Giê-su giữa chúng ta sẽ không chấm dứt. Tuy nhiên, khả năng chiến thắng của Đức Giê-su qua các thời đại không mang tính tự động. Điều này tùy thuộc lớn vào việc chúng ta có để cho Người chiến thắng hay không, mà vì thế, Người đã chết và sống lại.

Tất cả chúng ta đều đã từng có lúc này hay lúc khác suy nghĩ về Thánh Lễ, và tự hỏi Đức Giê-su có thể hiện diện trong một mẩu bánh hoặc một chén rượu như thế nào. Bất kể tất cả mọi điều mà chúng ta đã được dạy dỗ về sự hiện diện đích thực của Đức Giê-su, đôi khi, chúng ta vẫn bối rối, vì không có khả năng chúng tỏ hoặc thậm chí tưởng tượng sự hiện diện này có thể ra sao. Những hoài nghi và sợ hãi xuất hiện. Và sau Công đồng Vatican II, sự hiện diện Thánh Thể của Đức Giê-su dường như vẫn không được đoan chắc lại. Chúng ta có thể làm gì để đào sâu sự hiểu biết và đánh giá đúng về sự hiện diện thật đáng ngạc nhiên của Đức Ki-tô?

Điều quan trọng cần ghi nhớ rằng Thánh Thể không có gì là ma thuật. Chúng ta nên cẩn thận tránh suy nghĩ rằng Đức Giê-su đang ở tuốt trên thiên đàng, và chịu sự sai khiến của từng linh mục dâng Thánh Lễ. Trong lúc và nhờ vào Kinh nguyện Thánh Thể, Đức Giê-su không đột nhiên trở nên hiện diện tại nơi mà Người không hề hiện hữu trước đó; Người không xuất hiện trong khoảng không; Người không nhảy từ thiên đàng xuống trái đất. Nói đúng hơn, sự hiện diện Thánh Thể của Người được xác định trong toàn thể mạng lưới các mối quan hệ, một ma trận của các sự hiện diện được nối kết với nhau trong và vì cộng đoàn. Chúng ta thực sự quy định khả năng và thực tại đối với sự hiện diện của Đức Ki-tô trong thế giới này, tùy thuộc vào chiều sâu và thực tại của cuộc đời nên giống Đức Ki-tô của chúng ta. Chúng ta có thể cản trở hoặc thúc đẩy chiến thắng của Người.

Đối với một số người, Công đồng Vatican II cũng như thông điệp của đức Giáo Hoàng Pha-olô VI về Thánh Thể đã lẫn lộn vấn đề, khi giới thiệu thuật ngữ mới. Trong

nỗ lực làm sáng tỏ bản chất sự hiện diện Thánh Thể của Đức Giê-su, Công Đồng và đức Thánh Cha đã nhắc nhở chúng ta rằng có nhiều sự hiện diện “đích thực” khác của Đức Ki-tô trong thế giới. Nói cách khác, có những phương cách khác nhau mà trong đó, Đức Giê-su hiện diện đối với chúng ta, và tất cả những sự hiện diện này đều liên quan đến Thánh Thể, trong đó, tất cả các kiểu hiện diện đều đồng quy, hành động và sự hiện diện mang tính bí tích của Đức Giê-su trội vượt hơn cả.

Việc nói về những cách thức khác mà qua đó, Đức Ki-tô “thực sự” hiện diện không nên làm cho chúng ta nghĩ rằng sự hiện diện Thánh Thể ít thực sự hơn bất cứ cách thức nào. Bản thân giáo hội hoàn toàn mong muốn chúng ta càng ngày càng đánh giá đúng sự phong phú và nét đẹp của điều mà chúng ta có thể gọi là *toàn bộ* mầu nhiệm thần tính của Đức Giê-su trong giáo hội của Người. Chúng ta đang đối xử bất công đối với mầu nhiệm, nếu chúng ta chia mầu nhiệm thành từng ngăn, hoặc rút gọn mầu nhiệm thành bất cứ yếu tố cấu thành nào, như: Thánh Lễ, Rước lễ hoặc sự Hiện diện Đích thực. Cách thức giới hạn sự hiểu biết của chúng ta đối với sự hiện diện của Đức Giê-su trong Phép Thánh Thể thành một hình thức hiện diện cục bộ cũng là quá hạn chế và tĩnh lặng. Sự hiện diện Thánh Thể còn vượt khỏi lối nói rằng Đức Giê-su “ở đó” trong bánh thánh hoặc nhà tạm, để nhận ra rằng chúng ta đang nói đến việc tiếp xúc với chính Chúa sống động, với thân thể và máu thánh. Đây là một cuộc gặp gỡ cá nhân với Đức Ki-tô sống lại, và như vậy, điều này cũng đòi hỏi sự hiện diện và đáp lại của chính chúng ta.

Thánh Thể là ân huệ của Đức Giê-su đối với anh chị em Người, các chi thể của thân thể Người, giáo hội. Ân

huệ này được dành cho những ai mà Người đã ngự trong họ nhờ Thần Khí của Người. Đây là đỉnh cao của tất cả những kiểu hiện diện khác. Sự hiện diện được ban, để nuôi dưỡng sự sống vốn đã bắt đầu. Kết quả, có một hoạt động hỗ tương diễn ra. Tất cả những kiểu hiện diện khác nhau đều cùng hội tụ trong Thánh Thể. Chúng triển nở trong đó, vì chúng được chính Thánh Thể nuôi dưỡng, và vì chúng chỉ có ý nghĩa khi được truyền sức sống nhờ cuộc gặp gỡ cá nhân với Chúa sống lại, mà chỉ duy nhất Thánh Thể mới có thể thực hiện.

Mặc dù các tài liệu của giáo hội có thể liệt kê nhiều cách thức mà trong đó, Đức Giê-su tiếp tục phục vụ Nhiệm thể của Người, nhưng chúng ta hãy tách biệt ba tài liệu liên quan chặt chẽ hơn đến việc cử hành Thánh Lễ hiện nay. Bằng cách này, chúng ta có thể nhận thấy chúng có liên quan và phong phú hóa nhau như thế nào, và cuộc sống của chúng ta có thể trở nên mang tính cách Thánh Thể hơn ra sao, theo ý nghĩa đầy đủ nhất của từ này.

Khi nói về sự hiện diện của Đức Giê-su, chúng ta không thể nhấn mạnh một cách đầy đủ rằng đây là sự hiện diện được *ban tặng*. Sự hiện diện này được ban cho những ai quy tụ để cử hành mầu nhiệm của giáo hội đang tồn tại của họ. Bí tích của sự hiệp thông và rước lễ thiêng liêng còn quan trọng hơn nhiều, so với chỉ có trạng thái gần gũi về thể lý. Sự gần gũi mang tính bí tích và việc Rước lễ thực sự trong quá trình phụng vụ không kết thúc nơi chính việc này; mà nhằm nuôi dưỡng sự sống nội tâm của những ai đón rước. Để nhấn mạnh tầm quan trọng và sự cần thiết của một cộng đoàn có lòng tin, cần liên kết sự hiện diện của Đức Giê-su với việc quy tụ trong lòng tin,

nhằm gia tăng chiều sâu sự kết hiệp của họ với Người bằng cách này. Đức Giê-su đã hiện diện trong những ai quy tụ nhân danh Người. Đức tin của cả nhóm, và mong ước của họ để thực sự *trở thành* Nhiệm thể Đức Ki-tô, đó chính là khía cạnh chủ yếu trong Thánh Lễ.

Sự hiện diện của Đức Ki-tô trong cộng đoàn là kết quả cụ thể của phép rửa. Nhiều năm trước đây, Thánh Augustinô đã hiểu được thực tại này một cách sinh động. Trong bài giảng thứ 272 của ngài, thánh nhân đã nói: “Nếu bạn là Nhiệm thể Đức Ki-tô và chi thể của Người, thì chính mầu nhiệm của bạn được đặt trên bàn thờ của Chúa; bạn đón rước chính mầu nhiệm này. Bạn thưa ‘A-men’ ngay với hiện trạng của mình”. Các chi thể của thân thể Đức Ki-tô không chỉ liên kết với nhau, nhưng chính cuộc sống của họ còn phát xuất từ hơi thở của Thần Khí Đức Giê-su. Có một mối quan hệ hỗ tương giữa thân thể này và Thánh Thể, vốn vừa là dấu hiệu của sự hiệp nhất trong Chúa, cũng vừa là bối cảnh mà trong đó, sự hiệp nhất này được thể hiện và đào sâu.

Trích dẫn từ Thánh Augustinô phục vụ để nhắc nhở chúng ta rằng có một khía cạnh “ít nhiều” trong phần hiện hữu của chúng ta thuộc về Nhiệm thể Đức Ki-tô. Chúng ta đều biết rằng cuộc đấu tranh để “mặc lấy Đức Ki-tô”, như thánh Phao-lô vẫn nói, là một cuộc đấu tranh suốt đời; không bao giờ kết thúc. Chính xác ở đây, sự hiện diện Thánh Thể của Đức Ki-tô thôi thúc chúng ta, thách đố chúng ta đáp lại một cách đầy đủ hơn đối với mầu nhiệm vốn thuộc về chúng ta. Nếu đức tin của chúng ta yếu kém, và phẩm chất cuộc sống chúng ta chỉ vừa đủ giống Đức Ki-tô, thì sự hiện diện của Đức Giê-su bên trong sẽ không rõ ràng lắm. Mặt khác, khi chúng ta phát

triển nên giống Đức Ki-tô, và đưa đến Thánh Lễ một sự hiện diện đầy-lòng tin, thì Đức Ki-tô Thánh Thể sẽ càng ngày càng biến thành thân xác bên trong chúng ta. Chúng ta sẽ thưa “A-men” đối với một thực tại hữu hình mà tất cả mọi người đều nhìn thấy; chúng ta sẽ trở nên hoàn toàn nên một với Đức Ki-tô hơn.

Nếu sự hiện diện của cộng đoàn Đức Ki-tô là chủ yếu đối với việc cử hành Thánh Lễ trọn vẹn, thì trong đó có một kiểu hiện diện khác, đó là sự hiện diện của Đức Giê-su nơi con người của vị linh mục điều khiển cộng đoàn. Đây là một kiểu hiện diện thú vị, vì nó thúc đẩy chúng ta tự hỏi về ý nghĩa của việc phục vụ tại bàn thờ. Trong thời kỳ đại kết, dường như điều khiến người ta quan tâm nhất về vấn đề này, đó là vị linh mục có được truyền chức hợp lệ hay không. Vị linh mục có quyền mang lại sự biến thể hay không? Trong khi chúng ta không phủ nhận cả tầm quan trọng lẫn sự cần thiết của việc truyền chức trong cộng đoàn giáo hội, chúng ta vẫn không thể thỏa mãn với nền thần học về quyền hạn (“Người nào có quyền làm điều đó với ai?”). Lối suy nghĩ về quyền hạn hoặc tính hợp lệ có thể đưa đến hậu quả là một nền thần học và lối sống thiêng liêng với những từ ngữ và cách diễn tả khá xa lạ với bối cảnh sống động của chúng, như cách diễn tả của giáo hội.

Nếu Đức Ki-tô thực sự hiện diện nơi vị linh mục tại bàn thờ, thì giống như người đại diện được ủy quyền chính thức của tình bằng hữu toàn cầu trong lòng tin là giáo hội, điều này có nghĩa vị linh mục chính là dấu hiệu hữu hình vừa của cả cộng đoàn có lòng tin, vừa của chính Đức Ki-tô, Đấng đứng đầu cộng đoàn đó. Đặc biệt vị linh mục còn là một dấu hiệu thực sự của Đức Giê-su, Đấng

vẫn tiếp tục quy tụ những kẻ thuộc về Người lại với nhau, để chia sẻ trong bữa tiệc của Người.

Nền thần học Công Giáo vẫn có truyền thống nói rằng vị linh mục hành động *in persona Christi*, trong con người của Đức Ki-tô. Đây là một lời phát biểu về nhiều phương diện. Vì vị linh mục đứng tại bàn thờ không chỉ với tư cách là người đại diện của cộng đoàn, mà còn như một dấu hiệu sống động của Đức Ki-tô, làm cho hai hoặc ba người có thể quy tụ nhân danh Người. Khả năng chủ tọa này phát xuất từ phần còn lại của một cuộc sống cũng song song với cuộc sống của Đức Giê-su. Do công việc bình thường của vị linh mục trong giáo xứ hoặc cộng đoàn, nên vị linh mục là phương tiện bình thường của việc chia sẻ lòng nhân lành và thương xót của Đức Ki-tô. Một khi đã rèn luyện một cương vị chủ tọa của lòng bác ái giữa dân chúng, như Đức Giê-su đã từng làm, khi vị linh mục chuyển từ những mối quan tâm của cuộc sống hàng ngày trong giáo xứ, sang việc nói kết phụng vụ trong lời nguyện chung của cùng cộng đoàn này, thì ngài thực hiện như vậy với tư cách là người phản ánh việc tiếp tục phục vụ anh em của chính Đức Ki-tô.

Toàn bộ điều này là một phần kinh nghiệm của giáo hội. Vị linh mục không hành động như một người độc diễn, xa cách và dễ dàng tách rời khỏi cộng đoàn mà ngài đã được truyền chức vì họ. Quyền hạn của vị linh mục là khả năng nói kết thực tại của đời sống cộng đoàn, và cũng là mối quan hệ của Đức Ki-tô với cùng cộng đoàn đó. Tại bàn thờ, vị linh mục cử hành theo nghi thức tất cả các mối quan hệ liên kết Đức Ki-tô với thân thể của Người và các chi thể với nhau và với chính Đức Ki-tô. Vị linh

mục không bao giờ hành động với tư cách là một cá nhân riêng biệt.

Vì thế, không thể tách rời sự hiện diện Thánh Thể của Đức Ki-tô khỏi hai kiểu hiện diện này. Vì giáo hội chính là thân thể Đức Ki-tô, mà sự hiện diện Thánh Thể của Người có ý định nuôi dưỡng, và Người vốn đã hiện diện trong đó nhờ lòng tin và tình yêu, cũng như nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần. Cũng vậy, vị linh mục là người chủ tọa và hợp nhất cộng đoàn; Đức Giê-su sử dụng ngài để quy tụ dân của Người dưới cánh tay Người, và tiếp tục công việc cứu độ của Người xuyên suốt lịch sử. Tuy nhiên, khi vị linh mục và cộng đoàn quy tụ, chúng ta ý thức được một cách thức chủ yếu thứ ba, mà trong đó, Đức Giê-su cố gắng hoàn tất chiến thắng của Người trên thế gian: Đức Ki-tô cũng hiện diện trong Lời Chúa mà Người loan truyền.

Trong phụng vụ, vị trí cao quý được dành cho Lời Chúa trong Kinh Thánh và trong Kinh nguyện Thánh Thể. Vì lý do này, Công đồng Vatican II khẳng định rằng tất cả những tác phẩm nào không phải là Kinh Thánh đều chỉ được sử dụng để phối hợp, củng cố hoặc giải thích những tư tưởng của các đoạn Kinh Thánh mà thôi. Điều này là vì phụng vụ sử dụng Kinh Thánh dưới ánh sáng của Đức Ki-tô, nghĩa là phụng vụ coi Đức Giê-su như Đấng kiện toàn và tột đỉnh của lịch sử cứu độ, và như bí quyết để hiểu được toàn bộ mặc khải.

Sau khi Kinh Thánh được công bố, chúng ta được mời gọi ngợi khen Thiên Chúa, vì chúng ta vừa chia sẻ lời của Người. Kinh Thánh tương tự như một hồ sơ về cách đáp lại của nhân loại đối với việc tự mặc khải của Thiên Chúa, được cung cấp thông qua các thời kỳ. Kinh

Thánh chính là lời của Thiên Chúa, vì Kinh Thánh bộc lộ sự đáp lại của con người trong lòng tin đối với lời mặc khải này. Sự đáp lại của chúng ta áp dụng Lời Chúa, và mang lại chúng từ cho Lời Chúa, bằng cách dành cho Lời Chúa cách diễn đạt sống động. Đây là một bằng chứng quan trọng đối với sức mạnh và sự hiện diện của Chúa Thánh Thần, Đấng hướng dẫn cuộc tìm kiếm của chúng ta.

Tuy nhiên, sự hiện diện của Đức Ki-tô trong Lời Chúa không kết thúc khi vị linh mục chấm dứt bài giảng. Việc nhận định nhiều nhất về lời cứu độ của Thiên Chúa phải diễn ra trong cam kết triệt để của giáo hội đối với Thiên Chúa, mà chúng ta gọi là Kinh nguyện Thánh Thể. Cùng với việc công bố Lời Chúa trong Kinh Thánh, đây là cụm từ ăn khớp, kết thúc việc chúng ta tôn vinh ơn Cứu độ.

Cuộc gặp gỡ của chúng ta với Đức Ki-tô trong Thánh Lễ chỉ có thể thực hiện trong Kinh nguyện Thánh Thể, lời "cảm tạ" là một từ được phát biểu trong Đức Ki-tô, cũng như một từ mà thân thể giáo hội của Người vẫn phát biểu. Chính Chúa hành động trong lời này qua quyền năng của Chúa Thánh Thần. Trong khi và nhờ vào Kinh nguyện Thánh Thể, mà sự hiện diện mang tính bí tích của Đức Ki-tô đạt hiệu quả. Sự thấm nhập hiệu quả của lời này và của Chúa Thánh Thần trong Thánh Lễ bao gồm toàn bộ cuộc sống đức tin của chúng ta. Chúng ta phấn đấu để trung thành với lề luật tình yêu của Thiên Chúa, vì chúng ta được Lời Chúa tác động. Nhờ Chúa Thánh Thần, hiệu quả của Lời Chúa ăn khớp với đời sống hàng ngày của chúng ta, trong việc chúng ta sống thực sự

cuộc đời Đức Ki-tô một cách đầy đủ hơn qua từng giây phút của cuộc đời.

Đây là lý do tại sao chúng ta có thể gọi Thánh Lễ là bí tích của đức tin, không phải vì chúng ta cần đến nhiều đức tin để tin tưởng vào Thánh Lễ, nhưng chính vì đức tin gọi lên và làm cho tất cả mọi sự mà Thánh Lễ diễn đạt đều trở nên có ý nghĩa. Rõ ràng sự hiện diện Thánh Thể của Đức Ki-tô cũng không phải là sự xuất hiện đột ngột tại chỗ, nơi mà trước đây Người vẫn vắng mặt. Người vốn dĩ đã hiện diện trong cộng đoàn, nơi vị linh mục và trong lời của Người. Sự hiện diện của Người càng được làm nổi bật và tạo khả năng, để trở nên thực tại cứu độ của thân thể và máu Người, đã được dâng lên trên thánh giá để cứu độ chúng ta.

Tại sao Đức Giê-su tự hiến thân cho chúng ta bằng một cách thức trọn vẹn và hoàn toàn đến thế? Để khơi dậy một sự trọn vẹn tương ứng nơi mỗi người chúng ta. Người mong muốn chúng ta làm cho Người hiện diện trong một thế giới vẫn che giấu Người về mặt khác.

Điều này soi sáng một sự cân nhắc quan trọng, một điều mà người ta vẫn thường bỏ qua. Khi suy nghĩ về sự hiện diện Thánh Thể đích thực của Đức Ki-tô, chúng ta không thể không ý thức rằng Người không thực sự ở giữa chúng ta, theo cách thức mà con người vẫn hiện diện đối với nhau. Đức Ki-tô lịch sử thực sự vắng mặt; tuy nhiên, Người vẫn có khả năng sử dụng thế giới bí tích của người, để chinh phục khoảng cách tách biệt trạng thái sống lại với trạng thái của cơ thể Người trên trái đất. Sự hiện diện mang tính bí tích của Người là một hình thức hiện diện liên chủ thể, sự hiện diện của một người này đối với một kẻ khác. Sự hiện diện này nhất thiết đòi hỏi sự đáp lại của

tín hữu, vì sự hiện diện này có ý định làm cho họ trở thành những khí cụ của ơn Cứu độ với khả năng đầy đủ của họ.

Theo ý nghĩa này, thì sự hiện diện của Đức Giê-su được dành cho chúng ta, và chờ đợi một sự đáp lại từ phía chúng ta, một sự chấp nhận, nhìn nhận của tình yêu và đức tin. Nếu không có điều đó, thì sự hiện diện này giống như một bàn tay đưa ra với tình hữu nghị, mà vẫn không bao giờ được siết chặt. Không có cuộc gặp gỡ đích thực nào xảy ra giữa Đức Giê-su và chúng ta, trừ khi cộng đoàn và mỗi người chúng ta đều nhận ra Chúa trong bí tích Thánh Thể, và đánh giá đúng mục đích sự hiện diện liên tục của Người trong thế giới chúng ta. Cuộc gặp gỡ này mà Đức Giê-su tìm cách mang lại chính là cốt lõi của mẫu nhiệm Thánh Thể.

Bất cứ điều gì thiếu cuộc gặp gỡ người-với-người, đều giáng cấp sự hiện diện của Đức Ki-tô thành một hình thức hiện diện cục bộ. Điều này không khác gì việc kẻ vai sát cánh với một kẻ xa lạ trong đường ngầm. Người ta cũng có thể đứng bên cạnh một cái thùng bao bì. Đức Giê-su chờ đợi sự nhìn nhận và đáp lại của chúng ta. Sự đáp lại này không được chứng minh bằng những cảm giác ấm áp hoặc những biểu thị bên ngoài về mặt đạo đức hoặc sùng kính. Nói đúng hơn, sự đáp lại được chứng tỏ bằng thái độ tự do và hoàn toàn chấp nhận lề luật của giao ước mới. Điều này nói lên rằng đức tin của chúng ta đủ sống động và tích cực, để chúng ta sống như Đức Giê-su đã từng sống, và yêu thương nhau như Người vẫn yêu thương chúng ta. Sự hiệp thông diễn ra giữa Đức Giê-su và chúng ta ngay trong cuộc gặp gỡ này chính là cách thức cử hành giao ước của Ki-tô hữu.

Đôi khi, những thực tại này xứng đáng để chúng ta suy nghĩ. Một đời sống Thánh Thể đích thực, đặt Đức Giê-su làm trung tâm, không bao giờ có thể thỏa mãn với chỉ một tầm nhìn từng phần đối với mầu nhiệm đức tin. Sự hiểu biết và soi sáng những cách thức khác mà trong đó, Đức Ki-tô thực sự hiện diện thật quan trọng đối với chúng ta, vì tất cả những cách thức này là một phần trong toàn bộ uy quyền của Đức Giê-su đối với giáo hội của Người.

Ngoài ra, việc bỏ qua những kiểu hiện diện khác nhau của Đức Ki-tô có thể khiến chúng ta cứ nhấn mạnh vào một sự hiện diện không có lợi cho những kẻ khác. Tuy nhiên, khi chúng ta tôn vinh tất cả những cách thức mà Đức Giê-su vẫn tiếp tục điều khiển dân của Người, thì chúng ta nhận thấy sự hiểu biết của chúng ta về mỗi cách thức hiện diện càng phát triển và đào sâu, tạo khả năng cho chúng ta đáp lại đầy đủ hơn đối với chính Phép Bí tích. Chẳng hạn, chúng ta phải ngăn ngừa cẩn thận, để không sử dụng toàn bộ cách tôn kính và hiến dâng cho Đức Ki-tô hiện diện trong Phép Thánh Thể, trong khi chúng ta lại không hề tôn kính sự hiện diện của Người nơi các anh chị em của chúng ta, những kẻ mà Người cũng hiện diện trong đó. Sự hiện diện Thánh Thể không phải là đối tượng hoặc con người nào đó mà chúng ta giữ lại và tôn thờ; đây là một phần trong toàn bộ thực tại về sự hiện diện của Đức Ki-tô đối với dân của Người – một khái niệm phong phú hơn nhiều.

Một ích lợi khác là ý thức này nhắc nhở chúng ta về *mục đích* sự hiện diện của Đức Ki-tô. Sự tiếp xúc đích thực, liên chủ thể mà Đức Giê-su hy vọng gọi lên và duy trì, vẫn là điều gì đó mà chúng ta phải cộng tác vào. Chủ

yếu là sự tham gia của cá nhân chúng ta vào mầu nhiệm. Chúng ta được đưa đến diện-đối diện với Đức Ki-tô, giống như các tín hữu tiên khởi hoặc bất cứ kẻ nào được nhìn thấy hoặc nghe nói đến Người, khi Người đi trên các đường phố Palestine. Những cách thức đáp lại của chúng ta có thể đa dạng giống như của họ. Có thể chúng ta phớt lờ Người, chọn lựa những điều chúng ta ưa thích, hoặc chúng ta tự cam kết hoàn toàn dành cho Người bằng cách thức đáp lại đầy yêu mến. Đây chính là cách đáp lại trọn vẹn mà Đức Ki-tô vẫn tìm kiếm và mong muốn. Nếu không, thì việc duy trì bí tích sự sống cứu độ của Người vẫn sẽ là một ý tưởng tuyệt vời, nhưng lại không thực hiện được.

Trong việc phân tích cuối cùng, khi chúng ta hỏi Đức Giê-su làm thế nào để chinh phục khoảng cách tách biệt trạng thái vinh quang của Người với chúng ta, và Thánh Thể có thể trở thành một thắng lợi như thế nào đối với một Đấng vắng mặt, để rồi vẫn hiện diện trong một thế giới che giấu Người, thì chúng ta biết rằng chúng ta là những kẻ có thể tạo thuận lợi hoặc gây cản trở đối với thắng lợi sau cùng. Sự hiện diện Thánh Thể của Đức Ki-tô chính là cốt lõi của giáo hội. Nhưng điều này sẽ chỉ trở thành một sự hiện diện mang tính cứu chuộc đối với chúng ta, nếu chúng ta chấp nhận và sống toàn bộ mầu nhiệm của cuộc đời Đức Ki-tô. Chỉ bằng cách này, giáo hội sẽ trở thành sự hiện diện của Đức Ki-tô trong thế giới.

XIII

TẤM BÁNH CHO THẾ GIỚI MỚI

Tình trạng trật tự (hoặc mất trật tự) của thế giới hiện hành trái ngược với các giá trị của Thánh Lễ. Hoàn cảnh nghèo nàn, đói khát và đau khổ là các sự kiện kém may mắn trong cuộc đời đối với hầu hết dân cư của thế giới. Các hệ thống trên thế giới đều khai thác một cách tham lam, trong khi Thánh Lễ lại bao hàm sự chia sẻ yêu thương. Các mối quan hệ trên thế giới phá hủy con người và các dân tộc, trong khi Thánh Lễ lại xây dựng cộng đoàn. Thế giới phân biệt chủng tộc, trong khi Thánh Lễ lại mang tính phổ quát. Tình hình quốc tế được đánh dấu bởi sự thống trị ngạo mạn, trong khi Thánh Lễ lại là bí tích của sự phục vụ khiêm tốn.

Tám bánh Thánh Thể có ý định dành cho muôn người; trên thế giới, bánh chỉ là một sản phẩm để buôn bán. Chúng ta có thể tiếp tục cử hành Thánh Lễ, và vẫn không quan tâm đến tình cảnh nghèo nàn và bất công trong đất nước và trên thế giới được không? Có phải đây là điều Đức Giê-su mong muốn chăng?

Ngày nay, Thánh Lễ đòi hỏi quá ít nơi con người. Thánh Lễ sẵn sàng tạo thoải mái; Thánh Lễ ít can đảm đề thách đố. Thánh Lễ ít có khả năng để bẻ gãy tính tự mãn, đập tan thói nhần tâm.

Có lẽ rắc rối là Thánh Lễ đã biến thành “tôn giáo” – thể chế, giáo điều, sự an toàn. Thánh Lễ không còn là một *sự kiện* nữa. Việc cử hành Thánh Lễ không liên quan đến rủi ro cũng như căng thẳng. Thánh Lễ trở nên chính thống; Thánh Lễ đã đạt được sự tôn trọng. Thánh Lễ không còn là hàng loạt các sự kiện; Thánh Lễ là thông lệ. Tính cách độc đáo bị kiềm chế, và sự lập đi lập lại thắng thế. Tính cách quý giá tột bậc nơi sự hiện hữu của chúng ta biến mất, trừ khi chúng ta đổi mới ý thức của mình về ý nghĩa của Thánh Lễ. Cuộc sống Ki-tô hữu trở nên vô nghĩa.

Một trong các vấn đề chủ yếu của thời đại là: tình trạng trống rỗng trong tâm hồn, sự nhạy cảm trước tiếng gọi của Chúa Thánh Thần bị giảm bớt, sự sụp đổ về thách đố giữa lãnh vực truyền thống và thế giới nội tâm của cá nhân. Chúng ta không biết cách làm thế nào để suy nghĩ, cầu nguyện, khóc lóc, hoặc kháng cự, trước sự dối trá của cuộc sống phù hợp với các giá trị và lối sống của thế giới chung quanh chúng ta. Thánh Lễ nên phản ứng lại tình trạng tầm thường hóa đối với sự hiện hữu. Như vẫn thế, vì liên quan đến mối quan hệ của chúng ta với Đức Giê-su

và với nhau, Thánh Lễ nên mang lại cho chúng ta cảm giác sống trong các mối quan hệ cơ bản. Thánh Lễ nên dạy cho chúng ta cách làm thế nào để đứng vững một mình mà vẫn không cô độc; Thánh Lễ nên mạc khải về Thiên Chúa như một nơi nương tựa và sức mạnh, không phải như một vỏ bọc an toàn.

Thánh Lễ chống lại sự hạ giá con người. Đức Giê-su cho chúng ta thấy rằng chúng ta có khả năng hy sinh, kỷ luật, can đảm về mặt tinh thần và thiêng liêng. Chúng ta có khả năng cam kết cơ bản. Sự cam kết cơ bản này bao gồm ý thức rằng chúng ta chịu trách nhiệm về tất cả những hành động của mình, về việc chúng có tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn hay không. Chúng ta phải ý thức rằng chúng ta có nghĩa vụ đối với những điều mình mắc nợ. Chúng ta cần có khả năng hoán cải và hối lỗi. Chúng ta nên tin rằng cuộc đời nào không phục vụ Thiên Chúa và người lân cận thì thật đáng xấu hổ. Vâng, Thánh Lễ kêu gọi chống lại việc tầm thường hóa sự hiện hữu. Ai sẽ nghe được tiếng kêu của Thánh Lễ?

Một số người bị ngăn cản không nghe được tiếng kêu của Thánh Lễ, vì họ vẫn còn giao Thánh Lễ cho giáo hội và thánh đường, một nơi nương tựa thánh thiêng trong một thế giới trần tục. Thánh Lễ nối kết chúng ta với Đức Giê-su và sự hy sinh Vượt qua của Người; Thánh Lễ là nguồn ân sủng, là cách thờ phượng cá nhân của chúng ta đối với Chúa Cha. Thánh Lễ liên quan gì đến thế giới bên ngoài? Vì sự phản kháng – và bất mãn – thường theo sau bất cứ điều gì được đề cập trên tòa giảng về các mối quan hệ chủng tộc, chính trị hoặc sự công bằng xã hội. Trên thực tế, các nhà thờ nào nhấn mạnh vào sự trội vượt về mặt xã hội, đều chỉ tiến hành vừa đủ hoạt động của họ

trong 20 năm qua. Mặt khác, các nhà thờ nào có tầm nhìn thu hẹp vào hoạt động thánh thiêng, vốn hứa hẹn ơn Cứu độ để đền đáp lại lòng trung thành, và không trội vượt về mặt xã hội hoặc đại kết, thì tất cả đều gia tăng số giáo hữu trong các thập niên 60 và 70.

Những người khác không nghe được tiếng kêu của Thánh Lễ là những kẻ mà đối với họ, tôn giáo chủ yếu là một mối quan hệ cá nhân với Thiên Chúa, và họ không thoả mái với cách nhấn mạnh vào cộng đoàn gần đây hơn từ thời Công đồng Vatican II. Thời gian dâng Thánh Lễ là lúc họ ở một mình với Thiên Chúa. Sự cứu độ có khuynh hướng tập trung hơn vào việc tránh điều sai trái (tội lỗi), hơn là làm việc lành.

Những người nghe được tiếng kêu của Thánh Lễ là những người coi trọng hai trong số những yêu cầu của Đức Giê-su liên quan đến Thánh Lễ: thứ nhất, chúng ta lập lại tình yêu tự hiến thân của Người để tưởng niệm Người; thứ hai, chúng ta trở thành những kẻ phân phối tấm bánh mà Đức Giê-su đã cung cấp. Cả hai lời phát biểu này đều là những khía cạnh của sứ mạng Ki-tô hữu, và có tương quan với nhau. Trong thời kỳ giáo hội tiên khởi, chính các môn đệ phân phát những phúc lành của ơn Cứu độ và giải thoát, nếu không, dân chúng sẽ chết vì khao khát những phúc lành này.

Tuy nhiên, thái độ của chúng ta có thể ngăn cản không để cho khả năng chữa lành và sự sống nuôi dưỡng của Đức Giê-su mở rộng như có thể được. Đây là một vấn đề trong thời giáo hội tiên khởi cũng như hiện nay, thật rõ ràng từ Tin Mừng theo Thánh Mác-cô. Bản chất con người phải liên tục được các giá trị của Đức Giê-su thách đố, và Tin Mừng theo Thánh Mác-cô giúp chúng ta thực

hiện điều này. Hầu hết các nhà chú giải đều gọi đoạn từ chương 6:31 đến chương 8:26 trong Tin Mừng của ngài là “đoạn Tin Mừng về tấm bánh”, vì đoạn này trình bày hai câu chuyện về việc Đức Giê-su làm phép lạ cung cấp thức ăn cho nhiều người. Trong cả hai trường hợp, còn lại rất nhiều mẩu bánh thừa. Trong trình thuật thứ nhất của Thánh Mác-cô, còn lại tới 12 thúng bánh đầy.

Một số câu hỏi mà Thánh Mác-cô muốn chúng ta đặt ra là: Tại sao có quá nhiều mẩu bánh thừa? Điều gì sẽ xảy ra đối với số bánh này? Ai chịu trách nhiệm nhận ra rằng số bánh này được Đức Giê-su có ý định sử dụng? Sự kiện 12 thúng còn lại trong số bánh của Đức Ki-tô rõ ràng cung cấp cho từng vị tông đồ. Qua suốt bao thời kỳ, công việc của các tông đồ là phân phát những ơn phúc lành mà Đức Giê-su đã đến để mang lại. Các ngài phải thực hiện công việc này một cách quảng đại, đối với tất cả mọi người cần đến, như chính Đức Giê-su đã từng làm. Trong nhiều dịp, Đức Giê-su còn chứng tỏ mức độ Người đã vươn tới với tất cả mọi người. Đức Giê-su đã gây ra vụ xì-căng-đan vốn dĩ rất nổi tiếng, khi Người cùng ăn uống với những tầng lớp thấp kém hoặc bị áp bức. Đức Giê-su không cảm thấy nhu cầu bảo vệ thông lệ riêng của mình; Người còn khẳng định rằng những kẻ khác nên bắt chước Người. Đức Giê-su còn nói với một chủ nhà thuộc tầng lớp trung lưu rằng ông ta phải mời vào bàn ăn của ông ta “những kẻ nghèo khó, tàn tật, què quặt, đui mù”, thay vì bạn bè, anh em, hay bà con hoặc láng giềng giàu có (Lc 14:12-14). Chắc chắn Đức Giê-su rao giảng những điều mà chính Người vẫn thực hành.

Đối với câu hỏi là tại sao có quá nhiều mẩu bánh thừa, Thánh Mác-cô trả lời bằng cách vạch ra sự thất bại

trong việc phân phát, và giải thích tại sao lại có tình trạng như vậy. Nguyên nhân thứ nhất được triển khai ngay từ đầu chương 7. Trong đó, chúng ta được kể lại rằng thói câu nệ nghi thức mà tôn giáo đưa đến có thể là một trong những nguyên nhân cơ bản của sự thất bại. Trường phái Pha-ri-sêu đã phát triển hàng loạt lề luật và cách giải thích về các bữa ăn, đến nỗi thế giới những điều ô uế theo lề luật đã loại trừ nhiều kẻ đói khát một cách hiệu quả. Đức Giê-su đã gọi tình trạng này là đạo đức giả, vì những truyền thống của con người đã thay thế cho ý định thực sự của Thiên Chúa. Đối với kiểu loại trừ này, điều tồi tệ nhất là nó được thực hiện với lương tâm trong sáng. Trên thực tế, điều này liên quan hơn đến cả mức độ tự mãn rằng mình đúng đắn, vì những kẻ nào dám làm khác đi, thì đều bị chỉ trích và hạ giá.

Sự hoán vị đối với thời đại chúng ta thật rõ rệt, và đây là một nguy cơ cần phải ngăn chặn, vì người ta rất dễ dàng mắc phải, do hiểu lầm rằng vì lòng tôn kính hoặc vì thánh ý Thiên Chúa. Thái độ này tự bộc lộ cả trong lãnh vực phụng vụ lẫn lãnh vực xã hội. Về mặt phụng vụ, sự tập trung vào những điều bên ngoài, các đề mục, bản văn chính xác về tám bánh, hoặc những chi tiết khác thì dễ dàng hơn nhiều, so với sự tập trung vào thực tại tối cao đang được cử hành. Người ta cũng dễ dàng hơn rất nhiều trong việc liệt kê những ai xứng đáng lên Rước lễ. Chắc hẳn phải có hình thức ngạo mạn nào đó, liên quan đến lối suy nghĩ về sự xứng đáng chia sẻ chén thánh và ơn Cứu độ của Đức Ki-tô!

Tuy nhiên, lãnh vực phụng vụ lại ràng buộc với xã hội. Có bao nhiêu người không bao giờ gia nhập thế giới của chúng ta, đơn giản chỉ vì họ ở bên ngoài "giới hạn lề

luật" mà chúng ta đã lập ra, do mối quan tâm Ki-tô giáo? Chúng ta xác định cho bản thân một cách hẹp hòi đối với những điều đòi hỏi để được ơn Cứu độ, và điều này thường không bao hàm người đồng loại – đặc biệt đối với những kẻ ở xa. Quan điểm của chúng ta về trách nhiệm Ki-tô hữu bị giới hạn thu hẹp, và thế giới quan của chúng ta cũng vậy. Đồng thời, giống như người Pha-ri-sêu, chúng ta cố gắng đạo đức trong đời sống hàng ngày của mình, ra vẻ thoải mái rằng chúng ta đang làm vui lòng Thiên Chúa. Trong đoạn này của Tin Mừng theo Thánh Mác-cô, ngài khiển trách những kẻ viển có tôn giáo mà bỏ qua việc phụng dưỡng cha mẹ (7:9-13). Các tiền lệ hiện nay của chúng ta hoàn toàn rõ rệt.

Đức Giê-su cung cấp một manh mối về nguyên nhân tại sao chúng ta phát triển thói hẹp hòi này. Sau khi Đức Giê-su gây sốc đối với tất cả mọi người, bằng cách nói rằng không gì từ bên ngoài vào trong con người lại có thể làm cho người đó ra ô uế (bạn hãy nhớ những xung đột dữ dội mà câu nói này đã gây ra trong giáo hội tiên khởi, đối với các lễ luật phục vụ cho chế độ ăn kiêng), Người tiếp tục nói rằng chỉ có tội lỗi mới làm cho bất cứ người nào ra ô uế, vì tội lỗi phát xuất từ trong thâm tâm. Tội lỗi cũng ngăn cản chúng ta đánh giá đúng hoàn cảnh khó khăn của những kẻ khác, vì thói tham lam, độc ác, xảo trá, ganh tị, kiêu ngạo, tà dâm đều nằm trong số những tội lỗi này (7:14-23).

Tuy nhiên, ngay cho dù chúng ta thành công trong việc tiêu diệt tận gốc những rối loạn trên đây, thì tình trạng vẫn còn đó. Thánh Mác-cô cung cấp cho chúng ta một nguyên nhân thứ hai, khi ngài đưa vào người phụ nữ gốc Phê-ni-xi, xứ Xy-ri-a ở thời điểm này (7:24-30). Bà là

một kẻ ngoại giáo, nhưng vẫn có thể được chia sẻ những mẩu bánh vụn, còn thừa từ bàn ăn được dành cho dân riêng của Đức Giê-su. Phải mất nhiều năm, hàm ý về điều này mới được ghi nhận. Có lẽ nó vẫn chưa được củng cố hoàn toàn. Nhưng nguy cơ thì rõ rệt: giới hạn ơn Cứu độ - lương thực – chỉ dành cho “dân được chọn”. Những tâm nhĩn của chúng ta bị hạn chế vào giáo xứ của chúng ta, hoặc giáo hội, hoặc nhóm tôn giáo, thay vì dành cho tất cả mọi người có nhu cầu mà không giới hạn. Thánh Lễ nên tạo khả năng cho chúng ta vươn tới những kẻ túng thiếu, cho dù họ có thể ở bất cứ nơi nào.

Tất cả chúng ta đều có cá tính nhỏ mọn và tầm thường. Các phép lạ về việc hóa bánh ra nhiều và Thánh Thể nói với chúng ta về việc Đức Giê-su ban ơn phong phú cho chúng ta, sự phong phú đến nỗi còn có nhiều hơn là đầy đủ cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, chúng ta vẫn luôn luôn sợ hãi rằng chúng ta sẽ tước đoạt của chính mình. Khi Thánh Mác-cô kể lại câu chuyện phép lạ hóa bánh ra nhiều, thì một trong các đoạn Cựu Ước mà chắc chắn ngài lưu ý đến bộc lộ rõ cùng nỗi sợ hãi này. Trong sách các Vua 2 (4:42-44), ngôn sứ Ê-li-sa bảo đầy tớ của ông dọn bánh cho 100 người đói. Ông đã bắt gặp lời phản đối của đầy tớ rằng không có đủ cho tất cả mọi người – giống như các môn đệ muốn Đức Giê-su giải tán đám đông vì cùng lý do đó. Nhưng ngôn sứ Ê-li-sa cứ khẳng định: “Đức Chúa phán thế này: Họ sẽ ăn mà vẫn còn dư!”. Ngày nay, điều này vẫn có thật.

Chủ nghĩa cô lập và triết lý tự-xoay sở-lấy không có chỗ trong lối cư xử của Ki-tô hữu, đặc biệt nếu chúng bị thúc đẩy bởi sự thiếu lòng tin vào ân sủng của Thiên Chúa. Chúng ta không bao giờ nên e ngại việc cho đi

ngay cả điều ít ỏi mà chúng ta có, bởi vì sẽ luôn luôn còn lại một số nữa. Khả năng chia sẻ, nhận biết rằng tất cả mọi sự chúng ta có được đều là ân huệ, chính là dấu hiệu của một người môn đệ đích thực. Sự sẵn sàng tính đến người khác vào những phúc lành mà chúng ta đã nhận được cũng chính là cách thức để giữ cho chính những phúc lành này đạt hiệu quả nơi chúng ta.

Ngày nay, khi nói rằng chúng ta tin tưởng vào Đức Giê-su, nghĩa là sống Thánh Lễ theo cách thức mà Người muốn chúng ta sống. Chúng ta từ chối Đức Giê-su và tất cả mọi sự mà vì thế Người đã sống và chết, trừ khi Đức Giê-su và những điều Người ủng hộ chiếm được vị trí đầu tiên trong hệ thống giá trị của chúng ta. Nói rằng Đức Giê-su là Chúa, và Thánh Lễ là sự hiện diện đích thực mang tính bí tích của cùng một Chúa, nghĩa là công bố ra bên ngoài rằng Người chính là Đấng mà chúng ta dựa vào để sống. Nếu cuộc sống của chúng ta đối trá đối với lời khẳng định này, thì chúng ta là những kẻ lừa dối.

Trong ngày Lễ Minh Thánh Đức Ki-tô, Thánh Tô-ma Aquinô chia sẻ với chúng ta vài tư tưởng về ý nghĩa của Thánh Lễ. Ngài viết: "Con một Thiên Chúa muốn chúng ta chia sẻ thần tính của Người, do đó, Người đã mặc lấy bản chất con người chúng ta... Ngoài ra, những điều Người mặc lấy trong bản chất của chúng ta, thì Người đã ban lại cho chúng ta vì ơn Cứu độ của chúng ta". Chúng ta có thể làm thế nào để chia sẻ thần tính của Đức Ki-tô? Bằng cách sống cuộc đời của Người mà chúng ta đã được ban trong phép Thanh tẩy, bằng cách bắt chước lối cư xử của Người, bằng cách chấp nhận các giá trị của Người, bằng cách đặt cuộc đời chúng ta căn cứ vào những điều mà Người đã sống cho.

Chúng ta phải bác bỏ tất cả những định kiến của mình về Thiên Chúa, về sự thánh thiện, về những gì là thánh thiêng. Để nhận biết thần tính có nghĩa là gì, cách thức duy nhất mà chúng ta thực sự có là nhìn vào Đức Giê-su. Chúng ta tự lừa dối mình, nếu chúng ta cứ tưởng tượng Đức Giê-su giống như những điều chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa được cho là giống như vậy. Trên thực tế, niềm tin rằng Đức Giê-su mang thần tính không phải là thay đổi bất cứ điều gì mà chúng ta biết về Đức Giê-su từ Kinh Thánh; nhưng là thay đổi sự hiểu biết của chúng ta về ý nghĩa của thần tính và sự thánh thiện. Bằng cách nhìn vào Đức Ki-tô, chúng ta có thể bắt đầu nhận ra rằng những hình ảnh của chúng ta về sự thánh thiêng có lẽ không hề giống như Thiên Chúa. Chúng ta cần phải hoàn toàn chấn chỉnh tâm nhìn của chúng ta về sự thánh thiện và việc thờ phượng.

Đức Giê-su không sống trong hai thế giới: thế giới thánh thiêng và thế giới trần tục. Người không hướng dẫn hai cuộc sống: cuộc sống thánh thiện và cuộc sống thế tục. Biện cố Nhập thể phá hủy sự phân biệt đó. Đối với kẻ thực sự theo Đức Ki-tô, điều duy nhất không phù hợp trong cuộc sống là định kiến mà chúng ta vẫn có về ý nghĩa của tầm quan trọng, chức vụ và cương vị lãnh đạo. Các môn đệ đã từng có một thời gian cực kỳ khó khăn trong việc hoàn toàn đánh giá đúng về ý nghĩa vai trò Mê-si-a của Đức Giê-su. Mỗi khi Đức Giê-su nói về những đau khổ sắp tới của Người, Thánh Mác-cô cho thấy rằng các môn đệ đều hoàn toàn hiểu lầm về những điều đang diễn ra.

Sau khi Đức Giê-su loan báo cuộc thương khó lần thứ nhất, vấn đề chính là thái độ không sẵn sàng hy sinh

hoặc chịu đau khổ vì những kẻ khác. Nhưng Đức Giê-su vẫn cảnh báo chống lại thói tâm thái quá đỗi với bản năng tự bảo toàn mạng sống và tích lũy tài sản (Mc 8:35-36). Lời loan báo thứ hai cho thấy các môn đệ hiểu lầm rằng ý nghĩa của việc trở thành một kẻ theo Đức Giê-su cũng phát xuất từ lòng ghen tị và niềm tin hung hăng vô lý, cũng như mong ước tự đề cao tầm quan trọng của mình (9:35-38). Lời loan báo cuối cùng rơi vào những lỗ tai điếc, vì mỗi quan tâm chính của các môn đệ lúc đó là thói ganh đua nhỏ mọn trong cộng đoàn, mong ước vinh quang cá nhân, và vị trí lãnh đạo hàng đầu.

Đức Giê-su cố gắng cho các ông thấy rằng điều này hoàn toàn không phải là cương vị môn đệ, bằng cách chỉ rõ gương mẫu của cuộc đời Người. Chúng ta không nên bỏ qua bài học này. Đức Giê-su không muốn được dành cho Người địa vị và cấp bậc trong thế giới chúng ta; thay vào đó, Người đã chọn vị trí thấp nhất, vị trí của một kẻ phục vụ. Người không muốn vinh dự và sự tôn vinh; Người yêu cầu được nhận ra nơi những kẻ nghèo khổ và yếu đuối, những kẻ mà Người đã chọn để tự đồng hóa trong một tinh thần yêu thương và thương xót.

Thánh Lễ có tiềm năng đặc biệt hầu mang lại sự biến đổi cá nhân và toàn cầu. Nếu Thánh Lễ được truyền sức sống để trở thành một bí tích hiệp thông, qua sự chia sẻ cá nhân hiệu quả, thì Thánh Lễ có thể thành công trong việc thách đố các giá trị văn hóa thoải mái, mà hầu hết mọi người đều chấp nhận một cách mù quáng. Nếu các Ki-tô hữu bắt đầu thực hành những điều Đức Giê-su đã dạy dỗ, và minh họa khi Người cầm lấy, chúc lành, bẻ ra và đưa tám bánh ra để được phân phát, thì sẽ giải

quyết được nhiều vấn đề trên thế giới, ở cả mức độ cá nhân lẫn thể chế.

Một Thánh Lễ đích thực không bao giờ là giây phút thụ động, an ủi một mình với Thiên Chúa, là điều gì đó cho phép chúng ta thoát khỏi những nỗi lo lắng và bận tâm trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Thánh Lễ chính là lúc mà qua đó, tất cả những nỗi lo lắng và bận tâm đều tập trung, và là lúc mà chúng ta được yêu cầu đo lường chúng dựa trên tiêu chuẩn mà chính Đức Giê-su đã từng sống, khi Người công bố cho tất cả mọi người nghe rằng tám bánh mà Người mang lại sẽ cung cấp sự sống cho toàn thể thế giới. Nhưng Thánh Lễ sẽ chỉ thực hiện được điều này, nếu một khi chúng ta tự nhận thấy mình cùng với một giỏ bánh, thì chúng ta chăm chú nhìn đủ sâu vào trái tim Đức Ki-tô, để nhận biết mình cần phải làm gì.

NỘI DUNG

- I. Những Anh Chị Em của Đức Giê-su
- II. Khám phá Phép Thánh Thể trong Tân Ước
- III. Đức Giê-su trong Cuộc đời Chúng ta
- IV. Thống nhất Tâm nhìn của Chúng ta
- V. Được Cùng nhau Mời gọi trong Đức Ki-tô
- VI. Ăn tại Bàn tiệc của Chúa
- VII. Tắm bánh được Bẻ ra và Chia sẻ
- VIII. Những Đòi hỏi của Phép Thánh Thể
- IX. Chủ nghĩa Cá nhân: Tà thuyết Hiện đại
- X. Cầu nguyện Như thế nào trong Nhà thờ?
- XI. Đón rước Thánh Thể tại Nhà
- XII. Sống một Đời sống Thánh Lễ
- XIII. Tắm bánh cho Thế giới Mới